



“ĐI NHƯ RI LÀ MẮT NƯỚC!”

Ngô Đình Diệm

“Viết với

Tổng Thống Ngô Đình Diệm

Mở đầu trang nhật ký, con viết cho cụ. Con nghĩ rằng cụ chưa chết, chưa thể chết được.

Cụ có biết con buồn khổ suốt tuần lễ không? Dinh Gia Long bây giờ đối với con xa lạ rồi. Cụ đã ra đi không bao giờ trở lại. Những ngày sống bên cụ, phục vụ không quên được.

Con sẽ ghi lại về cụ, người con hằng yêu mến suốt đời.

Đỗ Thọ

Sài Gòn, 4/11/1963”

Ra đi!

“Giờ phút rời khỏi hầm nhanh chóng không thể tưởng tượng được. Tôi, Đại úy Lê Công Hoàn, Đại úy Lộc, Đại úy Bằng, ông già Ân đang quay quần chung quanh Tổng Thống. Ông Ngô Đình Nhu từ ngoài hành lang vào nhìn Tổng Thống Ngô Đình Diệm nói: “Đi! Sửa soạn đi”. Tổng Thống vẫn ngồi, mắt ngược lên hỏi ông Nhu: “Đi mô”. Ông Nhu đáp lại: “Cứ đi đã”. Tổng Thống gọi ông già Ân: “Lấy chiếc kẹp (cặp) xuống đây”. Ông già Ân nhanh chân đưa xuống chiếc “cặp da” cho Tổng Thống. Tổng Thống nói với những sĩ quan có mặt: “Đi một đũa thôi”. Tất cả đều hiểu ý

Thống Thống nhưng Tổng Thống lại không chỉ định dứt khoát ai theo Tổng Thống.

Chiếc cặp da được đặt trên bàn trước mặt Tổng Thống.

Tổng Thống đứng dậy (chuẩn bị đi) trao cho Đại úy Lê Công Hoàn chiếc cặp da đó. Như thế có nghĩa là Hoàn được Tổng Thống chọn đi theo.

Tổng Thống bắt thần ngừng lại cửa hầm ít giây trong khi đó tôi lấy chiếc cặp da trên tay Lê Công Hoàn và thưa với Tổng Thống: “Hoàn đã có vợ con, xin cụ cho con được thay thế”. Tổng Thống nhìn tôi hơi khẽ gật đầu rồi bước đi. Tôi tạm biệt Lê công Hoàn chạy theo Tổng Thống cho kịp thời gian đòi hỏi.

Buổi chiều ấy, Tổng Thống Ngô Đình Diệm lột dạ một tô cháo gà do ông già Ân mang xuống hầm. Tổng Thống uể oải cầm thìa múc cháo, một cứ chỉ bệ rạc mất rồi. Tổng Thống nhìn các sĩ quan chung quang rồi nói với ông già Ân: “Múc vài tô nữa cho anh em ăn với”...

Cũng tô cháo này là bữa ăn phục dịch cuối cùng của ông già Ân đối với Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Lúc rời khỏi hầm, tôi thấy tô cháo còn nguyên vẹn đang nằm hờ hững trên bàn. Lúc ấy là 7 giờ 10 phút tối 1-11-1963.

Còn gì buồn hơn. Còn gì kỷ niệm hơn một buổi tối âm đạm như thế. Một buổi tối mà số mệnh của tất cả

những người có mặt trong dinh Gia Long vô cùng bấp bênh. Đồng thời mang đến buồn tẻ, tủi nhục tiễn đưa một vị Tổng Thống đến một phương trời vô định”

(Trích Nhật Ký Đỗ Thọ, tr. 193-194)

“Tôi đứng sát Tổng Thống ngay khi cụ rời dinh Gia Long và nghe cụ lầm bầm: “Đi như ri là mất nước”

(Lời cụ Cao Xuân Vỹ)

Vâng! Cách đây đúng 51 năm về trước, vào lúc 7 giờ 10 phút chiều ngày 1-11-1963, Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã nói lời cuối cùng **“ĐI NHƯ RI LÀ MẤT NƯỚC”** tại dinh Gia Long, nơi tượng trưng cho uy quyền quốc gia trong suốt bao năm qua, ngay khi Tổng Thống và ông cố vấn Ngô Đình Nhu ra đi...

Thế rồi, vào khoảng 10 sáng ngày 02-11-1963, đài phát thanh Sài Gòn loan tin “Diệm Nhu đã tự vẫn”. Trước tin sừng sốt này, cả thế giới bàng hoàng rồi phản ứng như sau:

I.- CỘNG SẢN REO MỪNG:

Khoảng hai chiều ngày 02-11-1963, tại thủ đô Hà Nội, khi Hồ Tập Chương (tức quốc tặc Hồ Chí Minh) biết chắc Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã bị giết chết, ông ta nói với những nhân viên thân tín của ông ta như sau: “Lúc này người ta báo cho Bác biết là Ông Diệm vừa bị lật đổ. Ông Diệm là kẻ địch thủ ghê gớm nhất của Bác. Nay Ông ta đã bị loại rồi, thì chiến thắng chắc chắn sẽ về ta rồi.”

“Lịch sử Miền Nam Việt Nam từ năm 1963 đến 1975 có thể thu gọn trong câu nói đó, và những người tự nhận là thuộc về Đệ Nhất Cộng Hòa nên nhắc nhở những cá nhân, hay đoàn thể, đã nhúng tay vào việc lật đổ và hạ sát Tổng Thống Ngô Đình Diệm nên suy nghĩ về câu nói đó và trách nhiệm của mình về những gì đã xảy ra từ năm 1963 đến nay...”

1.- Trong những năm trước năm 1963, trong số ký giả Hoa Kỳ ở Sài Gòn có ông Keyes Beech, đặc phái viên của báo Chicago Tribune, một nhà báo rất được kính nể. Năm 1963 ông này không vào hùa với đám ký giả tay sai của bọn tài phiệt buôn bán chiến tranh trên xương máu người dân Việt, chống Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Sau năm 1963, ông vẫn được ở lại Sài Gòn, và ông vẫn thân thiện với tôi. Một hôm, trong những chuyện ông kể cho tôi nghe có chuyện sau đây. Ông ta nói: “*You know, on the afternoon of the day President Diem was overthrown, I was in a bar in Pnom-Penh. Sitting next to me was Wilfrid Burchett. We were not friends. But on hearing the news about*

President Diem's death, he turned to me and said: "It's unbelievable! They have killed the only man with the ideas and the organisation that can stop us". ("Thật là không thể tin được: chúng nó đã giết chết người duy nhất có tư tưởng và tổ chức có thể chặn chúng tôi"). Wilfrid Burchett không nói rõ “chúng nó và “chúng tôi” là ai, nhưng chúng ta cũng có thể thấy rõ là “chúng nó” là phe chống cộng, và “chúng tôi” là phe cộng sản.

2.- Hồi trẻ, trước năm 1945, ở Huế, tôi quen thân bà Hồ Thị Mộng Chi. Nhưng sau 1954, bà tỏ ra thân với phía Bắc Việt. Còn tôi lại cộng tác với Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Vì vậy tôi không đi lại với gia đình Bà Hồ Thị Mộng Chi nữa. Sau 1960, và nhất là sau 1968, thì “chiến tuyến” lại càng rõ ràng hơn nữa, vì Bà Hồ Thị Mộng Chi làm bí thư cho Bà Nguyễn Thị Bình. Hai người con bà Chi cũng “anti-Saigon” rất hăng, và khi “phe ta” thắng trận năm 1975 mẹ con đều dắt nhau về Việt Nam ngay. Qua bạn bè, đặc biệt là anh Bửu Kinh (nay đã mất), một người bạn thân của gia đình bà Chi, và cũng thân tôi làm trung gian, tôi gặp lại bà Hồ Thị Mộng Chi tại Pháp. Trong buổi tái ngộ, chúng tôi nói chuyện lông bông luôn mấy tiếng đồng hồ. Tôi ngồi nghe nhiều hơn nói, và nghe ba mẹ con bà đưa nhau đá kích Việt Cộng kịch liệt! Tôi sừng sốt. Tôi không dám hỏi tại sao, nhưng chỉ đoán, nhớ bà Chi nói “tụi nó tệ lắm”. Tôi được anh Bửu Kinh cho biết, trước đó trong chuyến về Việt Nam mẹ con bà không được Việt Cộng tiếp đón niềm nở, vì nó thắng rồi nên không cần đến bà nữa. Bà lại tưởng rằng vì bà là người có công, nhất là đã giúp cộng sản trong việc tuyên truyền (con đại thần Triều Nguyễn mà lại đứng về phe cách mạng, lại là bí thư của Bà Nguyễn Thị Bình, ở ngay Paris, trong những cuộc đàm phán hệ trọng). Còn người con thì thổ lộ: “tụi nó dốt quá” (nó nói rằng Mã Lai không phải là quốc gia độc lập, còn Lê Đức Thọ, được anh ta dẫn đi coi thành tựu kinh tế kỹ nghệ Pháp lúc viếng thăm Paris thì cho rằng “chẳng có gì đáng để ý”)!! Nhưng điều đáng ghi nhất là giây phút chót của cuộc tái ngộ. Lúc đó cũng gần 12 giờ khuya. Bà Chi đưa tôi ra cửa, và cùng tôi đi mấy bước ra giữa phố, lúc đó vắng. Tôi không hề đề cập gì đến ông Diệm trong cuộc gặp gỡ, nhưng trước khi chia tay bà ta nói: “Nghĩ kỹ lại, chỉ có Ông Diệm là hơn hết!” (Trích “Cộng Sản Nghĩ Sao Về Tổng Thống Ngô Đình Diệm của GS Tôn Thất Thiện).

3.- Trở lại chuyện ký giả cộng sản nổi tiếng Wilfrid Burchett, khi ông ta gặp quốc tặc Hồ Chí Minh, ông Minh nói với Wilfrid Burchett rằng: **“Tôi không thể ngờ rằng tụi Mỹ ngu đến thế”**.

Còn đài phát thanh Hà Nội, buổi tối ngày 02-11-1963 đã bình luận như sau: “Do sự lật đổ Ngô Đình Diệm và em ông là Ngô Đình Nhu, tội đế quốc Mỹ đã tự mình hủy diệt những cơ sở chính trị mà họ Ngô đã mất biết bao nhiêu năm để xây dựng”.

Về phía cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam thì bọn chúng không ngờ, bọn chúng lại may mắn như thế. Nên ông Nguyễn Hữu Thọ nói với báo Nhân Dân: “Sự lật đổ Diệm là một món quà mà Trời ban cho chúng tôi.”

Và tên Phó Chủ Tịch Trần Nam Trung nói: “Tội Mỹ quyết định đôi ngựa giữa dòng. Chúng sẽ không khi nào tìm được một người hữu hiệu hơn ông Diệm.”

Ngoài ra, tên tướng CS Võ Nguyên Giáp và những đồng bọn còn sống sót của ông Hồ Chí Minh, sau này gặp Ông Robert McNamara ở Hà Nội tháng 11 năm 1995, đã nói rằng: “Chính sách Kennedy ở Việt Nam sai lầm hết chỗ nói. Ngô Đình Diệm là một người có tinh thần quốc gia, không khi nào ông chịu để cho người Mỹ dành quyền điều khiển chiến tranh, và sự người Mỹ dành quyền đã đưa người Mỹ đến thất bại đắt giá. Cho nên, kết quả của cuộc đảo chánh lật đổ ông Diệm năm 1963 là sự kết thúc sớm [sự hiện diện] Hoa Kỳ ở Việt Nam, một điều đáng làm cho người ta ngạc nhiên”

II.- CHÍNH QUYỀN HOA KỲ THỤ NHẬN:

Tổng Thống John Kennedy thụ nhận rằng:

1.- “Cuộc đảo chánh đã xảy ra tại Sài Gòn vào cuối tuần qua. Nó là tột đỉnh của cuộc thảo luận trong ba tháng về một cuộc đảo chánh, một cuộc thảo luận đã gây chia rẽ trong chính quyền ở đây và ở Sài Gòn”.

2.- “Tôi cảm thấy chúng ta phải gánh vác rất nhiều trách nhiệm vì nó đã khởi sự bằng điện văn của chúng ta (mang số 243 được gửi vào cuối tháng Tám, chính xác là vào hồi 9 giờ 36 phút tối thứ Bảy, 24 tháng 8, 1963, từ Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ ở Washington, cho Đại sứ Lodge ở Sài Gòn) gửi vào đầu tháng Tám trong đó chúng ta gợi ý cuộc đảo chánh”.

3.- “Theo nhận định của tôi điện văn đó đã được thảo quá tệt, đáng lẽ nó không bao giờ được gửi đi vào một ngày Thứ Bảy. Đáng lẽ tôi đã không nên chấp thuận nó mà không qua một cuộc thảo luận bàn tròn để qua đó Robert McNamara và Maxwell Taylor có thể trình bày quan điểm của họ. Còn Tướng Paul Harkins tiếp tục chống đối cuộc đảo chánh trên căn bản là nỗ lực quân sự đang tiến hành tốt đẹp”.

4.- “Tôi đã bị sốc về cái chết của Diệm và Nhu. Tôi đã gặp Diệm với Thẩm Phán Tối Cao Douglas nhiều năm trước. Ông đã là người có cá tính ngoại hạng và trong khi ông gặp khó khăn vào những tháng vừa rồi

nhưng trong khoảng mười năm qua ông đã giữ vững nước ông đề duy trì được nền độc lập dưới những nghịch cảnh rất khó khăn”.

5.- “Cách mà ông đã bị giết thật kinh khủng. Vấn đề bây giờ là liệu các tướng có thể đoàn kết với nhau để cùng xây dựng một chính quyền ổn định, hay là Sài Gòn sẽ bắt đầu, công luận tại Sài Gòn, trí thức, sinh viên, vân vân sẽ chỉ trích chính quyền này như là áp bức và phi dân chủ trong một tương lai không xa”.

6.- Phe chống đảo chánh gồm: “Tướng Maxwell Taylor, Bộ Trưởng Tư Pháp Robert Kennedy, Bộ Trưởng Quốc Phòng Robert McNamara, Tổng Giám Đốc CIA John McCone”.

7.- Phe ủng hộ đảo chánh: “Bộ Ngoại Giao, dẫn đầu bởi Averell Harriman, George Ball, Michael Forestal, Roger Hilsman.

8.- Michel Forrestal chỉ là một thứ thiên lôi chỉ đầu đánh đay của Averell Harriman.

9.- Averell W. Harriman đã có biệt danh “cá sấu”. Tại bàn hội nghị, mắt ông ta lúc nào cũng lim dim như mắt cá sấu nằm bên bờ lạch, lâu lâu “táp” một cái, con mồi khó thoát.

10.- Bobby Kennedy đã tặng ông ta một con cá sấu nhỏ bằng vàng, và nhân viên ông ta tặng một con bằng bạc, coi như kỷ vật “từ các nạn nhân”. Cá sấu Averell W. Harriman đợi hơn một năm, táp được anh em Cố TT Ngô Đình Diệm.

III.- NHỮNG TIẾT LỘ:

Sau đây là lời tuyên bố của cố Tổng Thống Lyndon B. Johnson được ghi lại trong một cuốn băng dài 30 tiếng đồng hồ do thư viện Johnson Library ở Austin, Texas, công bố ngày 28-2-2003 vừa qua. Những đoạn băng này cho thấy khi chiến tranh Việt Nam đang ở vào thời kỳ gay go nhất, Tổng Thống Lyndon B. Johnson đã gặp khó khăn vì sự chống đối của Quốc Hội. Ông bị giằng vặc về sự thất bại trong việc lãnh đạo chiến tranh Việt Nam. Ông nói: “Tôi không thể rút ra, tôi không thể chính là kiến trúc sư của sự đầu hàng” (I can't get out, I just can't be the architect of surrender)

Tài liệu này được công bố sau 40 năm kể từ khi Hoa Kỳ thuê một số tướng lãnh Việt Nam làm đảo chánh lật đổ và giết chết ông Ngô Đình Diệm, khởi đầu cho việc đưa quân vào miền Nam Việt Nam.

Tài liệu vừa được công bố trên cho biết, vào ngày 1-2-1966, Tổng Thống Johnson đã gọi điện thoại cho Thượng Nghị Sĩ Eugene McCarthy than phiền về việc chính quyền Kennedy (lúc đó ông Johnson là Phó Tổng Thống) và liên minh cánh tả của ông ta ở Thượng Viện đã ủng hộ việc ông ta đi vào cuộc chiến Việt Nam, nhưng lại không ủng hộ ông trong việc tiếp

tục cuộc chiến đó. Ông nhắc lại chuyện chính quyền Kennedy tổ chức giết ông Diệm để có thể tham chiến ở Việt Nam:

“Ngài nhớ, lúc đầu họ nói với tôi về Diệm. Ông ta tham nhũng và ông ta phải bị giết. Vì thế, chúng ta đã giết ông ta. Tất cả chúng ta đã họp lại với nhau và sử dụng một bọn ác ôn còn đồ đáng nguyên rủa để hạ sát ông ta. Bây giờ chúng ta không có sự ổn định chính trị [ở Miền Nam Việt Nam] từ lúc đó.”

(They started on me with Diem. He was corrupt and he ought to be killed. So we killed him. We all got together and got a goddam bunch of thugs and assassinated him. Now, we’ve really had no political stability [in South Vietnam] since then.)

Ít phút sau, trong một cuộc nói chuyện với Tướng Maxwell D. Taylor đang là Đại Sứ Hoa Kỳ ở Nam Việt Nam, Tổng Thống Johnson lại nhắc lại điều đó. Ông nói với Tướng Taylor: “Họ khởi đầu và nói: Chúng ta phải giết Diệm, bởi vì ông ta không tốt. Chúng ta hãy, chúng ta hãy lật đổ ông ta. Và chúng ta đã làm.” (They started out and said, “We got to kill Diem, because he’s no damn good. Let’s, let’s knock him off. And we did.)

Tướng Taylor đồng ý: “Phải, sự việc đã khởi đầu tất cả như thế. Đúng là sự việc đã khởi đầu như thế.” (Yeah, that’s where it all started. That’s exactly where it started!”)

Tổng Thống Johnson giận dữ trả lời: “Và lúc đó tôi đã van nài họ, ‘Xin vui lòng đừng làm điều đó’. Nhưng sự việc vẫn được khởi sự. Và họ đã lật đổ ông ta.” (“And I just pled with them at the time, ‘Please, don’t do it.’ But that’s where it started. And they knocked him off.”)

Trong một bài dưới nhan đề “What’s Hidden in the LBJ Tapes. Johnson thought JFK was responsible for the murder of Ngo Dinh Diem.” đăng trên tuần san Weekly Standard ngày 29-9-2003, James Osen đã trình bày và phân tích đoạn băng này với kết luận rằng Tổng Thống Kennedy phải chịu trách nhiệm về cái chết của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Tác giả đã nhắc lại chuyện một nhân viên CIA là Everette Howard Hunt đã làm các điện văn giả để giúp Tổng Thống Nixon chứng minh Tổng Thống Kennedy dính líu đến việc hạ sát Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Người ta nhớ lại hôm 19-6-1972, hai ngày sau khi vụ Watergate bùng nổ, một nhân viên của Safemasters Company và một nhân viên của Sở Mật Vụ (Secret Service) đã đột nhập vào phòng 522 của Tòa Bạch Ốc, nơi chứa những tài liệu của một người tên là Everette Howard Hunt, một nhân viên CIA có nhiệm vụ giúp

Tổng Thống Nixon. Tại đây các nhân viên điều tra đã khám phá ra hàng trăm điện văn (cables) ghi lại các biến cố đưa đến cuộc đảo chánh vào ngày 1 tháng 11 năm 1963 ở Nam Việt Nam với kết quả là Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông cố vấn Ngô Đình Nhu bị hạ sát. Các nhân viên điều tra cũng khám phá ra hai điện văn giả về ông Diệm do Everette Howard Hunt làm với ẩn ý nói rằng chính quyền của Tổng Thống Kennedy và chính ông ta đã can dự vào việc giết hai nhân vật này.

Everette Howard Hunt sinh năm 1918, đã làm việc cho CIA từ 1949 đến 1970. Trước đó, ông ta bị coi là một nghi can quan trọng trong vụ giết Tổng Thống Kennedy vào ngày 22-11-1963, nhưng không bị truy tố vì “không đủ yếu tố buộc tội”. Trong vụ đặt máy nghe lén nơi họp của Đảng Dân Chủ, ông đã bị phạt 8 năm tù.

Qua những lời phát biểu của Tổng Thống Lyndon B. Johnson nói trên, chúng tôi thấy có hai vấn đề được đặt ra: Vấn đề thứ nhất: Trách nhiệm của chính quyền Kennedy trong vụ làm đảo chánh và hạ sát Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Vấn đề thứ hai: Trách nhiệm của “bọn ác ôn còn đồ đáng nguyên rủa” trong việc hạ sát một cách dã man Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Nhu. Chúng tôi xin trình bày qua hai vấn đề này.

IV.- NHẬN DIỆN CÁC CHÍNH PHẠM.

Không phải đến ngày 28-2-2003, khi Johnson Library công bố cuốn băng nói trên, chúng ta mới có thể xác quyết chính phủ Hoa Kỳ đã đứng ra tổ chức cuộc đảo chánh ngày 1-11-1963 và ra lệnh giết chết Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông cố vấn Ngô Đình Nhu. Những văn kiện trao đổi giữa Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ và Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 11 năm 1963 cũng đủ để chứng minh điều đó.

Cuốn hồi ký của ông Robert S. McNamara, cựu Bộ Trưởng Quốc Phòng Hoa Kỳ, xuất bản năm 1995 cũng đã xác định rất rõ Roger Hilsman Jr., Phụ Tá Ngoại Trưởng đặc trách Viễn Đông Vụ, Averell W. Harriman, Thứ Trưởng Ngoại Giao, và Michael V. Forrestal, một thành viên tham mưu (staffer) của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia, là “kiến trúc sư” của cuộc đảo chánh lật đổ Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Roger Hilsman là một nhân viên cao cấp của Bộ Ngoại Giao và cố vấn về chính sách Việt Nam. Năm 1961, ông được Tổng Thống Kennedy bổ nhiệm làm Giám Đốc Văn Phòng Tình Báo và Nghiên Cứu của Bộ Ngoại Giao. Ông được coi như “kiến trúc sư chính về chính sách Việt Nam của Hoa Kỳ” (principal

architect of U.S. Vietnam policy). Tháng Giêng năm 1962 ông trình bày “Một Quan Niệm Chiến Lược cho Nam Việt Nam” (A Strategic Concept for South Vietnam), coi việc xây dựng nông thôn Việt Nam như một chìa khóa đưa đến chiến thắng. Vào tháng 2 năm 1964, sau khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ, đã có một sự bất đồng giữa Tổng Thống Johnson và Ngoại Trưởng Rusk về chính sách Việt Nam do Hilsman là tác giả, nên Hilsman phải từ chức. Năm 1967, Hilsman đã viết cuốn “To Move a Nation” ca tụng chính sách Việt Nam của Tổng Thống Kennedy và đả kích sự leo thang chiến tranh của Tổng Thống Johnson.

Nhưng có lẽ tác giả cái chết của Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Nhu là Averell W. Harriman.

Averell W. Hariman sinh năm 1891, làm Đại Sứ Toàn Quyền của Hoa Kỳ từ 1960 đến 1961, sau đó làm Phụ Tá Bộ Trưởng Ngoại Giao về các vấn đề Viễn Đông từ 1962 đến 1963 và Thứ Trưởng Ngoại Giao về các vấn đề chính trị từ 1963 đến 1964. Ông được coi là “kiến trúc sư của chính sách Chiến Tranh Lạnh” (architect of Cold War policy) của Hoa Kỳ. Trong thời gian làm Phụ Tá Bộ Trưởng Ngoại Giao về các vấn đề Viễn Đông, Averell W. Harriman đưa ra chủ trương trung lập hóa Lào để bảo vệ miền Nam Việt Nam. Chủ trương này đã bị ông Ngô Đình Nhu cực lực phản đối.

Câu chuyện đã xảy ra như sau: Vào tháng Giêng năm 1961, CIA đưa James W. “Bill” Lair, một chuyên viên bán quân sự của Hoa Kỳ đến gặp lãnh tụ của HMong Trắng là Vang Pao để thương lượng về vấn đề vũ trang và huấn luyện cho người HMong chống lại Cộng Sản Lào. Lúc đầu hai bên thỏa thuận Hoa Kỳ sẽ huấn luyện cho 1000 quân HMong ở biên giới Thái - Lào và cung cấp vũ khí cho họ. Sau đó việc huấn luyện và trang bị cứ gia tăng dần, đến mùa hè năm 1961, CIA đã huấn luyện và cung cấp vũ khí cho khoảng 9000 quân HMong chiến đấu. Tuy nhiên, vào tháng 5 năm 1962, với sự yểm trợ của bộ đội Việt Cộng, Pathet Lào đã chiếm được thủ phủ Nam Tha ở bắc Lào. Trước thất bại này, Averell W. Harriman đưa ra chủ trương trung lập hóa Lào để ngăn chặn Cộng Sản Việt Nam mượn đất Lào xâm nhập vào miền Nam Việt Nam. Cả Hawks trong chính quyền Kennedy lẫn Ngô Đình Nhu đều cho rằng giải pháp này không thực tế, nhưng Tổng Thống Kennedy vẫn theo ý kiến của Averell W. Harriman. Ông ra lệnh cho khoảng 3000 nhân viên quân sự Mỹ rút qua Thái Lan và sau đó mở hội nghị với Khrushchev bàn về một giải pháp trung lập cho Lào. Ngày 23-7-1962 Tuyên Ngôn Trung Lập Lào

được công bố. Khoảng 666 cố vấn quân sự của Hoa Kỳ còn lại rút ra khỏi Lào.

Giải pháp của Averell W. Harriman đã thất bại rất thê thảm. Theo báo cáo của CIA, sau khi tuyên bố trung lập, khoảng 7000 bộ đội Việt Cộng chẳng những không chịu rút khỏi Lào mà còn bành trướng thêm. Trong năm 1963, chính quyền Kennedy lại cho phép CIA huấn luyện và trang bị cho khoảng 20,000 quân HMong để chống lại quân Bắc Việt lẫn Pathet Lào. Chính phủ Ngô Đình Diệm đã phê phán Harriman nặng lời. Có lẽ chính những lời phê phán này đã khiến Averell W. Harriman quyết tâm tìm cách loại bỏ chính phủ Ngô Đình Diệm.

Averell W. Harriman đã viếng thăm Việt Nam và báo động rằng chính phủ Ngô Đình Diệm tham nhũng và bất ổn. Khi vụ Phật Giáo xảy ra, chính Harriman đã thúc đẩy chính phủ Kennedy làm áp lực buộc chính phủ Ngô Đình Diệm phải nhượng bộ Phật Giáo. Phải chăng câu “Ngài nhớ, họ nói với tôi lúc đầu về Diệm. Ông ta tham nhũng và ông ta phải bị giết.” mà Tổng Thống Johnson đã nhắc lại là lời của Harriman?

Michael V. Forrestal (1927 – 1989) là Trưởng Ủy Ban Phối Hợp Việt Nam (Vietnam Coordinating Committee) thuộc Hội Đồng An Ninh Quốc Gia từ 1962 đến 1965. Ông là người được Averell W. Harriman nâng đỡ. Ông đã cùng với Roger Hilsman, Giám Đốc Tình Báo của Bộ Ngoại Giao, đến thăm Việt Nam để duyệt xét tình hình tại chỗ. Trong một bản phúc trình chung, cả hai đã tỏ ra nghi ngờ về khả năng đứng vững của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa. Bản phúc trình nói đến sự ngày càng lớn mạnh của Việt Cộng và gợi ý rằng cuộc chiến này sẽ kéo dài hơn và tốn kém hơn như đã dự trù. Bản phúc trình đồng ý trên nguyên tắc về sự hình thành các áp chiến lược do ông Ngô Đình Nhu chủ xướng, nhưng lại tỏ ra nghi ngờ về hiệu quả của kế hoạch này. Trong phần phụ đính mật, hai tác giả đã đề nghị chính phủ Kennedy làm áp lực buộc chính phủ Ngô Đình Diệm phải thực hiện cải cách và giải tỏa “cơ cấu chính trị độc đoán” (authoritarian political structure).

Nói cách khác, Michael V. Forrstal và Roger Hilsmans đã cố tình làm cho các nhà lãnh đạo nước Mỹ tin rằng miền Nam Việt Nam không thể đứng vững nếu Hoa Kỳ không can thiệp trực tiếp bằng quân sự, và muốn can thiệp trực tiếp bằng quân sự, phải thay thế chính phủ Ngô Đình Diệm. Chính bản phúc trình này đã dọn đường cho việc tiến tới lật đổ chính phủ Ngô Đình Diệm và đưa quân Mỹ vào miền Nam Việt Nam.

Sau khi các biến cố Phật Giáo xảy ra tại Việt Nam, Roger Hilsman và Averell W. Harriman, với sự phối

hợp của Michael V. Forrestal, đã soạn thảo công điện mang tên DEPTTEL 243 chỉ thị cho Đại Sứ Henry Cabot Lodge thực hiện cuộc đảo chánh lật đổ chính phủ Ngô Đình Diệm. Đây là loại công điện tối mật cần hành động lập tức (operation immediate). Đô Đốc Harry Felt, Tư Lệnh Mỹ tại Thái Bình Dương, cũng đã góp ý kiến. Điều khó khăn là phải làm thế nào để qua mặt được Tổng Thống Kennedy. Kế hoạch qua mặt này đã được ông Robert S. McNamara, mô tả rõ trong cuốn hồi ký của ông và sẽ được trình bày ở sau.

Công điện đã được đánh đi khẩn cấp vào tối thứ bảy 24-8-1963. Công điện ghi rõ: “Chính phủ Mỹ không thể chấp nhận tình trạng quyền hành nằm trong tay của Nhu. Phải cho Diệm cơ may loại trừ Nhu cùng phe nhóm và thay thế bằng những nhân vật chính trị và quân sự khá nhất sẵn có. Mặc dầu những cố gắng của ông, nếu Diệm vẫn cứng đầu và từ chối, chúng ta phải đối phó với sự thể rằng không thể giữ lại ngay chính Diệm nữa.”

Để yểm trợ cho chủ trương này, các ký giả Davis Halberstans của New York Times, Neil Sheehen của UPI và Malcolm Browne của AP đã viết những bài tố cáo chính quyền Ngô Đình Diệm chuyên chế và tham nhũng với nhận định rằng không thể thắng trận ở Việt Nam với chính quyền Ngô Đình Diệm.

Vì công điện này không được Bộ Trưởng Ngoại Giao, Bộ Trưởng Quốc Phòng và Giám Đốc cơ quan tình báo CIA xem xét trước nên đã có những sự tố cáo lẫn nhau giữa các cơ quan này về việc làm nói trên. Nhưng rồi bức công điện đó cũng không hề được thu hồi.

Nhận được công điện trên, sáng thứ hai 26-8-1963, Đại Sứ Henry Cabot Lodge triệu tập ngay cuộc họp gồm tất cả các ngành của Tòa Đại Sứ Mỹ ở Việt Nam để lập kế hoạch lật đổ Tổng Thống Diệm. Đại Sứ Henry Cabot Lodge không chỉ quyết định phải giết Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Nhu, mà còn quyết định phải giết cả ông Ngô Đình Cẩn và Đại Tá Lê Quang Tung. Trong công điện ngày 5-10-1963 gửi về Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, Đại Sứ Cabot Lodge đã dành một đoạn để đề cập đến những người bị coi là nguy hiểm nhất ở miền Nam. Dương Văn Minh cho ông biết có ba người nguy hiểm nhất là Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn và Dương Văn Hiếu. Nhưng Lucien Conein lưu ý rằng Lê Quang Tung đáng sợ hơn. Với nhận định như thế, ngoài Tổng Thống Ngô Đình Diệm, ông Lodge thấy rằng cần phải giết thêm ba người nữa là ông Ngô Đình Nhu, ông Ngô Đình Cẩn và Đại Tá Lê Quang Tung. Thiếu tá Lê Quang Triệu tuy không có tên trong sổ đen, nhưng đem mạng tới

nap nên đã bị giết luôn! Riêng cái chết của Đại Tá Hải Quân Hồ Tấn Quyền vào sáng 1-11-1963 có lẽ do quyết định của các tướng lãnh Việt Nam.

V.- TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG THỐNG KENNEDY.

Trong Chương III của cuốn hồi ký, dưới tiêu đề “Mùa Thu Định Mệnh Năm 1963” (24-8 đến 22-11-1963), ông Robert S. McNamara đã trình bày khá rõ ràng về quyết định của Hoa Thịnh Đốn lật đổ chính phủ Ngô Đình Diệm. Ông viết:

“Khi báo cáo về tình trạng xáo trộn tới tấp gửi về Hoa Thịnh Đốn vào ngày 24 tháng Tám, các nhân viên có nhiệm vụ ứng trực nhận thấy rằng cơ hội để có hành động chống lại ông Diệm đã đến. Trong đêm đó Hoa Kỳ đã đề ra một kế hoạch đảo chánh, một hành động trong số những hành động quan trọng nhất của hai trào Tổng Thống Kennedy và Johnson.

“Người khởi xướng hành động này là Roger Hilsman Jr., nhân vật kế nhiệm Averell Harriman, giữ chức Phụ Tá Ngoại Trưởng đặc trách Viễn Đông Sự Vụ. Hilsman là một người thông minh, hay tự ái và thích nói nhiều, tốt nghiệp trường võ bị West Point, từng có kinh nghiệm về du kích chiến trong thời Đệ Nhị Thế Chiến và khá am tường về tình hình. Ông này cho rằng cuộc chiến không thể thắng được nếu còn ông Diệm, vì thế phải tìm cách gạt ông ta ra.”

“Chính Roger Hilsman đã thảo bức điện tín gửi cho Đại Sứ Henry Cabot Lodge ra lệnh đảo chánh. Bức điện này được ông Averell Harriman vừa được cử giữ chức Thứ Trưởng Ngoại Giao chấp thuận ngay. Ông Michael Forrestal, một thành viên của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia, đã gửi ngay cho Tổng Thống Kennedy đang ở Hyamis Port với câu “Đã được Ball của Bộ Quốc Phòng chấp thuận... Đề nghị cho tôi biết nếu Tổng Thống muốn... hoãn hành động.” Ông George Ball gọi cho Tổng Thống trình bày nội vụ và được Tổng Thống trả lời rằng ông đồng ý nếu các cố vấn của ông cũng đồng ý như vậy. Sau đó ông George Ball gọi ngay cho Ngoại Trưởng Dean Rusk tại New York báo tin Tổng Thống đã chấp thuận.”

Qua đoạn ngắn nói trên, chúng ta thấy rằng quyết định lật đổ chính phủ Ngô Đình Diệm đã được Hoa Kỳ dự tính từ lâu và vụ Phật Giáo là một cơ hội được tạo ra để chính phủ Hoa Kỳ thực hiện dự tính đó. Roger Hilsman đã nói rõ: “Cuộc chiến không thể thắng được nếu còn ông Diệm, vì thế phải tìm cách gạt ông ta ra.”

Sau khi bức điện tín ra lệnh đảo chánh gửi đến Sài Gòn, ông McNamara coi đó là một sự qua mặt Tổng Thống. Theo ông, lúc đó chỉ có Thứ Trưởng Harriman, Phụ Tá Hilsman ở Bộ Ngoại Giao và Mike V. Forrestal

ở Tòa Bạch Ốc là những người nhất tâm làm đảo chánh mà thôi. Trong cuộc họp ngày 27-8-1963, khi nghe đọc xong bản tường trình của ông William E. Colby về tình hình Việt Nam, Tổng Thống Kennedy tỏ ý muốn hoãn lại cuộc đảo chánh vì thấy chưa cần, nhưng Hilsman đòi làm ngay. Tổng Thống ra lệnh đánh điện cho ông Lodge và tướng Harking hỏi nên tiến hành đảo chánh hay nên lui. Tổng Thống đang lưỡng lự trong việc lật đổ ông Diệm thì tại Sài Gòn, ông Lodge xúc tiến một cách nhanh chóng việc thực hiện đảo chánh.

Cũng trong cuốn hồi ký dẫn trên, ông McNamara cho biết những gì đã xảy ra tại Tòa Bạch Ốc sau khi nghe tin Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã bị giết. Ông viết:

“Chín giờ ba mươi sáng 2 tháng 11, chúng tôi gặp nhau lại để tiếp tục cuộc họp hôm qua. Khi buổi họp bắt đầu, chưa ai rõ số phận ông Diệm và ông Nhu ra sao. Đến nửa chừng thì từ Phòng Tình Hình, Mike Forrestal tông cửa chạy vào. Văn phòng CIA tại Sài Gòn báo cáo rằng họ được các nhân vật trao đổi công tác của Sài Gòn cho biết hai anh em ông đã tự vẫn “trên đường từ thành phố đến Bộ Tổng Tham Mưu”.

“Khi Tổng Thống Kennedy đọc mẫu tin này, mặt ông tái xanh như tàu lá. Tôi chưa hề thấy ông xúc động mạnh đến như thế bao giờ. Forrestal thuật lại rằng cái chết của hai người “đã làm cho ông rung động một cách sâu xa, gây bàng hoàng trong tâm trí và đánh mạnh vào tiềm thức tín ngưỡng... làm lung lay lòng tin tưởng... về những gì ông đã khuyến cáo liên quan đến Nam Việt Nam.” Arthur Schlesinger Jr. ghi nhận rằng “Tổng Thống buồn thảm và bối rối cùng cực”, tinh thần suy sụp chưa từng thấy từ sau vụ thất bại ở Vịnh Con Heo.”

Trong bài “Chúng ta đã lầm lẫn, lầm lẫn khủng khiếp” đăng trên tờ Newsweek số ra ngày 17-4-1995, ông McNamara đã phê bình Ngoại Trưởng Dean Rusk và Tổng Thống Kennedy như sau:

“Ngoại Trưởng Dean Rusk, một người quên mình nhất, một cá nhân tận tụy phục vụ Hoa Kỳ, đã hoàn toàn thiếu sót trong việc quản trị Bộ Ngoại Giao và giám sát Đại Sứ Henry Cabot Lodge Jr., và cũng đã không tận tình tham dự các buổi họp của Tổng Thống. Và Tổng Thống Kennedy, người mà tôi quy trách ít nhất, người đã phải lo toan nhiều vấn đề khác nữa, đã thiếu sót trong việc kết hợp một chính phủ Hoa Kỳ chia rẽ. Khi phải chạm trán với những lựa chọn khó khăn, ông không quyết định trong một thời gian quá lâu.”

Sự tiết lộ của ông McNamara về việc Bộ Trưởng Dean Rusk hoàn toàn thiếu sót trong việc quản trị Bộ Ngoại Giao và giám sát các hành động của Đại Sứ Henry Cabot Lodge khiến nhiều người suy đoán rằng ông Lodge đã tự ý ra lệnh giết ông Diệm và ông Nhu, đặt Hoa Thịnh Đốn trong một tình trạng đã rồi. Nhưng nay Tổng Thống Johnson lại cho biết việc hạ sát ông Diệm đã được chính quyền Kennedy quyết định trước. Tuy nhiên, ông không nói rõ chính Tổng Thống Kennedy đã ra lệnh giết ông Diệm. Ông chỉ nói: “Họ khởi đầu và nói: ‘Chúng ta phải giết Diệm, bởi vì ông ta không tốt. Chúng ta hãy, chúng ta hãy lật đổ ông ta. Và chúng ta đã làm.’ Họ là ai? Có Tổng Thống Kennedy trong đó không? Ông McNamara đã mô tả tình trạng khủng hoảng của Tổng Thống Kennedy khi nghe tin ông Diệm bị giết và cho rằng **Tổng Thống Kennedy đã bị ba tên Roger Hilsman Jr., Averell W. Harriman và Michael V. Forrestal đánh lừa.**

Ký giả Evan Thomas cho rằng “Kennedy chỉ ủng hộ việc lật đổ ông Diệm chứ không hề ra lệnh giết và có lẽ cũng không tiên đoán được sự việc xảy ra như vậy.” Nhưng trong cuốn “The dark side of Camelot”, Seymour M. Hersch cho biết trong cuộc phỏng vấn năm 1998, Lucien Conein, người chỉ đạo trực tiếp cuộc đảo chánh, có nói rằng Kennedy “phải biết trước” (must have known) chuyện đó. Mặc dầu Lucien Conein không chứng minh được sự suy đoán của ông ta, một số người căn cứ vào câu nói này để cho rằng Kennedy biết trước chuyện ông Diệm phải bị giết.

Dẫu sao, cho đến nay, chưa có tài liệu nào cho thấy chính Tổng Thống Kennedy đã ra lệnh giết ông Diệm. Trái lại, chiều thứ bảy 2-11-1963, lúc 6 giờ, Tổng Thống Kennedy cùng vợ và các con dùng trực thăng bay về ngôi nhà mới của ông ở Rattlesnake Mountain. Trong buổi cơm tối, bà Mary Gimbel, một người bạn của Tổng Thống, đã nói với ông về ông Diệm và ông Nhu:

- Họ đúng là những nhà độc tài.

Tổng Thống trả lời:

- Không, họ ở trong một tình trạng khó khăn. Họ đã làm cái tốt đẹp nhất mà họ có thể làm cho quê hương họ.

Sau khi lật đổ và giết Tổng Thống Ngô Đình Diệm, Tổng Thống Kennedy không còn tin tưởng vào cuộc chiến thắng tại miền Nam Việt Nam. Trong cuộc họp báo ngày 14-11-1963, Tổng Thống hỏi: **“Bạn có chào thua tại miền Nam Việt Nam không?”**

Rồi ông tự trả lời câu hỏi của chính mình:

“Chương trình quan trọng nhất, dĩ nhiên là cho nền an ninh của chúng ta, nhưng tôi không muốn Hoa Kỳ đưa quân tác chiến sang đó.”

Sau đó ông nói:

*“Giờ đây mục tiêu của chúng ta là đưa quân nhân Hoa Kỳ về nước, **cho phép** Việt Nam tự duy trì lấy nước họ như là một quốc gia độc lập.”^[18]*

Trong khi đó, các thế lực tư bản của bọn tài phiệt buôn bán chiến tranh đứng đằng sau muốn mở rộng chiến tranh để đổ quân vào Việt Nam mà Averell W. Hariman là một tên tay sai đắc lực. Vì thế, Tổng Thống John Kennedy đã bị giết ngày 22-11-1963 tại Dallas.

Khi hay tin Tổng Thống Kennedy bị ám sát, Phó Tổng Thống Lyndon Baines Johnson chỉ vào bức hình Tổng Thống Ngô Đình Diệm đang treo trong nhà ông và nói:

“Chúng ta đã nhúng tay vào việc giết ông ta. Bây giờ chuyện đó lại xảy ra ở đây.”^[19]

(Trích “*Những Bí Mật Được Tiết Lộ Sau 40 Năm*”, Tú Gàn)

VI.- NHẬN ĐỊNH CỦA PHÓ T.T. LYNDON JOHNSON VỀ TỔNG THỐNG NGÔ ĐÌNH DIỆM

- 1.- Tổng Thống Ngô Đình Diệm là Winston Churchill của Đông Nam Á.
- 2.- Tôi đã bảo: Đừng đảo chánh!
- 3.- Chúng ta giết Tổng Thống Diệm để tạo bất ổn chính trị.

VII.- T.T. LYNDON JOHNSON THANH TRỪNG CÁC TAY CHỦ TRƯỞNG ĐẢO CHÁNH.

1.- “Sau khi kế vị T.T. John Kennedy, vì giận những người đã tích cực thúc đẩy đảo chánh, Hilsman là người đầu tiên bị T.T. Lyndon Johnson loại bỏ, nhưng nhờ biết trước, đã xin nghỉ chỉ vài giờ trước khi chính thức bị sa thải”

2.- “Còn Harriman, khi nhìn thấy Hilsman ra đi, nói “nếu tôi còn trẻ như anh, tôi cũng từ chức”. Vì không từ chức, đã bị T.T. Johnson coi thường, nói là người không đáng xách rác cho ông, bị ông giáng chức, cho đi Phi châu, trước khi trở lại địa vị làm cảnh là “đại sứ lưu động”.

- 3.- Chúng nó là một bọn côn đồ đáng nguyên rủa: “They are a Goddamn Bunch Of Thugs”

VIII.- Ý KIẾN CỦA ĐẢNG CỘNG HÒA HOA KỲ:

Theo Henry Kissinger trong quyển Diplomacy:

1.- Loại bỏ ông Diệm đã không đoàn kết được dân chúng sau lưng các tướng lãnh, như là Washington đã hy vọng, mà sự thật lại trái ngược đã diễn ra.

2.- Cuộc đảo chánh đã phá hủy kiến trúc được xây dựng trong hàng chục năm, để lại một nhóm tướng

lãnh tranh quyền thiếu kinh nghiệm hay thiếu hậu thuẫn chính trị.

3.- Do đó, việc Mỹ tham chiến ở Việt Nam không phải là nguyên nhân, mà là hậu quả của cuộc đảo chánh 1-11-1963.

IX.- CÒN VỀ PHÍA VIỆT NAM CỘNG HÒA?

Để trả lời vấn nạn trên, chúng tôi xin mượn lời của Tướng Tôn Thất Đính thổ lộ trong cuốn hồi ký “20 mươi năm binh nghiệp” nơi trang 455 của ông ta như sau:

“Đối với tôi, cuộc hành quân 1-11-1963, sau 16 giờ đồng hồ với bao nhiêu biến cố vượt ra ngoài dự liệu và quyết định của tôi, không phải là một thành công, mà chính là một thảm bại lớn lao đối với lịch sử. Sở dĩ vậy, vì biết bao âm mưu chính trị ngoại giao, hận thù cá nhân, hận thù tập thể, đến giờ phút đó mới được phơi bày bằng lời nói hay bằng hành động, trong ấy Phật Giáo Việt Nam, quân lực VNCH là những nạn nhân của lịch sử hơn là những thành phần mà lúc đó người ta thường qui định là chiến thắng vẻ vang! Có lẽ, ai cũng đều thất bại và phạm tội với lịch sử Việt Nam cả, kể cả Hoa Kỳ là nước đồng minh, khi kẻ thù từ quốc tế đến quốc nội bắt đầu vỗ tay cho tương lai chiến thắng của chủ nghĩa Cộng Sản thì VNCH đã tự đưa mình vào hỗn loạn từ xã hội, chính trị cho đến tôn giáo, quân sự, tạo cơ hội dấn thân vào trong cuộc đại bại chung sau này khi chấp nhận đó là chính sách toàn cầu của Mỹ!”

Phật Giáo Việt Nam có phải là nạn nhân như tướng Đính nói trên đây không?

Tướng Đính hỗn láo, vợ đũa cả nắm. Chỉ có một nhóm nhỏ theo “Tông Phái Trí Quang” núp dưới tấm áo cà sa nâu, vàng để làm công cụ cho cộng Sản và ngoại bang thôi. Để thấy rõ nhóm người này hành động như thế nào, mời quý độc giả đọc tiếp những trang sau đây:

MỘT CUỘC “ĐỒNG HÀNH” THẢM BẠI!

Dựa theo phong trào chấn hưng Phật Giáo do Pháp phát động để ru ngủ phong trào chống Pháp, năm 1932, **Bác Sĩ Lê Đình Thám** đã đứng ra thành lập **Hội An Nam Phật Học** ở Huế, và năm 1934 ông cùng với **Thích Mật Thể** lập **Trường An Nam Phật Học** ở chùa Trúc Lâm và rước **Hòa Thượng Thích Trí Độ** từ Bình Định ra làm Giám Đốc.

Dĩ nhiên, các tăng sĩ, cư sĩ và Phật tử được họ đào tạo từ 1934 đến 1945 hay các đệ tử của họ đều đi theo Việt Minh, chẳng hạn như Thích Mật Thể, Thích Trí Quang, Thích Trí Nghiễm tức Thích Thiện Minh,

Thích Huyền Quang, Thích Pháp Dũng, Thích Pháp Trừng, Thích Pháp Long, Thích Huệ Quang, Thích Trí Truyền, Thích Trí Thủ, Thích Trí Tịnh, Võ Đình Cường, Tổng Hồ Cẩm, v.v. Phật Giáo dính liền với Đảng CSVN qua đường dây này.

(Xem thêm trong *Phật Giáo Việt Nam Sử Luận (tập III) của Nguyễn Lang tức Thích Nhất Hạnh*)

PHẬT GIÁO VÀ CỘNG SẢN LÀ MỘT?

Năm 1946, khi đang làm Chủ Tịch Ủy Ban Hành Chánh Kháng Chiến Miền Nam Trung Bộ ở Liên Khu V, Bác sĩ Lê Đình Thám đã tập hợp các thanh niên Phật tử vào Đoàn Phật Học Đức Dục ở Bồng Sơn, Bình Định, để giảng dạy về “*Phật Giáo và nền dân chủ mới*”, coi con đường của chủ nghĩa cộng sản và con đường của Phật Giáo là một, với mục tiêu thúc đẩy các thanh niên Phật tử gia nhập Đảng Cộng Sản và tham gia kháng chiến. Tập “*Đạo Phật và Nền Dân Chủ Mới*” do Nguyễn Hữu Quán biên soạn được coi là tài liệu học tập. Tư tưởng đó đã ăn sâu vào tâm trí của một số tăng sĩ và Phật tử trong suốt cuộc chiến và vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay. Sau đây là một vài thí dụ cụ thể:

Ngày 3-6-1966, Đại Đức *Thích Nhất Hạnh* đang ở Pháp thì được một nhóm phản chiến của Mỹ mời qua thăm Hoa Kỳ. Nhân dịp này, ông đã công bố chủ trương 5 điểm của Giáo Hội Phật Giáo Ấn Quang như sau:

- Chính phủ Nguyễn Cao Kỳ từ chức.
- Quân đội Mỹ rút lui.
- Ngưng oanh tạc Bắc Việt.
- Ngưng các cuộc hành quân tại miền Nam Việt Nam.
- Mỹ phải giúp lập chính thể dân chủ và tái thiết miền Nam không điều kiện.

Năm điểm đòi hỏi này giống hệt năm điểm đòi hỏi của *Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam*. “Nó chỉ khác ở điểm là: Nó được gói ghém rất chu đáo và tỉ mỉ với từ những đầu môi chót lưỡi với ngôn từ đầy nhân ái, với lòng từ bi, hỷ xả, thiện tâm, thiện ý của các vị lãnh đạo Phật Giáo VN. Nhưng đó là những con dao nhọn tẩm thuốc độc được gói ghém, bao bọc hoàn mỹ trong những chiến áo cà sa của những người nhân danh đại diện Phật Giáo VN.

(Trích: “*NHỮNG CON GIAO NHỌN TẨM THUỐC ĐỘC ĐƯỢC BỌC TRONG CHIẾC ÁO CÀ SA*” của Võ Long Triều)

Năm 1967, Đại Đức Thích Nhất Hạnh cho xuất bản cuốn “*Việt Nam, Lotus in a Sea of Fire, a Buddhist Proposal for Peace*” (*Việt Nam, Hoa Sen trong Biển Lửa, một Đề Nghị Hòa Bình của Phật Giáo*) để lên án

Hoa Kỳ, VNCH và yểm trợ MTGPMN. (Xin đọc tiếp bài “*CÔNG CỤ CỦA CỘNG SẢN*” dưới đây)

Trong cuộc meeting “*mừng giải phóng*” ngày 15-5-1975, Hòa Thượng Mãn Giác đã đọc một bài diễn văn rất thống thiết, trong đó có những đoạn như sau:

“*Trong những năm dài sống dưới ách nô lệ thực dân mới, Phật Giáo chỉ nuôi một ước vọng sâu kín: độc lập và thống nhất...*”

“*Ngày nay, ước vọng đó đã hiện thực. Hiện thực ấy ngày càng rõ nét trong đời sống dân tộc, làm vang vọng lời xác quyết của Hồ Chủ Tịch “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi...” Bác Hồ kính yêu đã thay lời tổ tiên nói lên...*”

“*Cuộc đấu tranh của Phật Giáo cho nền thống nhất tổ quốc cũng là một với cuộc đấu tranh vì CHỦ NGHĨA XÃ HỘI ...*”

Sau đó, chính Hòa Thượng Trí Thủ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo Ấn Quang, Hòa Thượng Trí Tịnh, Viện Phó và Thượng Tọa Minh Châu, nguyên Tổng Thư Ký, đem Giáo Hội Ấn Quang sáp nhập thành Giáo Hội Phật Giáo Nhà Nước. Trong lễ ra mắt Giáo Hội này hôm 7-11-1981 tại Hà Nội, Thượng Tọa Trí Thủ đã nhân danh Chủ Tịch Hội Đồng Trị Sự của Giáo Hội đọc một bức thư gửi Chủ Tịch Hội Đồng Nhà Nước Trường Chinh, trong đó có đoạn như sau:

“*Suốt ba mươi năm chống Pháp, chống Mỹ, nhiều chùa là cơ sở của cách mạng, nhiều tăng ni tạm thời rời bỏ Thiền môn, hăng hái tòng quân đánh giặc cứu nước. Bác Hồ dạy: “Không gì quý hơn độc lập tự do!”*, toàn thể tăng ni và Phật tử Việt Nam ghi lòng tạc dạ lời dạy đó của Bác, nhận thức rõ *lý tưởng giải thoát của người tu hành không thể tách rời sự nghiệp giải phóng dân tộc, do Hồ Chủ Tịch và Đảng Cộng Sản Việt Nam lãnh đạo.*”

Mới đây, nhật báo Nhân Dân điện tử của Đảng CSVN số ra ngày 29-3-2013 đã đăng bài “*Tôn giáo chân chính đồng hành cùng dân tộc*” của Trần Chung Ngọc, một trong các lãnh tụ của nhóm Giao Điểm, đã nhắc lại những thành tích mà Phật giáo đã góp phần với Đảng CSVN trong chiến tranh như “*nhiều chùa đã trở thành nơi nuôi giấu, nhiều tu sĩ bỏ áo cà sa đi theo kháng chiến, già từ thiện viện lượm binh đao...*” và coi đó là “*đồng hành cùng dân tộc*”!

CHUYỆN TRÍ THỦ VÀ TRÍ TINH

Trong hai ngày 12 và 13-2-1980, do sự lèo lái của Ban Tôn Giáo Chính Phủ và Mặt Trận Tổ Quốc, đại diện một số tổ chức Phật Giáo Trung, Nam, Bắc đã họp tại Sài Gòn và thành lập Ban Vận động Thống nhất PGVN. Ban này gồm có hai ban là Ban Chứng

Minh và Ban Thường trực Ban Vận động TNPGVN. Người ta thấy có bốn nhân vận lãnh đạo cao cấp của Giáo Hội Ấn Quang trong hai ban này là **Thích Đôn Hậu, Thích Trí Thủ, Thích Trí Tịnh và Thích Minh Châu**. Thích Trí Thủ làm Trưởng Ban, Thích Trí Tịnh làm Phó còn Thích Minh Châu làm Chánh Thư Ký.

Một đại hội Phật Giáo đã được tổ chức tại chùa Quán Sứ, Hà Nội, từ ngày 4 đến ngày 7-11-1981 với sự tham dự của 165 đại biểu thuộc 9 tổ chức Giáo hội và hệ phái Phật Giáo, trong đó có Giáo Hội Ấn Quang. Đại hội đã thành lập hai hội đồng, Hội đồng Chứng minh và Hội đồng Trị sự, mỗi hội đồng có 50 thành viên. **Thượng Tọa Trí Thủ làm Chủ tịch Hội đồng Trị sự, Thượng Tọa Trí Tịnh làm Phó**, còn Thích Đôn Hậu làm **Đệ Nhất Phó Pháp chủ kiêm Giám Luật Giáo** trong Hội đồng Chứng Minh.

Một câu hỏi được đặt ra: Thích Trí Thủ và Thích Trí Tịnh có liên hệ với Việt Cộng như thế nào mà được Đảng CSVN tín nhiệm và giao cho những nhiệm vụ quan trọng như vậy?

Khi Việt Minh cướp chính quyền năm 1945, **Thích Trí Thủ** thành lập hội Phật Giáo Cứu Quốc Trung bộ và Thừa Thiên, và cho người đi khắp các tỉnh thành lập hội Phật Giáo Cứu Quốc tại mỗi tỉnh để ủng hộ Việt Minh. Thích Trí Thủ còn xuất bản **nguyệt san Giải Thoát** làm cơ quan tuyên truyền cho Việt Minh. Sau đó, ông đắc cử Đại biểu Hội đồng nhân dân Thừa Thiên và được chính quyền Cách Mạng mời đến Trung Bộ Phủ giao quyền quản lý các chùa chiền ở Huế và Thừa Thiên. Ngoài ra, chúng tôi không có tài liệu nào khác về cuộc đời hoạt động chính trị của ông.

Trường hợp của **Thích Trí Tịnh** hoàn toàn bí mật. Ông sinh năm 1917 tại làng Mỹ Luông, tỉnh Sa Đéc. Năm 1937 ông thọ giới với Hòa Thượng Hồng Xứng ở chùa Vạn Linh trên núi Cẩm. Năm 1940 ông ra Huế học Trường An Nam Phật Học của Thích Trí Độ. Từ đó, không thấy ông tham gia vào hoạt động chính trị nào. Cho đến năm 1976, khi Giáo Hội Ấn Quang bắt đầu chống lại chính quyền, ông được cử làm **Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam**. Lúc đó người ta mới biết ông là người của Đảng CSVN. Khi ông qua đời, **Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam** tặng thưởng ông Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc Lập hạng nhất, Huy chương Vì sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

TÌM NỐT LỐI THOÁT?

Cuộc “**đồng hành**” của Phật giáo với Đảng Cộng Sản từ 1932 đến nay thường được biện minh bằng những lý do sau đây:

- 1.- Con đường của chủ nghĩa cộng sản và con đường của Phật Giáo là một.
- 2.- Mục tiêu đấu tranh của Cộng Sản và của Phật giáo là một: **Vì Chủ Nghĩa Xã Hội!**
- 3.- Đồng hành với Đảng Cộng Sản là **đồng hành với dân tộc**.

Nhưng các nhà lãnh đạo Phật giáo đã bị đánh lừa!

Ngày nay chủ nghĩa cộng sản đã bị chính người cộng sản hủy bỏ vì sự hoang tưởng của nó. Đảng CSVN chưa bao giờ coi Phật giáo như là một tổ chức “đồng hành” với họ mà **chỉ coi Phật giáo như một công cụ**. Thích Trí Độ, Thích Minh Châu, Thích Trí Thủ, Thích Trí Tịnh... không phải là người của Phật giáo mà là cán bộ cộng sản được cài vào các tổ chức Phật giáo để biến Phật giáo thành công cụ. Kết quả: “**Cách mạng**” thành công nhưng Phật giáo trắng tay!

Để che đậy những thất bại thê thảm này, một phong trào đánh phá Thiên Chúa Giáo đã được phát động rất rầm rộ, tố cáo Thiên Chúa Giáo là tay sai ngoại bang, còn Phật giáo **làm tay sai cho Cộng Sản là “đồng hành với dân tộc”! Đó chỉ là cách chạy tội**. Như chúng tôi đã nói nhiều lần, lối thoát duy nhất của Phật giáo là trở về với con đường giải thoát của Đức Phật.

(Trích “*Một cuộc “đồng hành” thảm bại!*” của Lữ Giang.)

BẰNG CHỨNG TỰ THỨ

Ngày 17-1-2010, Hòa Thượng Quảng Độ đã lấy tư cách Xử lý Thường vụ Viện Tăng Thống kiêm Viện trưởng Viện Hóa Đạo, GHPGVNTN, gửi Thông Tư số 07/VHĐ/VT đến các chư Tôn đức Tăng Ni và Đồng bào Phật tử nói về “*hiện trạng vu khống, chụp mũ hàng Giáo phẩm GHPGVNTN lưu hành trên Mạng và các cơ quan truyền thông*”.

Mở đầu, Hòa Thượng Quảng Độ đề cập đến các tài liệu được phổ biến trong thời gian gần đây cho rằng Đệ Tam Tăng Thống Thích Đôn Hậu là “Cộng Sản”. Hòa Thượng đã đưa ra một số sự kiện để chứng minh rằng Hòa Thượng Đôn Hậu không hề theo Cộng Sản. Hòa Thượng nói rằng hồ sơ của Hoa Kỳ được giải mật cũng “*chưa thấy tài liệu nào cho biết GHPGVNTN hay hàng giáo phẩm lãnh đạo GHPGVNTN dính líu đến Cộng sản*.”

Sau đó Hòa Thượng tố cáo các chính quyền VNCH bị Việt Cộng xâm nhập. Hòa Thượng viết:

“Dưới thời VNCH Phật Giáo bị đàn áp nên phải đứng lên “**đấu tranh**” chứ không hề muốn lật đổ chính phủ hay làm lợi cho Cộng Sản”.

Hòa Thượng yêu cầu các chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử, đặc biệt ở hải ngoại có nhiều phương tiện

thông tin, “tìm kiếm tài liệu, hãy thu tập chứng liệu và tìm phương cách giải hoặc những bài viết hoặc do thiếu hiểu biết, hoặc có tâm vu cáo GHPGVNTN theo các chủ trương tiêu diệt những sinh lực dân tộc, mà Phật giáo là một, cho những viễn đồ phi dân tộc và phân tổ quốc.”

Nhiều người nghi Thông Tư này do **chú tiểu Võ Văn Ái** soạn vì lối lập luận gần giống như các lập luận mà chú đã đưa ra trước đây và dưới Thông Tư còn có những “chú giải” rất nhảm nhí của chú.

Sở dĩ chúng tôi gọi ông Võ Văn Ái là “**chú tiểu Võ Văn Ái**” vì khi tu ở Đà Lạt, Võ Văn Ái mới là chú tiểu (người Huế gọi là “đệ tử”) rồi xuất. Chú học chưa hết trung học đệ nhất cấp thì năm 1953, lúc 18 tuổi, qua sự giúp đỡ của Tướng Nguyễn Ngọc Lễ, chú được cấp một thông hành đi Pháp qua ngã Hồng Kông. Qua Pháp chú đi làm thư ký, không hề học hết trung học. Thế mà không hiểu sao bây giờ chú được thăng lên “Giáo sư”. Kể từ khi được CIA xử dụng, lúc nào chú cũng nói năng và hành xử như “Quyền Tăng Thống” GHPGVNTN ở hải ngoại, có quyền trên các chư Tôn đức Tăng Ni!

Thật ra, những vấn đề do Hòa Thượng Quảng Độ nêu lên không có gì mới lạ, vì những vấn đề đó đã được tranh luận nhiều qua một tiến trình lịch sử kéo dài 47 năm. Trước tiên, một số chư tăng (như Thích Trí Quang, Thiền sư Nhất Hạnh) và “sử gia” Phật Giáo (như Đỗ Mậu, Chánh Đạo, Trần Gia Phụng) đã xử dụng phía sử để xuyên tạc lịch sử, chúng tôi đã dùng những tài liệu chính xác để phản biện, các nhóm này đã phải im lặng. Nay Hòa Thượng lại chính thức biện bác một lần nữa, nên chúng tôi buộc lòng phải trình bày lại một số vấn đề để làm sáng tỏ lịch sử. Tuy nhiên, vì Hòa Thượng đã nêu lên quá nhiều vấn đề, nên trong mỗi lần, chúng tôi chỉ xin trình bày một vấn đề, và cũng chỉ trình bày những điểm chính, vì bài báo có giới hạn. Riêng trường hợp của Đức Đệ Tam Tăng Thống Thích Đôn Hậu, chúng tôi xin trình bày sau.

VẤN ĐỀ TRƯỚC TIÊN CẦN MINH XÁC

Chúng tôi thấy vấn đề trước tiên cần được minh xác là hàng giáo phẩm GHPGVNTN có dính líu đến Cộng Sản hay không. Hòa Thượng viết:

“*Gần đây tác nhân chính yếu trong chính tình Việt Nam là Hoa Kỳ vừa giải mật một số hồ sơ phơi bày diễn tiến chính sách Hoa Kỳ tại Việt Nam Cộng Hòa thông qua sự thi hành của giới chính trị gia bản địa. Qua đó chưa thấy tài liệu nào cho biết GHPGVNTN hay hàng giáo phẩm lãnh đạo GHPGVNTN dính líu đến Cộng sản.*”

Thưa Hòa Thượng, cần gì phải đi tìm các tài liệu trong hồ sơ giải mật của Hoa Kỳ để xác định GHPGVNTN và hàng giáo phẩm GHPGVNTN có dính líu đến Cộng Sản hay không. Chỉ cần đọc các tài liệu do các sử gia Phật Giáo công bố như bộ “*Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*” và “*Hoa Sen Trong Biển Lửa*” của Thiền Sư Nhất Hạnh, cuốn “*Bảo Trước Cổng Chùa*” của Hòa Thượng Mãn Giác, Bạch Thư của Hòa Thượng Thích Tâm Châu, hoạt động của một số tăng ni trong Giáo Hội, các tài liệu do chính GHPGVNTN công bố, những lời tuyên bố của các nhà lãnh đạo giáo hội như Hòa Thượng Trí Thủ, Hòa Thượng Huyền Quang hay của nhà cầm quyền CSVN, v.v., chúng ta cũng có thể xác định được GHPGVNTN không những chỉ “dính líu” mà còn yểm trợ cho Cộng Sản.

BỊ XÂM NHẬP NGAY TỪ ĐẦU

Tài liệu cho thấy rằng Phật Giáo đã dính líu với CSVN kể từ khi Mặt Trận Việt Minh mới thành lập. Năm 1932, **Bác sĩ Lê Đình Thám** đứng ra lập **Hội An Nam Phật Học**. Năm 1934, ông cùng với Thượng Tọa Thích Mật Khê lập **Trường An Nam Phật Học** ở Huế để đào tạo các tăng sĩ và đưa **Hòa Thượng Thích Trí Độ** từ Bình Định ra làm Giám Đốc trường này.

Năm 1945, khi Việt Minh cướp chính quyền, Hòa Thượng Trí Độ được Việt Minh cử làm **Chủ Tịch Trung Ương Hội Phật Giáo Cứu Quốc**, một tổ chức vận động Phật Giáo của Việt Minh. Bác sĩ Lê Đình Thám cũng tham gia Ủy Ban Phật Giáo Cứu Quốc của Việt Minh tại Huế. Năm 1946, khi Pháp chiếm Huế, ông tản cư về Quảng Nam và được Việt Minh cử làm **Chủ Tịch Ủy Ban Hành Chánh Kháng Chiến Miền Nam Trung Bộ ở Liên Khu V**. Điều này cho thấy hai nhân vật cao cấp lãnh đạo Hội An Nam Phật Học và Trường An Nam Phật Học đều là cán bộ cao cấp của Cộng Sản.

Theo hồ sơ của Mật Thám Pháp để lại, Hòa Thượng Thích Trí Độ đã gia nhập Đảng Cộng Sản từ 1941. Dùng ảnh hưởng của mình, Hòa Thượng đã lôi kéo các tăng sĩ tốt nghiệp ở Trường An Nam Phật Học và các đệ tử của ông đi theo Việt Minh. Trong danh sách các tăng sĩ đi theo Việt Minh, chúng ta thấy Thích Mật Thể giữ chức Chủ Tịch Ủy Ban Phật Giáo Cứu Quốc ở Thừa Thiên, Thích Thiện Minh ở Quảng Trị, Thích Trí Quang ở Quảng Bình, Thích Huyền Quang ở Liên Khu 5 (gồm các tỉnh Nam, Ngãi, Bình, Phú), Thích Pháp Đông ở Gia Định, Thích Pháp Trừng ở Mỹ Tho, Thích Pháp Long ở Vĩnh Long, Thích Huệ Quang ở Trà Vinh, v.v.

Hòa Thượng Thích Đôn Hậu làm Chủ Tịch Hội Phật Giáo Cứu Quốc Trung Bộ, trụ sở của Hội đặt tại

chùa Từ Đàm, Huế. Hòa Thượng Thích Minh Nguyệt làm Chủ tịch Hội Phật Giáo Cứu Quốc Nam Bộ, trụ sở đặt tại chùa Ô Môi, xã Mỹ Quý, thuộc chiến khu Đồng Tháp.

Tại Liên Khu 5, Bác Sĩ Lê Đình Thám đã tập họp các thanh niên Phật tử vào **Đoàn Phật Học Đức Dục** ở Bông Sơn, Bình Định, để giảng dạy về **“Phật Giáo và nền dân chủ mới”**, coi con đường của Phật Giáo và con đường của cộng sản chủ nghĩa là một, với mục tiêu thúc đẩy thanh niên Phật tử gia nhập Đảng Cộng Sản và tham gia kháng chiến. Ông cho phổ biến cuốn **“Phật Giáo và nền dân chủ mới”** khắp các tỉnh miền Trung.

Báo Đuốc Tuệ của Phật Giáo ngày 30-8-1945, kêu gọi thành lập đoàn Tăng Già Cứu Quốc và:

*“Ủng Hộ chính quyền Nhân Dân,
Mau mau gia nhập Đội Quân Giải Phóng Việt Nam!”*

(Xem thêm: Việt Nam Phật Giáo Sử Luận III, Nguyễn Lang, tr. 181 – 203)

Năm 1954, sau hiệp định Genève, Thượng Tọa Thích Trí Quang đang làm Hội trưởng Hội VN Phật Học ở Huế, đã lợi dụng cương vị này cùng với một số trí thức Phật Giáo lập **Ủy Ban Việt Nam Bảo Vệ Hòa Bình**. Nhiệm vụ của Ủy Ban là yểm trợ Việt Minh đòi hỏi hiệp thương để tiến tới bầu cử thống nhất hai miền trong thời hạn hai năm. Thích Trí Quang và nhóm này đã được ông Ngô Đình Cẩn chiêu hồi và sử dụng.

Với một khởi đầu như thế, sau này nhóm Phật Giáo đấu tranh yểm trợ Cộng Sản là chuyện không có gì đáng ngạc nhiên.

LÀM CÔNG CỤ CỦA MỸ

Sau khi lật đổ chính phủ Ngô Đình Diệm, nhóm Phật Giáo đấu tranh đã vội thành lập GHPGVNTN để thống lãnh Phật Giáo toàn miền Nam với hy vọng biến chính quyền Dương Văn Minh thành một chính quyền Phật Giáo. Nhưng chính quyền Dương Văn Minh chỉ lo vơ vét và Mỹ chỉ dùng chính quyền này như một “chính phủ trái độn”, nên ngày 30-1-1964, khi Mỹ dùng Tướng Khánh làm “chính lý” lật đổ chính quyền Dương Văn Minh và thiết lập một thứ chính quyền thừa hành chính sách của Mỹ, nhóm Phật giáo đấu tranh lại bắt đầu quậy phá. Tướng Nguyễn Khánh đã thỏa mãn gần như mọi yêu sách của Phật Giáo (giết Ngô Đình Cẩn, cho hoạt động theo một quy chế đặc biệt, cho sư Cộng Sản Thích Minh Châu về làm Viện Trưởng Đại Học Vạn Hạnh, lấy công sản “cúng dường” để xây VN Quốc Tự, v.v.) nhưng nhóm Phật Giáo đấu tranh không chấp nhận Tướng Nguyễn Khánh. Biên bản cuộc họp lúc 11 giờ trưa ngày 11-5-

1964 tại Tòa Đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn giữa Đại Sứ Lodge, Tướng Taylor, Tướng Harking và ông Sullivan, có đoạn ghi như sau:

“Ông Đại Sứ đặc biệt không sợ một cuộc đảo chánh lật đổ Tướng Khánh. Ông đặc biệt lưu ý Phật Giáo như là một nguồn có thể gây nguy hiểm cho chính phủ. Đặc biệt, ông nghĩ rằng Thích Trí Quang, người lãnh đạo Phật Giáo, là một người có tiềm năng gây rối (a potential trouble maker). Đã lật đổ được một chính phủ, ông ta nghĩ rằng có thể làm như thế để chống lại Khánh. Ông ta đã bày tỏ với ông Đại Sứ rằng ông ta không coi Khánh như là một “Phật tử tốt” (good Buddhist), theo dự đoán, có nghĩa là Khánh là một Phật tử không theo đường lối của Thích Trí Quang.”

(FRUSS 1964 – 1968, Volum I, tr. 304 – 305, Document 147).

Khi thấy không còn cơ hội lập một chính phủ Phật Giáo do các tăng sĩ làm “quốc sư”, GHPGVNTN bắt đầu áp dụng chiến thuật nguy hòa với hy vọng sẽ đẩy Mỹ ra khỏi miền Nam, loại bỏ Công Giáo và giúp Cộng Sản chiếm miền Nam Việt Nam, sau đó dùng Phật Giáo để “hóa giải” Cộng Sản!

Cuốn **“Hoa sen trong biển lửa”** do Thiền Sư Nhất Hạnh phổ biến năm 1967 đã chứa đựng toàn bộ chiêu bài nguy hòa của GHPGVNTN (Ấn Quang). Giáo Hội tưởng đây là **“thượng sách”**, nhưng Phật Giáo đã bị cả Mỹ lẫn Cộng Sản biến thành công cụ.

LÀM CÔNG CỤ CỦA MỸ

Sau khi mở rộng chiến tranh Việt Nam để thực hiện đầu thầu quốc phòng, loại bỏ các vũ khí cũ còn lại và sáng chế những vũ khí mới, các nhà tư bản Mỹ bắt đầu mở chiến dịch phản chiến để rút quân Mỹ ra và chấm dứt chiến tranh. Khi cuộc chiến đang được đẩy mạnh, ông McNamara, người điều khiển cuộc chiến, kể lại rằng ngày 26-8-1966, ông đọc một tập tài liệu của CIA mang tên là **“The Vietnamese Communists Will to Persist”** trong đó nói rằng Hoa Kỳ không thể làm gì để đánh bại kẻ thù. Ông đã gọi cho George Allen, một phân tích gia của CIA đã nghiên cứu vấn đề Việt Nam trong 17 năm, và hỏi ông ta rằng ông ta có thể làm gì khi ở vào vị thế của ông hiện nay. Ông ta trả lời: *“Ngưng tăng cường lực lượng của Hoa Kỳ, ngưng thả bom miền Bắc và thương lượng với Hà Nội về ngưng bắn.”* Lý do để Mỹ quyết định chấm dứt chiến tranh Việt Nam đã được ông McNamara ghi một cách giản dị như vậy! (Xem bài **“Những thế lực đằng sau”** của chúng tôi trên motgoctroi.com, mục “Mỗi tuần”).

Vào tháng 5-1966, khi Đại Đức Thích Nhất Hạnh đang ở Pháp thì được một nhóm phản chiến của Mỹ

mời qua Hoa Kỳ để “góp một bài tay” cho phong trào phản chiến đang dấy lên ở Mỹ.

“*Thượng tọa Nhất Hạnh nói về vấn đề Việt Nam và Phật giáo như một trong những người có thẩm quyền quyết định...*”

Bản tuyên cáo này và những lời tuyên bố tiếp theo đều được “*nói và viết theo đơn đặt hàng*” của nhóm phản chiến Mỹ. Phải công nhận Thiền Sư Nhất Hạnh là một điệp viên văn hóa và tôn giáo li lợm, ông “*dám nói và dám làm theo đơn đặt hàng*” không biết ngượng mồm, bất chấp dư luận, bất chấp sự thật và bất chấp đạo lý.

CÔNG CỤ CỦA CỘNG SẢN

Ngoài việc yểm trợ cho chiến dịch ngưng hòa do cơ quan tình báo Mỹ phát động để rút quân ra khỏi Việt Nam, GHPGVNTN đã yểm trợ cho Cộng Sản chiếm miền Nam.

1.- Yểm trợ đòi hỏi của MTGPMN

Ngày 3-6-1966, Thiền sư Nhất Hạnh đã công bố chủ trương 5 điểm của GHPGVNTN như sau:

- Chính phủ Nguyễn Cao Kỳ từ chức.
- Quân đội Mỹ rút lui.
- Ngưng oanh tạc Bắc Việt.
- Mỹ phải giúp lập chính thể dân chủ và tái thiết miền Nam không điều kiện.

Năm điểm đòi hỏi này giống hệt 5 điểm đòi hỏi của MTGPMN.

2.- Xuyên tạc lịch sử để yểm trợ MTGPMN

Năm 1967, Đại Đức Nhất Hạnh cho xuất bản cuốn “*Vietnam, Lotus in a Sea of Fire, a Buddhist Proposal for Peace*” (Việt Nam, Hoa sen trong biển lửa, một đề nghị hòa bình của Phật giáo), nói về cuộc tranh đấu của Phật Giáo từ 1963-1966 và những chết chóc tang thương do Hoa Kỳ và quân đội VNCH gây ra. Ông lên án Ngô Đình Diệm đàn áp Phật Giáo, Nguyễn Cao Kỳ độc tài quân phiệt và ca tụng Hồ Chí Minh là anh hùng dân tộc. Ông tuyên bố MTGPMN do những người quốc gia chống chế độ Ngô Đình Diệm lập ra chứ không phải do Hà Nội lập ra, nhưng vì Mỹ đã đổ quân và vũ khí vào VN, nên họ “*ngiên theo khối CS, và càng ngày càng trở thành công cụ của khối CS*”.

Năm 1968, khi hòa đàm Paris bắt đầu họp, ông được cử làm phát ngôn viên chính thức của GHPGVNTN (Ấn Quang) ở hải ngoại.

3.- Tuyên ngôn 6 điểm của Phái đoàn GHPGVNTN (Ấn Quang)

Tháng 10-1970, một phái đoàn PGVN do Thượng Tọa Thích Thiện Minh cầm đầu qua Nhật Bản dự Hội Nghị Thế Giới về Tôn Giáo và Hòa Bình họp tại

Tokyo từ 16 đến 22-10-1970. Phái đoàn gồm có các Thượng Tọa Thích Thiện Minh, Thích Huyền Quang, Thích Minh Tâm, Đại Đức Thích Nhất Hạnh (phát ngôn viên) và 2 cư sĩ Ngô Văn Giáo và Vĩnh Bửu. Tại hội nghị này, phái đoàn đã đưa ra đề nghị 6 điểm của PGVN như sau:

1.- Các phe lâm chiến phải bắt đầu xuống thang ngay lập tức để đạt đến một cuộc ngưng bắn toàn diện vào lúc 18 giờ chiều 30 Tết Tân Hợi (tức 26-1-1971).

2.- LHQ sẽ chỉ định một nhóm quốc gia trung lập để họp thành Ủy Hội Kiểm Soát Ngưng Bắn gồm cả đại diện của Quân đội VNCH và Chính phủ Cách mạng Lâm thời Miền Nam VN.

3.- Chính phủ VNCH phải phóng thích các tù nhân chính trị, sinh viên, trí thức, tu sĩ và tất cả những người đã bị tạm giam vì tranh đấu cho hòa bình và chủ quyền của dân tộc.

4.- Chính phủ Hoa Kỳ phải chấm dứt tình trạng thổi nạt, độc tài và bất lực ở miền Nam VN bằng cách để cho người Việt tự do chọn đại diện đa số dân chúng có bản chất hòa giải dân tộc, không liên kết và có đủ khả năng để:

- Thương thuyết với chính phủ Hoa Kỳ về thời biểu triệt thoái mau chóng toàn thể quân lực Hoa Kỳ ở VN và những liên hệ ngoại giao, văn hóa và kinh tế giữa Hoa Kỳ và VN.

- Thương thuyết với Chính phủ Cách mạng Lâm thời Miền Nam VN về những thể thức tổng tuyển cử để bầu lên một chính phủ đại diện cho mọi khuynh hướng chính trị ở Nam VN, một cuộc bầu cử hoàn toàn tự do dưới sự giám sát quốc tế, trong đó mọi người VN thuộc bất cứ khuynh hướng chính trị nào đều có thể tham dự.

5.- Các chính phủ Hoa Kỳ, Sô-viét, Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa và các quốc gia liên hệ khác cộng tác với nhau để chấm dứt đau khổ của người dân Việt bằng cách ủng hộ đề nghị này do chính người Việt đề ra.

6.- Các phe lâm chiến tại VN, nhân dân ưa chuộng hòa bình trên thế giới, các giáo hội tôn giáo và các nhà nhân bản cấp thời hành động để thúc đẩy các quốc gia có trách nhiệm về chiến tranh VN chấm dứt cuộc chiến tranh tại VN, Kampuchea và Lào.

Từ văn từ đến nội dung, bản tuyên bố viết giống hệt các bản tuyên bố của MTGPMN.

Trước một hội nghị quốc tế về tôn giáo và hòa bình, thay vì trình bày một cách lịch sự đề nghị của PGVN, phái đoàn đã đưa ra một mệnh lệnh theo “*kiểu ông cố nội*”, ra lệnh cho mọi người liên hệ phải thi hành, vì thế GHPGVNTN (Ấn Quang) đã làm mất cảm tình đối

với hầu hết các quốc gia trên thế giới. Phái đoàn Đan Mạch đã vận hỏi tại sao PGVNTN (Ấn Quang) chỉ đòi quân đội Mỹ rút mà không đòi tất cả các quân đội ngoại nhập phải rút, trong đó có cả quân đội CS Bắc Việt, phái đoàn PGVN không trả lời được.

4.- Lập các tổ chức nguy hòa

Sau Đại hội Phật Giáo kỳ 3 của GHPGVNTN (Ấn Quang) tổ chức tại Sài Gòn ngày 20-8-1968, luật sư Trần Ngọc Liễng dưới sự chỉ đạo của Thượng Tọa Thích Thiện Minh, tuyên bố thành lập **Lực Lượng Quốc Gia Tiến Bộ**. Ngày 15-11-1969, LS Liễng đưa ra một tuyên bố khẳng định mục đích của Lực Lượng là đòi các lực lượng ngoại nhập (Mỹ và đồng minh) phải rút khỏi miền Nam, thành lập chính phủ hòa giải dân tộc. Các báo ở Sài Gòn hỏi ông tại sao không nói gì về phía Cộng Sản, ông không trả lời.

Ngày 27-1-1973 Hiệp Định Paris được ký kết. Điều 12 của Hiệp Định này dự liệu thành lập tại miền Nam Việt Nam một **Hội Đồng Quốc Gia Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc** sau khi ngưng bắn. Hội Đồng này gồm ba thành phần: VNCH, MTGPMN và các thành phần ở giữa. Thừa lệnh của Hội Đồng Viện Hóa Đạo, ngày 31-1-1973, Thượng Tọa Thích Thiện Minh đã phổ biến một thông bạch tuyên bố thành lập **Lực Lượng Hòa Giải Dân Tộc** và cử Luật sư Vũ Văn Mẫu làm Chủ Tịch. Lực lượng này bao gồm “các thành phần ở giữa” để đứng về phía MTGPMN trong Hội Đồng. Thông bạch đòi hỏi phải “nghiêm chỉnh thực thi ngưng bắn” và tiến tới lập chính phủ hòa hợp hòa giải. Thông bạch này đã bị các đảng phái quốc gia và báo chí công kích mạnh nên Lực Lượng không hoạt động được.

Tháng 2-1974, nhóm luật sư Trần Ngọc Liễng lại lập “**Tổ chức nhân dân đòi thi hành hiệp định Paris**”, xác định mình là lực lượng thứ ba, mục tiêu chính là đòi thi hành hiệp định Paris, Mỹ rút quân, thành lập Chính phủ hòa giải dân tộc.

XUẤT ĐẦU LỘ DIỆN

Trong cuốn Bạch Thư công bố ngày 31-12-1993, Hòa Thượng Thích Tâm Châu đã viết:

“Ngày 30-4-1975 là ngày cáo chung của chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Những bộ mặt thân Cộng Sản đã lộ rõ nguyên hình, không ai mà không rõ:

- Khi quân Cộng Sản từ rừng về Sài Gòn, đã có gần 500 Tăng, Ni của phe tranh đấu Ấn Quang ra đón chào.

- Ngày 19-5-1975, phe tranh đấu Ấn Quang đã tổ chức sinh nhật Hồ Chí Minh tại chùa Ấn Quang.

- Hiệp Thương Chính Trị thống nhất hai miền Nam Bắc của Cộng Sản, một Thượng Tọa của phe Ấn Quang đã làm một bài tham luận, nịnh Cộng Sản, kể

công của Ấn Quang và đả kích Nha Tuyên Úy Phật Giáo cùng Giáo Hội Thích Tâm Châu”.

Trong cuốn “**Bảo qua cổng chùa**”, Hòa Thượng Thích Mãn Giác cho biết sau khi Việt Cộng mới chiếm được miền Nam Việt Nam, Hội Đồng Viện Hóa Đạo của GHPGVNTN (Ấn Quang) đã họp và quyết định tham gia tổ chức “*mừng giải phóng*” với nhà cầm quyền, đồng thời tổ chức mừng sinh nhật Hồ Chí Minh tại chùa Ấn Quang. Hòa Thượng viết:

“*Lần đầu tiên trong lịch sử Phật Giáo Việt Nam, Giáo Hội đã tổ chức một buổi lễ hết sức long trọng để mừng sinh nhật của một cá nhân. Ngay trong thời kỳ phong kiến quân chủ, Giáo Hội cũng không làm như vậy. Mỗi chùa riêng tư có lễ chúc tụng Vua, nhưng không phải làm tập thể Giáo Hội. Tại sao Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã làm như vậy? Vì kính ngưỡng Hồ Chủ Tịch? Vì muốn chứng tỏ thiện chí hợp tác?*”

Bản Thông Cáo số 66-VHD/VP/TC ngày 8-5-1975 của Viện Hóa Đạo (Ấn Quang) về tổ chức đón mừng hòa bình và kỷ niệm ngày sinh nhật của ông Hồ Chí Minh 19 tháng 5, Hòa Thượng Mãn Giác cho biết:

“*Tin tưởng vào những hứa hẹn về hòa hợp hòa giải dân tộc của Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời, sau ngày giải phóng, Phật Tử Việt Nam đã tận tình hợp tác với Chính Phủ Cách Mạng. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất không được mời tham dự buổi lễ Mừng Chiến Thắng do chính phủ tổ chức ngày 15 tháng 5, 1975, nhưng Giáo Hội, với thiện chí sẵn có vẫn hợp tác trong nhiệm vụ đoàn kết dân tộc và tái thiết xứ sở, đã động viên trên 900 Tăng Ni trong thành phố Hồ Chí Minh để tham dự cuộc meeting trên. Ban tổ chức không chịu nhường chỗ đứng cho phái đoàn Phật Giáo tại khán đài, nhưng Giáo Hội vẫn kiên chí tham gia trong buổi lễ. Ngày 19 tháng 5, 1975 hơn 20,000 Phật tử đã tề tựu tại chùa Ấn Quang để làm lễ sinh nhật Hồ Chủ Tịch. Đây là một số lượng đáng kể vì ngoài chính phủ ra, không có đoàn thể nhân dân nào có thể huy động số người tham dự buổi lễ đông đảo như vậy.*”

TỰ THỨ NHẬN HỢP TÁC VỚI CỘNG SẢN

Trong cuộc meeting “*mừng giải phóng*” ngày 15-5-1975, Hòa Thượng Mãn Giác đã đọc một bài diễn văn rất thông thiết, trong đó có những đoạn sau đây:

“*Trong những năm dài sống dưới ách nô lệ thực dân mới, Phật Giáo chỉ nuôi một ước vọng sâu kín: độc lập và thống nhất...*”

“*Ngày nay, ước vọng đó đã hiện thực. Hiện thực ấy ngày càng rõ nét trong đời sống dân tộc, làm vang vọng lời xác quyết của Hồ Chủ Tịch “Nước Việt Nam*

là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi”... Bác Hồ kính yêu đã thay lời tổ tiên nói lên...”

“Cuộc đấu tranh của Phật Giáo cho nền thống nhất tổ quốc cũng là một với cuộc đấu tranh vì CHỦ NGHĨA XÃ HỘI ...”

Sau đó, chính Hòa Thượng Trí Thủ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo Ấn Quang, Hòa Thượng Trí Tịnh, Viện Phó và Thượng Tọa Minh Châu, nguyên Tổng Thư Ký, đem GHPGVNTN (Ấn Quang) sát nhập thành Giáo Hội Phật Giáo Nhà Nước. Trong lễ ra mắt Giáo Hội này hôm 7-11-1981 tại Hà Nội, Hòa Thượng Trí Thủ đã nhân danh Chủ Tịch Hội Đồng Trị Sự của Giáo Hội đọc một bức thư gửi Chủ Tịch Hội Đồng Nhà Nước Trường Chinh, trong đó có đoạn như sau:

“Suốt ba mươi năm chống Pháp, chống Mỹ, nhiều chùa là cơ sở của cách mạng, nhiều tăng ni tạm thời rời bỏ Thiên môn, hăng hái tòng quân đánh giặc cứu nước. Bác Hồ dạy: “Không gì quý hơn độc lập tự do!”, toàn thể tăng ni và Phật tử Việt Nam ghi lòng tạc dạ lời dạy đó của Bác, nhận thức rõ lý tưởng giải thoát của người tu hành không thể tách rời sự nghiệp giải phóng dân tộc, do Hồ Chủ Tịch và Đảng Cộng Sản Việt Nam lãnh đạo.”

Những hoạt động của các chùa và tăng sĩ Phật Giáo ở Huế cho Việt Cộng mà Liên Thành ghi lại trong cuốn **“Biến động miền Trung”** chỉ mới là một phần nhỏ. Năm 1974, khi tôi trở về Đà Nẵng để quan sát tình hình, nhất là tin Việt Cộng sắp chiếm Thường Đức, một nhân viên an ninh đã cho tôi biết trong 10 chùa ở Đà Nẵng, có đến 8 chùa hoạt động cho Việt Cộng. Nếu Hòa Thượng chịu khó đọc lại các hồi ký viết về Đà Nẵng ngày 29-3-1975, ngày Đà Nẵng bị mất, Hòa Thượng sẽ thấy các tổ chức Phật Giáo và chùa chiền ở Đà Nẵng đã hành xử như họ là cơ quan đại diện của Cộng Sản tiếp thu thành phố!

Trong cuộc gặp gỡ Hòa Thượng Huyền Quang tại Hà Nội chiều 2-4-2003, Thủ Tướng Phan Văn Khải xác nhận:

“Phật giáo Việt Nam đã từng góp công sức của mình vào sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.”

Khi Cộng Sản chiếm miền Nam, các tăng sĩ lãnh đạo đấu tranh của GHPGVNTN (Ấn Quang) đã coi sáng kiến của mình là tuyệt vời, là **“đỉnh cao của trí tuệ loài người”**, nhưng những hậu quả sau đó thật là thâm trọng cho cả đất nước lẫn Phật Giáo!

Thưa Hòa Thượng, trên đây chỉ là những nét đại cương về một số tăng sĩ và GHPGVNTN hoạt động cho Cộng Sản, nếu Hòa Thượng cần biết thêm, chúng

tôi sẽ trình bày chi tiết. Trong bài tiếp theo chúng tôi sẽ nói về âm mưu lật đổ và cướp chính quyền của một số tăng sĩ và GHPGVNTN (Ấn Quang).

(Trích: **“Bằng Chứng Tự Thú”** của Lữ Giang)

LÒNG HẬN THÙ TÔN GIÁO

Như chúng tôi đã nói, năm 2010, Tiến Sĩ Cao Huy Thuần, một đệ tử của Thích Trí Quang thuộc nhóm **“Trá hàng VC để làm văn hóa, hoàng pháp...”**, hiện đang ở Pháp, đã được Việt Cộng mời về thuyết trình về kỷ niệm 1000 Thăng Long. Sau khi được lên “dây cót”, Cao Huy Thuần đã tuyên bố huênh hoang với báo chí và dùng phía sử để xuyên tạc các biến cố đã xảy ra tại miền Nam Việt Nam, mặc dầu sử liệu đã công bố gần đầy đủ rồi.

Thật ra, các biến cố lịch sử tại miền Nam đã bị Thiên sư Nhất Hạnh xuyên tạc một cách trắng trợn và đang phải trả giá, nay đến lượt Cao Huy Thuần!

Trong các lời phát biểu với báo chí, Cao Huy Thuần đã xuyên tạc nhiều sự kiện lịch sử với tất cả lòng thù hận. Tuần trước, chúng tôi mới chỉ nói đến chuyện Cao Huy Thuần xuyên tạc biến cố trước đài phát thanh Huế tối 8-5-1963. Chúng tôi đã đưa ra những bằng chứng pháp lý và lịch sử để phản chứng, Cao Huy Thuần không thể chối cãi được. Hôm nay chúng tôi xin nói những sự xuyên tạc của Cao Huy Thuần đối với Dự số 10 được Quốc Trưởng Bảo Đại ban hành ngày 6-8-1950 ấn định quy chế hiệp hội cho toàn quốc gia Việt Nam. Đây là vấn đề đã được chúng tôi trình bày với Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Hòa Thượng Thích Chơn Thành và ông Trần Gia Phụng, nhưng Cao Huy Thuần vẫn tiếp tục loạn ngôn với ngụ ý Dự này được chính quyền “bán thuộc địa” đưa ra để ưu đãi Thiên Chúa Giáo! Chúng tôi thấy cần phải trình bày lại rõ ràng vấn đề này một cách dứt khoát.

KHÔNG BIẾT GÌ LỊCH SỬ

Trong cuộc phỏng vấn của báo Thời Đại Mới ngày 30-4-2011, Cao Huy Thuần đã nói về Dự số 10 ngày 6-8-1950 như sau:

“Buồn cười không thể tưởng tượng về cái Dự số 10: Dự này không xem Phật giáo như một tôn giáo mà chỉ như một hiệp hội, ngang hàng với các hiệp hội từ thiện, mỹ nghệ, tiêu khiển, thể thao! Tôn giáo thì chỉ có một thôi, là Thiên chúa giáo vì Thiên chúa giáo không nằm trong Dự số 10...”

*“Buồn cười ra nước mắt: đòi dẹp bỏ Dự số 10 để mình được làm tôn giáo như ai! Không nhận ra cái bất công khủng khiếp này thì không hiểu được cái nhục mà tôi gọi là **cái nhục gia tài**, cái nhục không riêng gì của*

thế hệ lúc đó mà nhục cả cha ông từ bao nhiêu thế hệ trước...”

Phóng viên báo Thời Đại Mới nói Dự số 10 không phải có từ thời ông Diệm mà đã có từ thời Bảo Đại. Ông Diệm chỉ thừa hưởng. Cao Huy Thuần trả lời:

“Đúng vậy! Và chính vì vậy mà cái nhục của Phật giáo được dân tộc san sẻ, trở thành cái nhục chung. Một đạo dụ, ban hành dưới thời bán thuộc địa Liên Hiệp Pháp, xếp tôn giáo truyền thống của dân tộc vào loại vô tôn giáo, lại được một chính quyền mang tiếng là độc lập trân trọng giữ y nguyên vẫn, áp dụng triệt để, như thể là con thừa tự! Độc lập chỗ nào? Nhục cho cả nước. Dân chúng miền Nam bị tròng hai cái ách vào cổ: cái ách độc tài chính trị và cái ách độc tài tôn giáo...”

Cao Huy Thuần có bằng Tiến Sĩ về khoa học chính trị tại Đại học Picardie ở Pháp, nhưng qua bài phỏng vấn nói trên, chúng ta thấy kiến thức của Cao Huy Thuần rất giới hạn, có lòng hận thù Thiên Chúa Giáo điên cuồng, không hề nghiên cứu để nắm vững vấn đề mình muốn trình bày, nên đã phát ngôn rất bừa bãi.

1.- Luật hiệp hội dưới thời phi thai

Dưới thời phong kiến, Việt Nam không có quy chế hiệp hội. Đến thời Pháp thuộc, quy chế hiệp hội bắt đầu hình thành, nhưng vì đất nước lúc đó được chia thành ba Kỳ, nên rất phức tạp.

Ngày 26-3-1883 Pháp ban hành bộ “Dân luật giản yếu” dựa hoàn toàn vào bộ Dân luật Pháp năm 1804. Năm 1931 Pháp ban hành bộ “Dân luật Bắc” và từ 1936 đến 1938, bộ “Dân luật Trung” (còn có tên là “Hoàng Việt Trung kỳ Hộ luật”). Hai bộ luật Bắc và Trung đã phối hợp các nguyên tắc của Dân Luật Pháp với phong tục tập quán của Việt Nam, trong đó có ấn định quy chế lập hội, nhưng rất sơ sài.

2.- Những trường hợp đặc biệt

Tại Nam Kỳ và các nhượng địa của Pháp, **Luật về hiệp hội 1901 của Pháp** được áp dụng. Đây là đạo luật vẫn còn áp dụng tại Pháp cho đến nay.

Lúc đó, ở Việt Nam có hai hội có phạm vi hoạt động toàn quốc là **Trung Hoa Lý Sự Hội** và **Hội Thừa Sai Hải Ngoại Paris** (Société des Missions Etrangères de Paris). Vì hoạt động của các bang hội người Hoa thường gây khó khăn cho việc quản lý, nên với sự thỏa thuận của chính phủ Trung Hoa, ngày 27-12-1886 Pháp đã chính thức ban hành quy chế bang hội cho người Hoa tại Việt Nam và đặt dưới sự kiểm soát của Pháp. Sau đó Pháp cũng đã ban hành một quy chế riêng cho Hội Thừa Sai Hải Ngoại Paris. Quy chế của hai hội này cũng dựa vào Luật về hiệp hội 1901 của Pháp.

KHÁI NIỆM VỀ DỰ SỐ 10

Thỏa Ước Việt – Pháp được ký kết giữa Bảo Đại và Tổng Thống Vincent Auriol của Pháp tại điện Élysée ở Paris ngày 8-3-1949 và các hiệp định thi hành thỏa ước này được Quốc Trưởng Bảo Đại và Cao Ủy Pháp Pignon ký ngày 30-12-1949 tại Tòa Đô Chánh Sài Gòn, công nhận Chính Phủ Việt Nam có tổ chức hành chánh riêng, tư pháp riêng, tài chánh riêng, quân đội riêng. Về vấn đề nội bộ, Chính Phủ Việt Nam có quyền “thi hành đầy đủ quyền nội bộ của chính phủ ấy...”

Luật sư Trần Văn Tuyên kể lại, sau khi có Thỏa Ước nói trên, chính phủ Nguyễn Phan Long được thiết lập do Sắc Lệnh số 6/QT ngày 21-1-1950 của Quốc Trưởng Bảo Đại, đã quyết định biên soạn một quy chế hiệp hội chung cho cả nước với mục đích đưa hoạt động của tất cả các đảng phái, giáo phái, tôn giáo và hội đoàn vào khuôn khổ của luật pháp.

Công việc này chưa hoàn tất thì cuối tháng 4 năm 1950 chính phủ Nguyễn Phan Long bị giải tán. Chính phủ Trần Văn Hữu được thiết lập do Sắc Lệnh số 37/CP ngày 6-5-1950 để thay thế chính phủ Nguyễn Phan Long. Thủ Tướng Trần Văn Hữu đã ra lệnh cho Bộ Nội Vụ và Bộ Tư Pháp phối hợp hoàn tất quy chế hiệp hội.

Nội dung của dự luật này đã **phỏng theo Luật về hiệp hội 1901** (Les associations loi 1901) của Pháp, chỉ sửa đổi một số điều khoản cho phù hợp với tình hình Việt Nam mà thôi, vì Luật về hiệp hội 1901 đã từng áp dụng tại Nam Kỳ và các nhượng địa với những hiệu quả tốt.

Điều 1 của Luật về hiệp hội 1901 của Pháp quy định như sau:

“L’association est la convention par laquelle deux ou plusieurs personnes mettent en commun d’une façon permanente leurs connaissances ou leur activité dans un but autre que de partager des bénéfices. Elle est régie quant à sa validité, par les principes généraux du droit applicable aux contrats et obligations.”

Điều 1 của Dự số 10 ngày 6-8-1950 đã rập khuôn theo điều 1 của Luật về hiệp hội 1901 của Pháp nói trên:

“Hội là hiệp ước của hai hay nhiều người thỏa thuận góp kiến thức hay hành lực một cách liên tiếp để theo đuổi mục đích không phải là phân chia lợi tức, như là mục đích thuộc về tế tự, tôn giáo, chính trị, từ thiện, thể thao và đồng nghiệp ái hữu.

“*Muốn có hiệu lực thì hội nào cũng phải hợp với nguyên tắc chung của pháp luật về kế ước và nghĩa vụ.*”

Khi dự luật được trình lên, Thủ Tướng Trần Văn Hữu đã phê duyệt và gửi qua Pháp cho Bảo Đại ký, vì lúc đó Bảo Đại đang ở Pháp. Bảo Đại đã ký tại Vichy ngày 6-8-1950 và được đăng trong Công Báo Việt Nam số 33 ngày 19-8-1950.

TRƯỜNG HỢP NGOẠI LỆ

Điều thứ 44 của Dự số 10 có quy định như sau:

“*Chế độ đặc biệt cho các hội truyền giáo Thiên Chúa và Gia tô và các Hoa Kiều Lý Sự Hội sẽ ấn định sau.*”

Tại sao điều khoản này được đưa vào cuối Dự số 10? Phải chăng chính phủ Trần Văn Hữu muốn ưu đãi Thiên Chúa Giáo và Hoa Kiều Lý Sự Hội? Không phải như vậy.

Khoản 1 của Thỏa Ước Việt – Pháp được ký kết giữa Bảo Đại và Tổng Thống Vincent Auriol của Pháp tại điện Élysée ngày 8-3-1949 có quy định như sau:

“*Sự cai trị các sắc dân không phải là người Việt Nam... sẽ được cứu xét bằng quy chế riêng.... Các quy chế này phải được sự thỏa thuận của Đại Diện Chính Phủ Cộng Hòa Pháp Quốc, vẫn còn có trách nhiệm đối với họ.*”

Như chúng tôi đã nói ở trên, Giáo Hội Công Giáo Việt Nam lúc đó đang đặt dưới quyền của Hội Thừa Sai Hải Ngoại Paris (Société des Missions Étrangères de Paris) của Pháp và có một quy chế riêng do Pháp ấn định.

Giữa Pháp và chính phủ Trung Hoa cũng đã chấp thuận cho người Hoa có một chế độ riêng đặt dưới quyền quản lý của Pháp.

Căn cứ vào khoản 1 của Thỏa ước Élysée đã nói trên, muốn ấn định quy chế của hai tổ chức này, Việt Nam phải tham khảo ý kiến của Pháp trước khi quy định. Vì thế, điều 44 Dự số 10 phải quy định như trên chứ không phải vì muốn ưu đãi Thiên Chúa Giáo và các bang hội Hoa Kiều.

Như chúng tôi đã nói, hai quy chế đã được áp dụng cho Hội Thừa Sai Hải Ngoại Paris và các Hoa Kiều Lý Sự Hội cũng là các nguyên tắc ấn định trong Luật về hiệp hội 1901 của Pháp, tức giống Dự số 10 chứ chẳng có gì đặc biệt.

Một câu hỏi được đặt ra là các nhà tranh đấu của Phật Giáo năm 1963, khi đọc điều 44 của Dự số 10, họ có biết tại sao điều 44 đã quy định như vậy không?

Nhiều người tin rằng họ biết, vì điều 44 không chỉ nói đến một quy chế đặc biệt cho Thiên Chúa Giáo mà còn cho cả Hoa Kiều Lý Sự Hội nữa.

Từ năm 1960, khi chưa có vụ Phật Giáo, trong một bài đăng trên nguyệt san Quê Hương, ông Vũ Quốc Thông, Giáo Sư Đại Học Luật Khoa Sài Gòn, đã giải thích rằng việc quy định những vấn đề liên quan đến chính sách ngoại giao hay các luật lệ liên quan đến người Pháp và ngoại kiều sinh sống tại Việt Nam, đều phải có sự đồng ý của Cao Ủy Pháp tại Đông Dương, chính phủ Việt Nam mới được ban hành. Do đó, muốn ban hành các quy chế về các hội truyền giáo của Thiên Chúa Giáo và các hội của Hoa Kiều đang hoạt động tại Việt Nam như Société des Missions Étrangères de Paris, Protestant Mission, Chinese Congrégations, v.v., đều phải có sự đồng ý của Pháp mới ban hành được.

(Vũ Quốc Thông, “Việt Nam Tự Do, Chính Thể Cộng Hòa Nhân Vị”, nguyệt san Quê Hương số 16, ngày 16-10-1960, tr. 1 - 39 và 247 – 262).

Giả thiết các nhà tranh đấu Phật Giáo không biết những quy định pháp lý nói trên đi nữa và muốn phân bì thì họ phải phân bì vừa với Hoa Kiều Lý Sự Hội vừa với Thiên Chúa Giáo, tại sao họ chỉ phân bì với Thiên Chúa Giáo? Câu trả lời có thể rất giản dị như sau:

Tại vì các nhà lãnh đạo đấu tranh Phật Giáo muốn **MUỘN LÒNG HẬN THÙ THIÊN CHÚA GIÁO LÀM ĐỘNG LỰC KÍCH ĐỘNG ĐẤU TRANH** nên họ chỉ chụp lấy chữ “**Thiên Chúa Giáo**” trong điều 44 và bỏ qua một bên Hoa Kiều Lý Sự Hội. Họ biết dân chúng chẳng ai đọc Dự số 10 và khi họ tuyên bố Dự số 10 ưu đãi Thiên Chúa Giáo là đa số các Phật tử tin ngay. Đây là một trò TRÍ TRÁ mà thuật ngữ Phật Giáo gọi là **VỌNG NGŨ**.

Chiến thuật mượn lòng hận thù Thiên Chúa Giáo làm động lực kích động đấu tranh là chiến thuật đã được các nhà lãnh đạo đấu tranh Phật Giáo sử dụng trong suốt cuộc chiến Việt Nam và kéo dài cho đến ngày nay. Toàn bài phát biểu của Cao Huy Thuận với báo Thời Đại Mới mà chúng tôi đang bàn đến có thể được coi là biểu tượng rõ nét nhất của sự kích động lòng hận thù tôn giáo. Nhiều người tin rằng chiến thuật này chắc chắn sẽ được tái áp dụng hậu cộng sản, khi các nhóm Phật Giáo quá khích muốn tạo bạo loạn để cướp chính quyền. Nhưng đây là một chiến thuật sai lầm, vì khi áp dụng chiến thuật này, các nhà đấu tranh Phật Giáo đã phải đối phó cùng một lúc vừa với chính quyền vừa với Thiên Chúa Giáo, thất bại là chuyện đương nhiên.

ĐÀNH CHẤP NHẬN “CÁI NHỤC GIA TÀI”

Các nhà Phật Giáo đấu tranh và Hòa Thượng Quảng Độ đã cho rằng “*Dự số 10 tồn tại từ thời thực dân Pháp xem Phật giáo như một hội đoàn, với nhiều kỳ thị, ức chế dưới thời đệ nhất Cộng Hòa.*” Nay Cao

Huy Thuần cũng chỉ lặp lại luận điệu đó và cho rằng Dự số 10 không xem Phật giáo như một tôn giáo mà chỉ như một hiệp hội, ngang hàng với các hiệp hội từ thiện, mỹ nghệ, tiêu khiển, thể thao! Ông coi đó là “cái nhọc” mà ông gọi là “**CÁI NHỤC GIA TÀI**”.

Phật giáo có đến 84,000 pháp môn (vô lượng pháp), ai tu theo pháp môn nào cũng được, nên trên thế giới không có Giáo Hội Phật Giáo thống lãnh toàn thể các tăng sĩ và tín đồ. Ở Việt Nam, vì nhu cầu thống lãnh Phật Giáo để tạo sức mạnh cướp chính quyền, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất mới được hình thành. Đó là một tổ chức chính trị hơn là một tổ chức tôn giáo.

Thật ra, **Giáo Hội cũng chỉ là một hiệp hội**, nhưng người Thiên Chúa Giáo gọi là **Giáo Hội** (Ecclesia, Église, Church) vì đó là chữ được dùng trong Thánh Kinh (Mat. 16,19). Năm 1964, khi 11 tổ chức Phật Giáo Việt Nam quyết định thành lập một tổ chức Phật Giáo Việt Nam thống nhất, họ cũng dùng chữ Giáo Hội (Church). Vậy chữ Church đó lấy từ đâu ra? Không lẽ lấy từ Thánh Kinh?

Dù coi hiệp hội là một “CÁI NHỤC GIA TÀI”, nhưng khi đến Mỹ, Pháp và các nước trên thế giới, các tổ chức Phật Giáo Việt Nam đều “thi đua” nộp đơn xin gia nhập các quy chế hiệp hội tại các nước này để được hưởng những quyền lợi được luật pháp ban cho, ở Mỹ có quy chế hiệp hội bất vụ lợi (nonprofit organization) còn ở Pháp có Luật về hiệp hội 1901 (giống Dự số 10 của VNCH).

Luật thuế vụ liên bang của Mỹ [Federal 501(c) (3) Status] đã định danh năm thứ hiệp hội bất vụ lợi có thể được miễn thuế, đó là **các hiệp hội có mục đích bác ái, các tổ chức khoa học** (scientific organizations), **các tổ chức giáo dục** (educational organizations), **các hiệp hội có mục đích văn học, và các nhóm tôn giáo** (religious groups).

Vậy khi các chùa và các tổ chức Phật Giáo ở hải ngoại xin được hưởng các quy chế này “ngang hàng với các hiệp hội từ thiện, mỹ nghệ, tiêu khiển, thể thao...” là họ đã chấp nhận một “CÁI NHỤC GIA TÀI”?

TÁC HẠI CỦA “QUY CHẾ ĐẶC BIỆT”

Năm 1964, theo yêu sách rất gay gắt của nhóm Phật Giáo đấu tranh, Tướng Nguyễn Khánh đã ban hành Sắc Luật số 158-SL/CP ngày 14-5-1964 công nhận Hiến Chương ngày 4-1-1964 của GHPGVNTN, cho phép Giáo Hội này được hoạt động theo một “**chế độ đặc biệt**” nằm trên và ngoài luật pháp quốc gia. Hiến Chương của Giáo Hội coi là tài sản của GHPGVNTN tất cả các quốc tự, các ngôi chùa làng,

các ngôi tổ đình, các ngôi chùa xây dựng bởi các vị Tăng sĩ và các hội đoàn Phật giáo cũ, v.v.

Sự thống lãnh quyền lực và tước đoạt tài sản này đã đưa tới sự chống đối mạnh liệt của các hội đoàn và tông phái Phật giáo. Một cuộc chiến tranh đẫm máu đã xảy ra. GHPGVNTN đã bị bẻ ra làm hai: Giáo Hội Ấn Quang và Giáo Hội Việt Nam Quốc Tự. Ngày 18-7-1967, Tổng Tổng Nguyễn Văn Thiệu đã ban hành Sắc Luật số 23/67 hủy bỏ Sắc Luật số 158-SL/CP ngày 14-5-1964 và công nhận Hiến Chương mới của Giáo Hội Việt Nam Quốc Tự. **Kể từ đó, Giáo Hội Ấn Quang hoạt động ngoài vòng pháp luật và cho đến nay đã bẻ thành 8!** Trong khi đó, Dự số 10 vẫn được áp dụng đến ngày 30-4-1975 và vẫn được đa số các đoàn thể của người Việt hải ngoại trân trọng: Khi xin phép lập hội thì họ làm theo luật Mỹ, nhưng khi làm Nội Quy họ vẫn mô phỏng theo các nguyên tắc của Dự số 10.

Trên đây là hậu quả tai hại của một “chế độ đặc biệt” mà nhóm Phật Giáo đấu tranh đã đòi hỏi bằng mọi giá.

Cao Huy Thuần đã từng viết: “*Tìm cách phục hồi sự thật lịch sử... để không phạm lại những lỗi lầm cũ.*” Bây giờ chúng tôi đã phục hồi lại sự thật lịch sử, Cao Huy Thuần sẽ tính sao?

Chúng tôi sẽ đề cập tiếp vấn đề “*Phật giáo từng bị chụp mũ “thân Mỹ”, “thân Cộng”*” mà Cao Huy Thuần đang la làng.

(Trích: “*Lòng Hận Thù Tôn Giáo*” của Lữ Giang)

LÒNG THÙ HẬN THIÊN CHÚA GIÁO

Như chúng tôi đã nói nhiều lần, theo báo cáo của CIA, chủ trương của nhóm Phật Giáo đấu tranh là tiến tới thành lập một chính quyền Phật Giáo do giáo quyền lãnh đạo (*theocracy*). Cuộc đấu tranh đã lên đến cao điểm vào năm 1966, khi Phật Giáo cướp chính quyền thất bại ở Đà Nẵng và Huế. Người chủ trương và lãnh đạo cuộc đấu tranh cướp chính quyền là Thích Trí Quang và lý thuyết gia về Phật giáo là “**đạo dân tộc**” và Phật giáo phải nắm chính quyền là Lê Mạnh Thát.

Khi đấu tranh, các tăng sĩ lãnh đạo đã dùng lòng hận thù Thiên Chúa Giáo và vọng ngữ làm động lực. Tuy nhiên, sau khi thất bại, nhóm Phật Giáo đấu tranh vẫn tiếp tục sử dụng lòng hận thù Thiên Chúa giáo và vọng ngữ để chạy tội, biện minh cho những sai lầm nghiêm trọng của mình. **Lòng thù hận Thiên Chúa giáo và vọng ngữ đã trở thành “con đường giải thoát” của Phật Giáo đấu tranh!**

LÒNG HẬN THÙ BIỂU TƯỢNG SỰ TUYỆT VỌNG

Sách báo được viết để kích động lòng hận thù Thiên Chúa Giáo từ 1963 đến nay khó mà đếm hết được. Vào các nhà sách trong và ngoài nước đều thấy tràn ngập. Hiện nay trên Internet, có hai websites đã chính thức **xử dụng lòng hận thù Thiên Chúa Giáo và vọng ngữ như “con đường giải thoát” của Phật Giáo**, đó là sachhiem.net và chuyenluan.org. Hầu hết các websites của Phật Giáo đều có tham gia vào trận chiến này. Hàng ngày, số bài chống Thiên Chúa Giáo được chuyển đi trên các diễn đàn Internet Việt ngữ không phải chỉ hàng chục mà có lúc đến hàng trăm lần: *Công Giáo hắc sử, Tội ác của Công Giáo La Mã, Phải tiêu diệt Thiên Chúa Giáo, Nói về 7 núi tội ác của Công Giáo, Sự thật về Tội ác Nhân Loại của Đạo Công Giáo và tội ác Diệt chủng Nhân loại của Tòa Thánh VATICAN, Công Giáo La Mã là một đặc sản văn hóa phi nhân tính*, v.v. Dĩ nhiên, **đó chỉ là tiếng chó sủa trắng**, chẳng làm rung động sợi chân lông của ai, nhưng **nó biểu tượng cho sự tuyệt vọng của những kẻ bị dồn vào đường cùng**.

CHỈ LÀ NHỎ RA LIÊM LẠI!

Phương pháp thông dụng được nhóm Phật giáo đầu tranh xử dụng là **“nhỏ ra liêm lại”** và coi đó là **“bằng chứng lịch sử”**! Chúng đã biến wikipedia.org thành một công cụ, đưa lên những bài xuyên tạc lịch sử rồi trích dẫn lại và coi đó là tài liệu lịch sử đáng tin cậy! Chúng tôi đã đưa một thí dụ cụ thể:

Đọc bài nói về Ngô Đình Diệm trên wikiprdia.org, chỉ vài hàng đầu đã thấy sai bét rồi. Nhiều người tin người viết thuộc nhóm Giao Điểm hay Ân Quang. Tác giả viết: *“Ngô Đình Diệm sinh ngày 3 tháng 1 năm 1901 tại làng Đại Phong, huyện Lệ Thủy, Quảng Bình trong một gia đình quan lại có truyền thống theo đạo Công giáo lâu đời ở Việt Nam.”*

(xem: [Ngô Đình Diệm – Wikipedia tiếng Việt](#))

Có người thấy bài viết bậy quá đã vào thử sửa lại một đoạn đầu xem sao: *“Ngô Đình Diệm sinh ngày 3-1-1901 tại làng Phước Quả, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên...”*

Nhưng một tuần sau mở ra xem lại, bọn lưu manh đã sửa lại như cũ! Chúng vừa lưu manh vừa dốt! Ông Ngô Đình Khả sinh tại Quảng Bình, còn anh em ông Diệm đều sinh ở Huế (*còn số rửa tội*).

Những phía sử của Đỗ Mậu, **Cửu Long Lê Trọng Văn** (*tức Lê Văn Thông, cán bộ ở Lào*), **Chu Bằng Lĩnh** (*Mạc Thu, tên thật là Lưu Đức Sinh, ghiền thuốc phiện*)... được coi như là **“kinh nhật tụng”** của Phật Giáo đầu tranh, cứ đem ra tụng đi tụng lại hết ngày này qua ngày khác trên các diễn đàn.

Không phải chỉ “bọn lau nhau” tích cực phát động chiến dịch này, mà một số cao tăng cũng đã đứng ra lãnh đạo. Người hung hăng nhất là Thích Trí Quang. Từ 1963 đến nay, ông đã liên tục dùng “hồi ký” để phổ biến phía sử chống Thiên Chúa Giáo. Trước tiên là cuốn **“Tiểu truyện tự ghi”**. Chúng tôi biết rất rõ quê quán, gia đình và bổn sư của ông, thế mà ông tưởng không ai biết, cứ “múa gậy vườn hoang”. Tập **“Từ Rạch Cát tới Tòa Đại Sứ Mỹ”** được ông viết giống truyện Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân, còn ông là Tôn Ngộ Không! Bị chúng tôi lật tẩy, năm 2011 ông viết lại với một văn phong ôn hòa hơn, lấy tên là **“Trí Quang Tự Truyện”** được Nhà xuất bản Tổng Hợp ở Sài Gòn ấn hành. Cuốn này được viết và trình bày chuyên nghiệp hơn, có lẽ có người giúp, nhưng lại mâu thuẫn với nhiều điều ông nói trong các cuốn trước và phía sử vẫn còn nhiều (*chúng tôi sẽ nói sau*), vì thế có người cho rằng **“Trí Quang đã tự lột mặt nạ của chính mình”**! Ông vẫn còn nói lảm cẩm về Dự số 10, một văn kiện mà ông chẳng hiểu gì hết. Ông loạn ngôn: **“Rõ ràng, Dự số 10 cho Thiên Chúa Giáo là độc tôn, là “tôn giáo”, cho các tôn giáo khác, kể cả Phật Giáo, chỉ là tín ngưỡng lật vật. Vậy mà Dự này, thủ tướng Diệm mới cầm quyền, đã ban hành tục Dự duy trì, ‘ký thay Quốc trưởng’.”** Thật ra **Dự số 10 được Bảo Đại ban hành từ năm 1950 vẫn tồn tại đến 30-4-1975**, ông Diệm và các chính phủ tiếp theo không hề ban hành một văn kiện nào để duy trì hay hủy bỏ Dự số 10, vì nội dung của Dự này không khác gì **Luật về hiệp hội 1901** (*Association loi 1901*) của Pháp đã được ban hành ở Việt Nam trước đó và còn tồn tại ở Pháp đến ngày nay. Nhưng ông có trình độ văn hóa khá thấp, thấp nhất trong các tăng sĩ lãnh đạo Ân Quang, nên nói chuyện pháp lý với ông rất khó. Ông vẫn ôm chặt lòng thù hận Thiên Chúa Giáo!

DIỆP VIÊN HAI MANG?

Hôm nay chúng tôi nói đến một nhân vật quan trọng khác đối với cuộc chính biến 1963, đó là **Thích Đức Nghiệp**. Chúng tôi gọi ông là một nhân vật quan trọng vì ông và Trần Quang Thuận đã được CIA xử dụng để tổ chức vụ thiêu Thích Quảng Đức, khởi đầu cho kế hoạch lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm.

Tài liệu cho biết William Kohlmann, một nhân viên tình báo Mỹ đang làm việc ở Anh quen biết với Trần Quang Thuận đã được điều động qua Sài Gòn để hướng dẫn Trần Quang Thuận và Đại Đức Thích Đức Nghiệp thực hiện vụ thiêu Thích Quảng Đức. Lúc Đó Đại Đức Thích Đức Nghiệp đang là giáo sư Anh ngữ tại trường Vạn Thắng. Ông đã từng làm thông dịch

viên cho Mỹ từ cuộc di cư 1954. Thích Quảng Độ làm thông dịch viên cho USIS.

Bill Kohlmann kể lại rằng ban tổ chức định dùng xăng để thiêu Thầy Quảng Đức, nhưng được cho ý kiến là xăng sẽ cháy rất nhanh, không đủ thời gian để chụp hình và làm các nghi thức trước khi lửa tắt, và thời gian cháy chưa đủ để làm Thầy Quảng Đức tắt thở, do đó phải đổ thêm Diesel vào cho cháy chậm lại. Thích Đức Nghiệp có nhiệm vụ liên lạc với ký giả Malcolm Browne của AP, một nhân viên CIA khác, có nhiệm vụ báo tin cho các ký giả đến đúng lúc để quay phim, chụp hình và gửi đi khắp thế giới. **Ba mươi vụ tự thiêu tiếp theo không có CIA dính vào, đã trở thành con số không!**

Trong vụ này, Trần Quang Thuận đã phạm một lỗi lầm rất lớn là dùng chiếc xe Austin mang số DBA 599 của ông già vợ là Tôn Thất Hối, chở Thích Quảng Đức đến hiện trường nên cơ quan tình báo của ông Diệm phát hiện ra đường dây tổ chức. Trần Quang Thuận bị CIA sa thải ngay vì lý do “làm gián điệp cho Pháp”. William Kohlmann nói ông ta đã biện hộ cho Thuận nhưng CIA cứ sa thải. Vì hồ sơ này, khi Trần Quang Thuận qua Mỹ xin vào làm cho sở xã hội đã bị từ chối.

Lý lịch của Thích Đức Nghiệp vẫn được giấu kín. Thích Quảng Độ sinh năm 1928. Thích Đức Nghiệp đồng tuổi hay chỉ nhỏ hơn Thích Quảng Độ một hai tuổi. Sau khi chế độ Ngô Đình Diệm bị lật đổ, ông được Mỹ cho đi học tại Đại Học Yale ở Connecticut và được cấp bằng tiến sĩ triết học. Nhưng ông hiện là Phó Pháp Chủ Hội Đồng Chứng Minh GHPG Nhà Nước và làm mưa làm gió ở chùa Giác Minh. Nhiều bài trong nước tố ông là tay sai của Giáo Hội quốc doanh và coi ông là một thành phần hai mang, vừa làm tay sai cho Mỹ vừa làm tay sai cho Cộng Sản.

ĐỈNH CAO CỦA LÒNG HẬN THÙ VÀ VỌNG NGŨ

Thích Đức Nghiệp có viết cuốn “**Đạo Phật Việt Nam**” được Thành Hội Phật Giáo Sài Gòn xuất bản năm 1995, trong đó có rất nhiều phịa sử. Hôm nay chúng tôi chỉ trích một đoạn ông nói về nguyên nhân đưa đến biến cố tối 8-5-1963 trước đài phát thanh Huế, để đọc giả thấy ông phịa tài tình không thua gì Đặng Văn Nhâm viết cuốn “*Giặc thầy chùa*”. Ở trang 192 ông viết:

«Xuyên qua những dữ kiện lịch sử, việc cố tình kỳ thị tôn giáo của chế độ ông Diệm đã tiềm phục từ lâu, cụ thể từ 1957 tới 1963 qua những bản phúc trình của Phật giáo Trung Việt. Đặc biệt vào lễ khánh thành nhà thờ Đức Mẹ La Vang tại Quảng Trị, trùng hợp với đại lễ Phật Đản hằng năm, từ ngày 8-4 đến 15-4 âm lịch

trên toàn quốc. Vào dịp lễ khánh thành này, ông Diệm, ông Nhu, ông Cán, Giám Mục Ngô Đình Thục cùng đi dự lễ. Trên đường tới nhà thờ tại Quảng Trị, phải đi qua thành phố Huế, thấy trang hoàng công chào và cờ Phật giáo rợp trời, ông Diệm mới hỏi người tùy tùng và được trả lời: “Đây là cờ Phật giáo.” Do đó, ông Diệm liền hạ lệnh cho Quách Tòng Đức, Đồng lý văn phòng phủ Tổng thống, cùng đi theo: “Hãy gửi gấp công điện, khắp nơi phải hạ cờ Phật giáo xuống!”. Đó là nguyên nhân chính xảy ra cuộc tranh đấu Phật giáo chống chính quyền ông Diệm vào mùa Phật Đản năm 1963.»

(Thích Đức Nghiệp, “Đạo Phật Việt Nam”, Thành hội Phật Giáo TP Hồ Chí Minh, 1995, tr. 192.)

Đây là một sự bịa đặt quá trắng trợn! Hàng năm Giáo Hội Công Giáo Việt Nam đều làm **lễ «khánh thành»** nhà thờ Đức Mẹ La Vang? Chẳng ai tin được chuyện này.

Đền thờ Đức Mẹ La Vang do Linh Mục René Toussaint Morineau khởi xây từ năm 1924 **và khánh thành ngày 22-8-1928**. Năm 1901, Đức Giám mục Gaspar Lộc quyết định tổ chức 3 ngày lễ thánh hiến Đền Thánh La Vang và cuộc cung nghinh tượng Đức Mẹ La Vang từ 6 đến 8-8-1901. Giáo dân giáo phận Huế thuộc ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên đã tham dự rất đông đảo. Từ đó, **Đại Hội Thánh Mẫu La Vang được tổ chức 3 năm một lần vào giữa tháng 8**, tức vào dịp lễ Đức Mẹ Lên Trời vào ngày 15 tháng 8. **Lễ này không hề trùng với lễ Phật Đản như Thích Đức Nghiệp đã nói, vì trước 1963 lễ Phật Đản được tổ chức vào ngày 4 tháng tư âm lịch, sau đó đổi lại ngày 15 tháng 4, tức trước Đại Hội Thánh Mẫu La Vang khoảng 2 tháng.**

Đại Hội LangVang lần thứ 14 được tổ chức năm 1958, lần thứ 15 năm 1961 và lần thứ 16 năm 1964. **Năm 1963 không có Đại Hội La Vang và cũng không có chuyện «ông Diệm, ông Nhu, ông Cán, Giám Mục Ngô Đình Thục cùng đi dự lễ» ở La Vang năm này.**

Do lời thỉnh cầu của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, ngày 22-8-1960 Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII đã long trọng ban sắc chỉ nâng đền thờ La Vang lên bậc Vương Cung Thánh Đường dâng kính Đức Mẹ La Vang. HĐGMVN họp tại Huế ngày 13-4-1961 đã quyết định chọn đền thờ Đức Mẹ Lavang làm “**Đền Thờ toàn quốc dâng kính Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Đức Mẹ**”, và nhận linh địa Lavang làm “**Trung Tâm Thánh Mẫu Toàn Quốc**”. Do đó, Đại Hội Thánh Mẫu La Vang năm 1961 được tổ chức rất trọng thể, có 10 vị Giám mục, 300 Linh mục, gần 1000 tu sĩ nam nữ và khoảng 300,000 giáo dân đến dự. Nhân dịp này, **hai**

phái đoàn cao cấp của chính phủ VNCH cũng có mặt, một do Tổng Thống Ngô Đình Diệm dẫn đầu đến La Vang ngày 16-8-1961 và một do Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ đến ngày La Vang ngày 21. Tướng Perakiraly của Hungari cũng tham dự.

Hòa Thượng Đức Nghiệp đã **lấy biên cố 1961 ghép vào năm 1963** và coi đó là nguyên nhân đưa tới **biên cố tới 8-5-1963 tại đài phát thanh Huế**. Vọng ngữ như thế, thật khó tưởng tượng nổi!

Một người đầu tiên sĩ triết học ở Đại Học Yale, Hoa Kỳ, không thể viết một sự kiện lịch sử sai lầm nghiêm trọng như vậy. Nhưng ông đã bịa đặt ra những chuyện nói trên với hai mục tiêu: Mục tiêu thứ nhất là kích động lòng hận thù Thiên Chúa Giáo làm động lực đấu tranh, và mục tiêu thứ hai là biện minh cho những sai lầm của Giáo Hội Ân Quang, vì những tham vọng chính trị hão huyền, **đã bị Mỹ rồi Cộng Sản biến thành công cụ, xài xong rồi đập bể ra từng mảnh!**

Trong bài “*Buddhism and Politics*”, Hòa Thượng Sri Dhammananda có nhận định như sau:

“Khi tôn giáo bị sử dụng để thỏa mãn các ý đồ chính trị thì tôn giáo sẽ phải hy sinh các lý tưởng đạo đức cao quý của mình và trở nên bị hạ thấp giá trị do những nhu cầu chính trị trần tục.”

(When religion is used to pander to political whims, it has to forego its high moral ideals and become debased by worldly political demands.)

(Trích: “Lòng Hận Thù Thiên Chúa Giáo” của Lữ Giang)

CHUYỆN KỂ PHẢN BỘI.

1.- Làm tay sai cho CIA gây thảm họa họa cho đất nước.

a) Sự thật đã rõ ràng

Trong cuộc phỏng vấn được phổ biến trên đài BBC ngày 31-10-2009, Hồ Quang Phương, nạn nhân của tệ trạng bạo hành của Cảnh Sát Mỹ ở San José, đã phát biểu như sau:

“Khi vụ đó xảy ra mà không có băng video, không có gì chứng minh là mình đúng, có thể bị xử có tội. Bây giờ có băng video rồi, công lý đứng về phía mình.”

Trong vụ đảo chánh và giết ông Diệm cũng vậy.

Trong một cuốn băng dài 30 tiếng đồng hồ do thư viện Johnson Library ở Austin, Texas, công bố ngày 28-2-2003, cho biết vào ngày 1-2-1966, Tổng Thống Lyndon B. Johnson đã nói chuyện bằng điện thoại với Thượng Nghị Sĩ Eugene McCarthy như sau:

Johnson:

- ... Nhưng ngài nhớ, lúc đầu họ nói với tôi về ông Diệm.

MacCarthy:

- Có chứ.

Johnson:

- (*Rằng*) ông ta tham nhũng và ông ta phải bị giết. Vì thế, chúng ta đã giết ông ta. Tất cả chúng ta đã họp lại với nhau **VÀ XỬ DỤNG MỘT BỌN ÁC ÔN CÔN ĐỒ ĐÁNG NGUYỄN RỬA** để hạ sát ông ta. Bây giờ, chúng ta thật sự không có sự ổn định chính trị (*ở Miền Nam Việt Nam*) từ lúc đó.”

Khi cuốn băng này chưa được công bố, một số viên chức Mỹ có trách nhiệm và một số sử gia cố gắng cãi chày cãi cối để kết luận rằng vụ đảo chánh năm 1963 là do một nhóm sĩ quan VNCH thực hiện, người Mỹ không hề nhúng tay vào. Còn các Tướng Tá Việt Nam làm đảo chánh tự tôn là “*nhà cách mạng*” và ngày 1-11-1963 được biến thành *Ngày Quốc Khánh*. Nhưng khi cuốn băng nói trên được công bố, lịch sử đã được làm sáng tỏ.

b) Tên chi đạo hồng hách

Trưa ngày đảo chánh 1-11-1963, Lucien Conein, người được nói là có nhiệm vụ theo dõi cuộc đảo chánh nhưng thật sự là người chỉ đạo cuộc đảo chánh, đã đến Bộ Tổng Tham Mưu VNCH mang theo một cái túi đựng 3 triệu đồng Việt Nam (*42,000 USD*) mà ông đã rút ra trước từ ngân khoản của Trạm CIA. Ngoài số tiền này, Lucien Conein còn mang một khẩu súng lục, một cái radio đặc biệt để thông báo tin tức về cuộc đảo chánh cho Trạm CIA và các viên chức CIA khác nằm trong mạng lưới của ông ta.

Lucien Conein đã tự ý leo lên ngôi ở ghé bàn của Đại Tướng Lê Văn Ty, Tổng Tham Mưu Trưởng VNCH, gác chân lên bàn, bên cạnh là khẩu Magnum 44, dưới chân bàn là hai xách tay bạc Việt Nam...

(Hoàng Lạc và Hà Mai Việt, “Việt Nam năm 1954 – 1975, những sự thật chưa hề nhắc tới”, tr. 247).

Tướng Trần Văn Đôn cho biết, khi hay tin ông Diệm và ông Nhu đã rời khỏi dinh Gia Long, Lucien Conein đã nói một cách hồng hách:

- **Hai ông ấy đi đâu? Phải bắt lại cho kỳ được vì rất quan trọng.**

Ông ta nói bằng tiếng Pháp:

- **On ne fait pas d'omelette sans casser les oeufs.”**

(Người ta không thể làm món trứng rán mà không đập bể những cái trứng).

(Trần Văn Đôn, Việt Nam nhân chứng, tr. 228)

Tên “thủ trưởng” này quả thật quá hồng hách!

c) Phản bội tổ quốc

Nhà cầm quyền Mỹ ra lệnh lật đổ và giết Tổng Thống Ngô Đình Diệm để có thể đổ quân vào miền

Nam. Họ hành động như vậy vì quyền lợi của nước Mỹ. Còn nhóm sĩ quan VNCH nhận chỉ thị và tiền của Mỹ làm đảo chánh lật đổ và giết Tổng Thống Ngô Đình Diệm, đưa VNCH vào những ngày đen tối và sau đó làm mất miền Nam Việt Nam, họ chỉ là những tên lính đánh thuê không hơn không kém. Họ không hành động vì quyền lợi của tổ quốc.

Trong trường hợp này, tội của những kẻ làm lính đánh thuê chắc chắn nặng hơn tội của kẻ chủ mưu, vì họ đã phản bội tổ quốc.

2.- Hiệp định Paris: Bán đứng VNCH

Một số người cho rằng Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu là người có công khi buộc Hoa Kỳ và Việt Cộng phải thay đổi một số điều khoản có hại cho VNCH trong dự thảo hiệp định Paris. Nhưng nói như thế là hoàn toàn sai lầm.

Ngày 18-10-1972 Kissinger đã đến Sài Gòn để làm áp lực buộc Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu phải đồng ý nội dung bản dự thảo hiệp định Paris với hy vọng sẽ mang bản dự thảo đó ra Hà Nội ngày 24-10-1972 để Thủ Tướng Phạm Văn Đồng ký tắt vào. Nhưng Kissinger đã thất bại. Chỉ trong một thời gian ngắn, Bộ Ngoại Giao, Bộ Tư Pháp và Bộ Dân Vận - Chiêu Hồi đã phát hiện ra đến **23 điểm cần phải điều chỉnh. Kissinger chỉ đồng ý điều chỉnh 16 điểm không quan trọng mà thôi.** Số còn lại phải để nguyên, trong đó có điều khoản quan trọng nhất là **chỉ buộc Mỹ rút khỏi miền Nam chứ không buộc quân đội Bắc Việt.**

Chúng ta nhớ lại, khi Hội Nghị Genève 1954 sắp kết thúc, thừa lệnh của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm, ngày 19-7-1954 Ngoại Trưởng Trần Văn Đỗ tuyên bố tại Genève rằng chính phủ quốc gia Việt Nam không chấp nhận chia cắt Việt Nam và yêu cầu đặt Việt Nam dưới quyền kiểm soát của Liên Hiệp Quốc. Chính phủ Ngô Đình Diệm đã cương quyết không ký tên vào hiệp định này.

Ngày 21-7-1954 khi đại diện Pháp và Việt Minh ký hiệp định Genève chia cắt đất nước làm đôi, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm ra lệnh treo cờ rũ và đọc một bài diễn văn chống lại sự bất công của Hiệp Định này đã trao cả miền Bắc cho Cộng Sản và thêm 4 tỉnh miền Trung. Thủ Tướng nói: **“Chúng tôi không thể đặt vào vòng nô lệ hàng triệu đồng bào trung thành với chủ nghĩa quốc gia...”**

Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã không hành động như vậy. Ông thừa biết **Bắc Việt cố giữ lại điều khoản không rút quân trong hiệp định Paris là để khi Hoa Kỳ rút hết, họ sẽ mở cuộc tấn công trở lại, nhưng bị ám ảnh bởi cái chết của Tổng Thống Ngô Đình Diệm khi Mỹ muốn đem quân vào Việt Nam mà ông là**

một trong những thủ phạm, Tổng Thống Thiệu đã tự trấn an bằng những lời cam kết của Tổng Thống Nixon mà Tướng Haig mới chuyển đến, đã ra lệnh cho Ngoại Trưởng Trần Văn Lắm ký tên vào Hiệp Định Paris ngày 27-1-1973. Trong trường hợp này, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã đặt sinh mạng và địa vị của mình lên trên quyền lợi quốc gia. Đây là lỗi lầm trọng đại căn bản dẫn tới mất miền Nam.

CẦN LÀM SÁNG TỎ LỊCH SỬ

Trong thời chính phủ Ngô Đình Diệm, tôi còn là sinh viên nên không dính líu gì đến chế độ này, nhưng ít ra tôi cũng được chứng kiến tận mắt nhiều biến cố đã xảy ra. Tôi cảm thấy kinh hoàng khi khảo cứu hồ sơ vụ án Ngô Đình Cần và vụ án Đặng Sỹ. Sau này tôi cảm nhận rằng lời nguyên rủa của Tổng Thống Johnson dành cho những kẻ tay sai của CIA không có gì quá đáng.

Khi ra hải ngoại, tôi lại cảm thấy kinh hoàng hơn khi đọc các cuốn phịa sử không phải chỉ của Đỗ Mậu hay Lê Trọng Văn mà cả của Thiên Sư Nhất Hạnh! Tôi không thể ngờ được người ta đã cố tình viết lịch sử một cách bô lão bô lậu như vậy.

Tôi bắt đầu đọc lại bản phúc trình của phái đoàn điều tra Liên Hiệp Quốc về vụ Phật Giáo, các tài liệu chính thức được giải mật trong các bộ Foreign Relations of the United States liên quan đến vấn đề Việt Nam của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ công bố, v.v., tôi quyết định phải đem lại sự thật cho lịch sử. Bài **“Kẻ phản bội”** cũng nằm trong loạt bài đó.

(Trích: **“Chuyện Kẻ Phản Bội”** của Lữ Giang)

Sau cuộc cách mạng Bolshevik ngày 17 tháng Mười năm 1917 tại Nga thành công, đưa Cộng Sản lên nắm chính quyền; ông Vladimir Lenin gọi bọn người chạy theo liếm gót Cộng Sản để tăng bóc là “polezniye duraki”, tiếng Anh gọi là “useful idiots” (những thứ người ngu xuẩn nhưng có ích cho Cộng Sản).

Tại Việt Nam bọn “polezniye duraki” quả thực chỉ mong được ngoại bang hay Cộng Sản ban cho “bơ thừa, canh cặn”, vì thế bọn chúng quay ra tiếp tay chống đối và đập đổ tất cả những cái tử tế, tốt đẹp của xã hội đang cu rư mang và thi ân cho chúng. Tưởng rằng, bọn “useful idiots” này sẽ tỉnh ngộ sau khi cái mặt nạ Cộng Sản thực sự rơi xuống, nhất là bọn tài phiệt buôn bán chiến tranh trên xương máu người Việt, họ dùng bọn người này như: cây mã tấu, khẩu Rouleau, khẩu Thompson, khẩu Aka, v.v. được tẩm thuốc độc dưới lớp áo màu vàng hay màu nâu, rồi khi xong việc, bọn chúng liền bị bọn tài phiệt buôn bán chiến tranh quăng vào đồng rác, thì bọn chúng phải tỉnh ngộ

chứ! Ai ngờ bọn ngu xuẩn này vẫn tiếp tục u muội mãi. Thế rồi, những tên ngu xuẩn đó từ từ chết dần, người ta hy vọng bọn đàn em của bọn chúng sẽ tỉnh ngộ tránh được những vết xe đổ vỡ trước đây. Nhưng than ôi! Vậy bọn người này là loại người ăn cái gì nhỉ?

Thế rồi đã nửa thế kỷ năm trôi qua, và nhất là giáo lý của nhà Phật mà Đức Thế Tôn luôn dạy các Phật tử và chúng sanh: từ bi, hỷ xả, để đạt đến chân, thiện, mỹ. Đức Phật thường khuyên bảo đệ tử của ngài rằng: **“Hận thù không nên giữ trong đầu quá một đêm”**. Phật cũng dạy **“Lấy ân báo oán, oán tiêu tan, lấy thù báo oán, oán chập chồng như núi Thái Sơn... không đời kiếp nào hết...”**

Thế mà không hiểu vì sao, vào tháng Sáu năm 2013, tại chùa Bảo Quang, Nam California, Đại Lão Hòa Thượng Tâm Châu, Thượng Chủ GHPGVN trên toàn thế giới khơi lại chuyện Hòa Thượng Quảng Đức “tự!” thiêu sáng ngày 11-06-1963 tại ngã ba đường Lê Văn Duyệt và Phan Đình Phùng, Sài Gòn. Trong khi nói chuyện cụ nhân mạnh năm nay (2013) cụ đã 93 tuổi, ý cụ lấy danh dự của một người đạo cao chức trọng, lại rất cao tuổi ra để thế không nói láo, hơn nữa lúc đó cụ là Chủ Tịch Ủy Ban Liên Phái của Phật giáo tranh đấu chấp thuận đơn của Hòa Thượng Quảng Đức được tự thiêu trong số bảy đơn tất cả.

Khi nghe đến đây, chúng tôi sực nhớ lại, trên đời này tàn ác, lừa phỉnh, gian dối chỉ bằng Cộng Sản là cùng. Thế mà khi điệp viên tình báo Đặng Chí Bình và phi công John Macain đang tự tử trong lao tù Cộng Sản, nhưng bọn công an phát hiện kịp, chúng vẫn ngăn chặn và cứu sống hai người này. Lại còn khuyên nhủ nữa. Thế mà những kẻ mang danh là con Phật lại tổ chức giết người.

Nhưng muốn tìm hiểu thật chính xác về việc Hòa Thượng Quảng Đức tự thiêu hay bị thiêu, xin quý độc giả vào: Google, rồi đánh máy vào đó như sau: **“*thượng tọa thích quảng đức tự thiêu? hay bị cộng sản thiêu sống?*”** sẽ thấy rõ, không thể chối cãi được.

Nhắc đến Ủy Ban Liên Phái của Phật giáo tranh đấu năm 1963, theo như chúng tôi được biết, khi bản Thông Cáo Chung giữa Ủy Ban Liên Phái của Phật giáo và Ủy Ban Liên Bộ của Chính Phủ VNCH, về phía Phật giáo đã ký và đã được Đại Lão Hòa Thượng Thích Thiện Khiết ký KHẨN, thì bản Thông Cáo Chung được trao cho ông Ngô Đình Nhu. Ông Ngô Đình Nhu đưa cho bà Nhu đọc để thêm ý kiến, bà Nhu lấy làm lạ rồi phì cười vì những đòi hỏi của Phật giáo chưa bao giờ bị cấm. Bà đề nghị ký nhưng ghi tay thêm mấy chữ là “những đòi hỏi trong đây chưa bao giờ bị cấm”. Ông cố vấn Ngô Đình Nhu đem bản

Thông Cáo Chung đến buổi họp của Ủy Ban Liên Bộ sau đó và nói lại ý của bà Nhu, ngoại trưởng Phật giáo Vũ Văn Mẫu yên lặng không nói gì, nhưng Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ phát biểu: “Họ uống trà sâm còn mình uống trà thường khiến mình là thằng ngu”. Vì câu nói này mà ông Mẫu cạo đầu từ chức Ngoại Trưởng. (Trích: “Hồi Ký của Bà Ngô Đình Nhu, tr. 188). Tưởng xin được bổ túc thêm, bà Nhu còn nhắc chồng rằng: “Anh trình Tổng Thống phê bên lề: “Chấp thuận” rồi ký tắt ngay đó. Chứ đừng ký KHẨN như cụ Tịnh Khiết. Vì Tổng thống là Quốc Trưởng, không thể ngang hàng với đại diện một tổ chức được. Vì như Tổng Thống đã nói: “Tôn giáo nằm trong quốc gia, chứ quốc gia không nằm trong tôn giáo”....

Trở lại “Thông bạch” của cụ Tâm Châu gửi đồng bào Phật tử. Cụ Tâm Châu nhắc đi nhắc lại nhiều lần: “Mục đích của việc tự thiêu của Hòa Thượng Quảng Đức nhằm thức tỉnh nhân tâm Tổng Thống Ngô Đình Diệm, chứ không thù oán gì chế độ.” Còn các vị Hòa Thượng, Thượng Tọa khác như: Quảng Độ, Trí Quang, Đôn Hậu, v.v. nhằm cứu nguy Phật giáo và dân tộc.

Nay, Phật giáo và dân tộc Việt Nam đang quần quai trong nanh vuốt của Việt Cộng, nhất bọn Cộng Sản Việt Nam vô thần, vô tổ quốc đang dâng hiến cả nước Việt Nam thân yêu của chúng ta cho Trung Cộng, bằng chứng cụ thể là cái HỘI NGHỊ THÀNH ĐỒ ngày 03-09-1990 đã được phơi bày. Thế mà các cụ như: Tâm Châu, Trí Quang, Quảng Độ, v.v. chẳng thấy “Cụ” nào dám tự thiêu để cứu nguy Phật giáo và cứu nguy dân tộc cả, mặc dầu tuổi của các cụ là tuổi gần đất xa trời rồi. Riêng cụ Quảng Độ kêu gọi “biểu tình tại gia”, khác nào “trùm mền la xung phong”.

Sở dĩ chúng tôi không dám đặt chữ “Thích” trước tên Tâm Châu, Quảng Độ, Trí Quang, Đôn Hậu, Đức Nghiệp, v.v. vì chúng tôi không dám vô lễ xúc phạm đến Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni...

Đang khi theo dõi đoạn video clip cụ Tâm Châu “thanh minh thanh nga” tại chùa Bảo Quan, chúng tôi lắc đầu, sững sốt và nhớ lại câu giáo huấn sau đây: “Ngu dốt lớn nhất của đời người là dối trá”. Còn nói theo kiểu “Đại Phạ Sĩ Gia” ở Canada thì: “Đồng cứt đã khô mặt, nay lại bới ra cho thối thêm gấp bội” (Đúng là “Gậy ông đập lưng ông”). Nhưng có lẽ cuộc nói chuyện của cụ Tâm Châu tại chùa Bảo Quang lót đường cho kế hoạch “NGHỊ QUYẾT 36 TÔN GIÁO VẠN” của Cộng Sản. Vì chỉ có bọn Ma Tăng mới lưu thù chuốc oán trên 50 năm qua dưới hai chữ “PHÁP NẠN”, mà Bọn Ma Tăng đã được đào tạo dưới mái trường công an của chế độ CSVN mỗi năm huấn luyện hoàn thành khoảng 2000 tân công an đầu tọc tung ra

từ quốc nội tới hải ngoại để hoạt động, đó là điều có thật.”

(Trích: “NGHỊ QUYẾT 36 TÔN GIÁO VẬN” của Võ Long Triều)

Để tìm hiểu thêm về kế hoạch này, xin quý vị đọc những lá thư sau đây của Thiếu tá Liên Thành:

CHIẾC MẶT NẠ CỦA CỘNG TĂNG THUỘC PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT ĐÃ BỊ RÓT SAU NỬA THẾ KỶ DỐI GẠT ĐỒNG BÀO
Liên Thành

Orange County, CA ngày 16/10/2014

Kính gửi: Đồng bào tại quốc nội và hải ngoại

Thưa đồng bào,

Trước tình hình đất nước sắp mất vào tay Tàu cộng, thì đã có một biểu tượng của lòng yêu nước và tinh thần bất khuất ngày càng lan rộng trong giới trẻ quốc nội và hải ngoại. Biểu tượng ấy không ai khác hơn là Tổng Thống VNCH Ngô Đình Diệm. Từ Facebook cho đến blog đã chứng minh rằng người Việt Nam đang rất ngưỡng mộ và noi gương tiết tụy, vị quốc vong thân của vị Tổng Thống Đệ I VNCH. Từ đây gọi chung là Tinh thần TT VNCH Ngô Đình Diệm.

An ninh tình báo của CSVN nhận thức rõ hiện tượng đặc biệt này. Vì vậy hiện nay, CSVN đã nghiên cứu và quyết định dùng hình tượng Thích Quảng Đức như là một vũ khí chiến lược làm biểu tượng để chống lại Tinh thần TT VNCH Ngô Đình Diệm. Bọn CSVN quốc nội và hải ngoại hằng năm làm lễ truy điệu vụ Thích Quảng Đức bị dàn dựng thiêu sống, tuyên truyền cái gọi là “cuộc vận động Phật giáo năm 1963” của đám Cộng tăng, và khai thác cuộc phản loạn năm 1963.

Đã hơn 50 năm trôi qua, từ ngày tổ chức Phật giáo Việt Nam Thống Nhất (PGVNTN) dùng danh nghĩa Phật giáo đã phá nát miền nam Việt Nam từ vụ phản loạn ngày 1/11/1963 đập đổ nền Đệ I VNCH, sát hại Tổng Thống Đệ I VNCH Ngô Đình Diệm, sự phối hợp giữa CSVN và đám điệp viên tôn giáo cộng sản nằm vùng (Cộng tăng) đến nay vẫn còn ngoan cố như vậy. CSVN vừa quyết định bỏ ra 150 tỷ đồng VN tức tương đương 7 triệu Dollars cho công trình Việt Nam Quốc

Tự đề đánh bóng vũ khí chiến lược Thích Quảng Đức và công khai công nhận sự thành lập của đám Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất với công tác giải trừ VNCH năm 1963. (Sự thành lập của Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất là một đề án đã được tên Hồ Chí Minh chấp thuận cho Thích Trí Quang thực hiện mà tôi đã chứng minh trong sách Thích Trí Quang, Thần Tượng hay Tội Đồ Dân Tộc.)

Trong đó đại diện là 5 tên điệp viên tôn giáo cộng sản nằm vùng đứng đầu là Cộng tăng:

1.- Thích Trí Quang: Đảng viên cộng sản, Tỉnh báo viên của Cục tình báo chiến lược Hà Nội, cũng là mật báo viên cơ quan tình báo Hoa kỳ.

2.- Thích Đôn Hậu: Chánh Đại Diện Phật Giáo Ấn Quang Miền Vạn Hạnh, Tỉnh báo viên của Cục tình báo chiến lược, thoát ly ra Hà nội vào năm Mậu Thân 1968.

3.- Thích Quảng Độ: Tăng Thống PGVNTN hiện tại, Cán bộ Tình báo chiến lược của Tổng Cục Tình báo Bắc Việt, qua ngõ Ấn Độ xâm nhập bất hợp pháp vào miền Nam VN vào năm 1958.

4.- Thích Thiện Siêu: Trụ trì chùa Từ Đàm, 40 năm tuổi đảng, Dân biểu cộng sản 4 nhiệm kỳ (sau 1975).

5.- Thích Minh Châu: 43 năm tuổi đảng, Cán bộ tôn giáo vận của cục Tình báo chiến lược Hà Nội. Từ chùa Quán Sứ Hà Nội qua Ấn Độ, vào miền nam chính thức bằng Visa do Thủ Tướng VNCH thời đó là Thủ Tướng Nguyễn Khánh cấp năm 1964 (Cộng tăng Thích Trí Quang và tổ chức PGVNTN của y đã áp lực Tướng Khánh).

Thích Minh Châu giữ chức vụ Viện Trưởng viện Đại Học Vạn Hạnh từ đó đến 30/4/1975, sau 1975 giữ chức vụ dân biểu của cộng sản Việt Nam 2 nhiệm kỳ.

Sau 1/11/1963, chỉ trong vòng 2 năm từ tháng 1/1964 đến cuối tháng 6/1966, bọn chúng đã thực hiện 153 cuộc biểu tình bạo động phá rối an ninh trật tự khắp toàn các đô thị lớn, nhỏ, tại miền nam Việt Nam không ngoài mục đích tạo cơ hội thuận tiện cho cộng sản Bắc Việt xâm chiếm miền nam Việt Nam.

Trong khoảng thời gian này phải nói đến cuộc phản loạn của bọn chúng tại miền Trung do tên Cộng tăng Thích Trí Quang cầm đầu mưu toan chiếm giữ 6 tỉnh miền Trung (Quảng trị, Thừa Thiên-Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Tín, Quảng Ngãi) để dâng cho cộng sản Bắc Việt.

Kể đến là Tết Mậu Thân 1968 bọn chúng cho ra đời Lực Lượng Liên Minh Dân Chủ Dân Tộc Hòa Bình với tên Việt gian Lê Văn Hảo làm Chủ Tịch và tên Thích Đôn Hậu Chánh Đại Diện PGVNTN miền Vạn Hạnh làm phó Chủ Tịch. Chúng phối hợp với quân du kích và bọn Việt Cộng nằm vùng, dùng chùa Từ Đàm làm Bộ Chỉ huy An ninh và trung tâm thanh lọc đã chôn sống 5327 thường dân vô tội và bắt đi mất tích 1200 người.

Và cuối cùng ngày 30/4/1975 cũng chính bọn này cùng với 500 sư sãi của PGVNTN kéo nhau ra tận ven đô Sài Gòn đón quân Cộng sản vào Thủ Đô Sài Gòn của VNCH.

Qua bao đau thương tang tóc của đồng bào, bao nhiêu khổ nạn của dân tộc, bao nhiêu điều linh của tổ quốc do bọn này gây ra, vậy mà khi nào bọn chúng cũng vỗ ngực nói rằng bọn chúng vì Quốc nạn và Pháp nạn mà phải tranh đấu phải hy sinh, phải tự thiêu như Thích Quảng Đức, phải tuyệt thực 90 ngày không chết như Thích Trí Quang, **phải thực hiện 153 cuộc biểu tình bạo động khắp toàn lãnh thổ VNCH.**

Sau 30/4/1975, tên điệp viên tôn giáo cộng sản Thích Quảng Độ lại đóng vai trò đối lập cuội với cộng sản trong chức vụ Tăng Thống của PGVNTN tuyên bố: **“Đang trực diện đối đầu với cộng sản để giải trừ Quốc nạn và Pháp nạn”**, kêu gọi đồng bào Phật tử hải ngoại đóng góp cả hằng chục triệu dollar cho y và tổ chức PGVNTN, đồng thời kêu gọi đồng bào trong nước chống cộng sản bằng cách: **“Biểu Tình tại Gia”**.

Cũng sau ngày 30/4/1975 tại Hải Ngoại thì tên Việt Gian Võ Văn Ái, đấm Cộng tăng, dấm tăng, thô phi tăng PGVNTN như Thích Viên Lý, Thích Viên Huy, Thích Giác Đăng, cũng hô hào đồng bào Phật Tử Hải Ngoại đóng góp tiền bạc cho công cuộc trực diện đối đầu với Cộng sản để giải trừ Quốc nạn và Pháp nạn của tên cộng sản Thích Quảng Độ Tăng Thống PGVNTN.

Và gần 1 năm trước đây, 12/2013, thì PGVNTN chia làm hai tiếp tục con đường lường gạt tiền bạc của tín đồ và dùng Phật giáo tạo lập nhiều cơ sở nằm vùng để mưu toan cầm nắm cộng đồng Hải Ngoại:

MMột bên là Võ Văn Ái, Thích Giác Đăng, Thích Quảng Độ vẫn giữ danh xưng là Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, một bên là Thích Viên Lý chùa Điều Ngự với danh xưng là Tăng Đoàn Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Cả hai phe hiện đang tranh nhau xây chùa to, hốt tiền bá tánh, Phật tử.

Đến nay, 10/2014, thì chiếc mặt nạ đạo pháp dân tộc của bọn CSVN và tổ chức Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã bị rớt. Như trên đã nói, vũ khí chiến lược Thích Quảng Đức và vụ phản loạn 1963 đang được CSVN đem ra. Thành Ủy cộng sản tại Sài Gòn qua thông cáo chính thức vào ngày 12 tháng 10 năm 2014 rằng:

Ngày 12/10 bọn CSVN đã tổ chức lễ đặt đá khởi công xây dựng Việt Nam Quốc Tự, Quận 10 trước sự chứng kiến của đông đảo lãnh đạo chớp bu CS tại Sài Gòn. Việt Nam Quốc Tự được thiết kế và xây dựng lại trên quy mô rộng 10000m2, trong đó có hơn 7200m2 vừa được Ủy ban nhân dân CS tại Sài Gòn cấp cho. Công trình Việt Nam Quốc Tự dự kiến sẽ ngốn 7 triệu Đô-la, hoàn thành trong 2 năm tới.

Bọn CSVN mang hy vọng ngôi Việt Nam Quốc Tự cao 13 tầng sẽ trở thành biểu tượng cho tinh thần phụng sự và thống nhất của “13 tổ chức, hội đoàn, tông phái tham gia thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất và cuộc vận động Phật giáo năm 1963.”

Nơi đây sẽ tôn thờ trái tim của Thích Quảng Đức, đồng thời sẽ xây dựng nhà trưng bày về “cuộc tranh đấu của Phật giáo...” khi đang lâm vào hoàn cảnh **“pháp nạn năm 1963.”**

<http://www.vietnamplus.vn/khoi-cong-xay-dung-viet-nam-quoc-tu-moi-tai-thanh-pho-ho-chi-minh/285820.vnp>

Thích Quảng Độ, Võ Văn Ái, Thích Viên Lý, Thích Giác Đăng của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, trong 2 năm liên tiếp 2013 và 2014, đã đồng hành cùng Cộng sản trong việc dùng Thích Quảng Đức để đấu tố VNCH và Cổ TT Đệ I VNCH Ngô Đình Diệm tại chùa Pháp Luân, Texas, và chùa Điều Ngự, Nam Cali, và trên các phương tiện truyền thông như đài truyền hình IBC của chùa Điều Ngự và đài Radio Quê Mẹ của Võ Văn Ái. Hãy giải thích với đồng bào trong và ngoài nước về hành động bán nước hại dân của các ông trong một cuộc tranh luận với tôi tại bất cứ nơi đâu và thời gian nào, ngoại trừ Việt Nam, dưới sự chứng kiến của đồng bào và giới truyền thông.

Rất mong các ông nhận lời mời của tôi.

California, USA ngày 16 tháng 10 năm 2014

Liên Thành

Chủ tịch Ủy ban Truy Tố Tội Ác Đảng Cộng Sản Việt Nam

P.O. Box 6147, Fullerton, CA 92834

Điện thoại: 626-257-1057

Email: ubtttadcsvn.vg@gmail.com

Đồng thời xin quý vị đọc tiếp hai bài dưới đây về những trò ma thuật đã diễn ra trước đây:

THƯ THIÊU TÁ LIÊN THÀNH GỬI ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG TÂM CHÂU

Orange County, California, ngày 13 tháng 7 năm 2013

“Thưa Hòa Thượng,

Từ bao nhiêu năm nay cho đến trước cuối tháng 6-2013 Hòa thượng nói chuyện tại chùa Bảo Quang Nam Cali, và trước ngày 4-7-2013 Ký giả Đoàn Trọng phỏng vấn Hòa Thượng trên đài truyền hình channel 57.7 thì cá nhân tôi vẫn một lòng tôn kính Hòa thượng. Nhất là khi Hòa thượng ra cuốn Bạch Thư tố cáo Ác Tăng Thích Trí Quang và Phật Giáo thuộc nhóm Ấn Quang là cộng sản, mặc dầu trước đó trong thời gian cuộc nổi loạn 1963 Hòa Thượng cũng đã sát cánh với Thích Trí Quang và nhóm cộng sản Ấn Quang như Hòa thượng đã tuyên bố trong cuốn Bạch Thư ngày 31-12-1993 tại hải ngoại.

(Trích - Viện Hóa Đạo Ấn Quang cử các vị ra nước ngoài liên lạc với các nhóm phản chiến, yêu cầu Mỹ rút quân, phản đối chính sách chống Cộng của VNCH, đòi hòa bình. Viện Hóa Đạo Ấn Quang cử Thượng Tọa Nhất Hạnh làm Trưởng Phái Đoàn Hòa Bình bên cạnh Hòa Đàm Paris.)

“trích - Thực sự, cuộc tranh đấu từ tháng 6-1966, cho đến nay chia đôi Giáo Hội, đều do bàn tay CS đạo diễn, làm hại cho Phật Giáo và quốc gia VN không nhỏ. Vì vậy, Phật Giáo không phải là không có trách nhiệm, liên đới đến sự để mất VNCH cho CS.

Vấn đề này, chính Hòa Thượng Thích Huyền Quang cũng thường nhắc đi nhắc lại: “CS từng tuyên bố: **“Phật Giáo Ấn Quang hai lần có công với Cách Mạng”**. - ngưng trích Bạch Thư Thích Tâm Châu

Nhưng nay, sau khi nghe Hòa thượng tuyên bố nguyên nhân của vụ tranh đấu Phật Giáo vào năm 1963 và vụ ông Lâm văn Túc/Thích Quảng Đức tự thiêu, thì tôi xin thưa cùng Hòa Thượng cảm nghĩ của tôi đối với Hòa Thượng như sau:

Tôi hoàn toàn thất vọng và khinh bỉ tư cách của Hòa thượng, một kẻ tuổi đời đã 93 tuổi mà có thể ăn nói hồ đồ, vu khống, trở trái làm mặt một cách không ngượng ngùng, và không biết xấu hổ là gì.

Trong buổi nói chuyện tại chùa Bảo Quang và buổi phỏng vấn của ký giả Đoàn Trọng trên đài truyền hình channel 57.7 ngày 4/7/2013 Hòa thượng đã nói một số vấn đề tôi xin nêu ra dưới đây để mọi người cùng thấy sự láo lờng và tư cách hèn hạ của Hòa Thượng:

1. - Hòa thượng nói rằng: ‘*Vô tình hay là cố ý đã có một cái thông điệp là cắm treo cờ Phật giáo trong mùa Phật Đản.*’

Xin hỏi Hòa thượng đã đọc được văn thư của Tổng Thống hay Chính Phủ Đệ I Cộng Hòa cắm treo cờ Phật giáo ở đâu, khi nào, ai đưa cho Hòa thượng đọc. Hòa thượng có dám thề trước tượng Phật là có văn thư này và chính Hòa thượng đã đọc được hay không?

Lịch sử đã chứng minh và Ủy ban Điều tra của Liên Hiệp Quốc cũng đã chứng minh rằng không có vấn đề kỳ thị tôn giáo, có nghĩa rằng hoàn toàn không có văn thư nào của Tổng Thống hoặc của chính phủ cắm treo cờ Phật Giáo mà chỉ có văn thư nhắc lại thể thức treo cờ tôn giáo phải nhỏ hơn cờ quốc gia mà thôi.

2)- Hòa thượng nói, mục đích chính của cuộc tranh đấu 1963 vì câu cho được “*Bình đẳng Tôn giáo*” thôi.

Xin thưa cùng Hòa thượng rằng, những gì mà cộng sản và nhóm Phật Giáo Tranh Đấu 1963 vẫn thường làm là sử dụng Dự số 10 để gán ghép cho chính phủ Đệ I Cộng Hòa tội bất bình đẳng với Phật giáo. Cũng vì Dự số 10 này mà ông Thích Quảng Độ vào năm 2011 đã phạm vào tội vọng ngữ thậm xưng không thể tha thứ khi phát biểu rằng: “*Dưới thời ngoại thuộc, Phật giáo đã hoàn tất công cuộc Chấn hưng khởi từ những năm 20 thế kỷ trước, bằng cuộc Xuống Đường không tiền khoáng hậu năm 1963, thế kỷ XX, để chấm dứt thời kỳ ngoại thuộc biến một tôn giáo dân tộc thành hội đoàn tư hữu, biến đạo lý truyền thống thành ý lực ngoại bang*”

(Nguồn: <http://youtu.be/R0x0UObz0jA> hay http://www.que.me.net/vie/docs_detail.php?numb=1713).

Có lẽ các ông chỉ biết “tranh đấu” mà không đọc nên chẳng biết nội dung của Đạo Dự nói gì và Đạo Dự này có từ bao giờ, do ai, và mục đích của Đạo Dự này là gì. Xin thưa:

Dự số 10 là của Vua Bảo Đại ban hành vào ngày 6/8/1950. Ông Bộ Trưởng bộ Nội Vụ của chính phủ Đệ I Việt Nam Cộng Hòa Bùi văn Lương đã giải thích như sau: Theo Hiến Pháp VNCH, sự tu chính luật phải do Quốc Hội đưa ra. Tóm lại việc tu chính một Dự phải có hai điều kiện:

1- Xét thấy rằng có nhu cầu phải tu chính. 2- Phải có nhu cầu xuất phát từ dân chúng. Trong cả hai nhiệm

kỳ quốc hội mà đa số đều là Phật Tử đều không đưa ra yêu cầu tu chính Dự số 10, thế thì tại sao nhóm Phật Giáo Tranh Đấu lại đổ tội cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm? Đổ tội cho Tổng Thống một việc mà hiến pháp quy định không thuộc quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Thống, như vậy những kẻ đã đổ tội có mưu đồ gì, nhất là khi những kẻ đó lại khoác trên mình cái áo của Phật? Trong trường hợp này, rõ ràng Phật là vũ khí để nhóm Phật giáo Tranh Đấu đã dùng để đê ra tội cho bất cứ ai mà đám này muốn triệt hạ.

- *Xét về điểm số 1:* Cho đến khi có vụ Phật giáo giáo xảy ra, đã không có nhu cầu tu chính Dự số 10. Mặc dầu văn kiện kiểm soát các hội rất chặt chẽ và gắt gao, nhưng chính phủ VNCH không hề áp dụng những điều kiện đó, mà ngược lại lại rất rộng rãi cho tất cả các tôn giáo, đặc biệt là Phật giáo. Có một điều khoản trong Dự, ví dụ như điều kiện buộc phải đăng ký với Bộ Nội Vụ tên những thành viên của chùa, Ủy ban, hay Hội Phật Giáo, mà điều này ai cũng thấy là rất cần thiết để đối phó với cộng sản, thì chính phủ đều bỏ qua, đặc biệt ở các tỉnh. Theo ông Bộ Trưởng Nội Vụ Bùi Văn Lương thì trước 1960 và sau 1960 chính phủ đều không thi hành Dự số 10 đối với Phật giáo, ngay chính ông ta cũng không kiểm tra. Mãi đến năm 1963 khi xảy ra vụ Phật giáo thì ông Bộ Trưởng Bùi Văn Lương mới mở hồ sơ ra xem xét, mới thấy rằng đã từ lâu, 1954 đến 1963 chính phủ đã không hề áp dụng Dự Số 10.

- *Xét về điểm số 2:* Chính Phủ không hề và chưa bao giờ có yêu cầu, thư tín gì từ phía dân chúng đòi hỏi tu chính Dự số 10. Từ ngày 16/6/1963, sau khi thỏa hiệp với phái đoàn Phật Giáo, đích thân chính phủ đã đưa vấn đề Dự số 10 ra Quốc Hội và đã cử một ủy ban đặc biệt để nghiên cứu tu chính Dự số 10. Trong khi đó chính phủ cũng đã chính thức tuyên bố ngưng áp dụng Dự số 10, cho dù chính phủ đã không hề áp dụng từ lâu.

Trong ngày 26/10/1955 Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa Ngô Đình Diệm công bố Hiến Ước tạm thời có câu: “Luật lệ hiện hành vẫn tạm giữ nguyên”, Dự số 10 nằm trong số các luật lệ hiện hành nên đương nhiên là tạm giữ. Sau đảo chánh, ngày 4/11/1963, Trung Tướng Dương Văn Minh, Chủ Tịch Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng, khi tuyên bố Hiến Chương tạm thời số 1 cũng có câu “Các luật lệ hiện hành vẫn tạm duy trì”. Như vậy, ngay cả với chính quyền Dương Văn Minh thì Dự số 10 vẫn không hề bị hủy bỏ. Chính phủ của Trung Tướng Nguyễn Khánh, và sau này là chính phủ Đệ II Cộng Hòa vẫn tham chiếu Dự số 10 để làm những Nghị Định hay Sắc Luật để phê chuẩn bản Hiến

Chương Phật giáo sau này. Ngay cả cho đến ngày 30/4/1975, Dự số 10 vẫn không hề bị hủy bỏ.

Như đã biết thủ tục pháp lý để hủy bỏ một Dự không phải là dễ, và không thuộc quyền hạn và trách nhiệm của hành pháp. Thích Trí Quang đổ tội cho Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa Ngô Đình Diệm kỳ thị Phật giáo qua vấn đề Dự số 10 là hoàn toàn cả vú để lấp miệng em, tuyên truyền lườm gạt tìn đồ nhẹ dạ không hiểu biết gì về luật pháp và hiến pháp quốc gia.

3)- *Hòa Thượng nói rằng:*

Chùa Từ Đàm và các ngôi chùa tại Huế bị phong tỏa, bị cúp điện, nước, và không cho tiếp tế thực phẩm.

Thưa Hòa thượng, sự thật không phải như vậy, có lẽ Hòa thượng không có mặt ở Huế nên ông chẳng biết mô tê là gì. Nhà tôi ở sát cạnh chùa Từ Đàm và tôi đã chứng kiến hàng giờ hàng ngày cho đến khi lên đường đi lính. Sự việc là chỉ có một mình chùa Từ Đàm bị phong tỏa để không cho tín đồ Phật tử tập trung đông đảo tại chùa, chứ điện nước không bị cúp, các thầy và các đệ tử vẫn vô ra chùa không bị lực lượng an ninh cấm đoán, các đệ tử các thầy muốn ăn gì, mua gì thì có ai cấm đoán đâu.

4)- *Thích Quảng Đức tự thiêu:*

Theo Hòa thượng phát biểu thì chính Hòa thượng là người chấp thuận đơn xin tự thiêu của Thích Quảng Đức, cũng chính Hòa thượng là người đầu tiên hướng dẫn đoàn biểu tình và cũng là người đầu tiên hướng dẫn cuộc tự thiêu của ông Quảng Đức với lý do là để cứu nguy cho Phật giáo tại Huế. Thú thật với Hòa thượng tôi vừa nghe câu nói này từ miệng Hòa thượng nói ra tôi bỗng thấy buồn nôn và ói mửa. Thú thật khi đó tôi nhìn **mặt Hòa Thượng** trên mặt kênh truyền hình mà **tưởng như đang nhìn mặt của tên ác quỷ**, mặt của một tên sát nhân chứ không phải là mặt của Đại lão Hòa Thượng Thích Tâm Châu. Hành động chấp thuận và tổ chức cho đồng loại tự thiêu là hành động đáng ghê tởm và là hành động của tên sát nhân, chứ không phải là hành động của kẻ chân tu, Hòa thượng có biết không?

Ông Quảng Đức bị thiêu sống chỉ phục vụ cho mưu đồ của Cộng Sản Bắc Việt và chính phủ Mỹ. Bởi vì hơn ai hết Hòa thượng là Chủ tịch Ủy Ban Liên Phái đã hội họp với phái đoàn Liên Bộ của Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa về năm nguyện vọng của Ủy Ban Liên Phái. Hai bên đã giải quyết xong, ôn hòa trong tinh thần xây dựng, thượng tôn luật pháp. Và chính Hòa thượng cũng đã hai lần được diện kiến Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa Ngô Đình Diệm, và cũng chính Hòa thượng đã nói Hòa thượng rất kính nể Tổng Thống. Mọi việc rắc rối hai phái đoàn đã giải quyết

xong thì tại sao phải nướng sống Quảng Đức. Câu trả lời rất dễ hiểu là nếu mọi việc đã dần xếp xong, tình hình chính trị yên ổn thì lấy lý do gì để cho Việt Cộng và Chính phủ Hoa Kỳ lật đổ Tổng Thống Diệm được. Nướng sống Thích Quảng Đức để phát động hận thù tạo bất ổn chính trị đó là lý do duy nhất và Quảng Đức chỉ là cục thịt nướng trong bữa tiệc hạ hê của Cộng Sản Bắc Việt, của Chính phủ Hoa Kỳ, của Ác Tăng Việt Cộng Thích Trí Quang, và cuối cùng của kẻ sát nhân Đại Lão Hòa Thượng Thích Tâm Châu thôi.

Năm mươi năm sau 1963-2013 cộng sản xây tượng phong Liệt Sĩ cho Thích Quảng Đức thì tại Hải Ngoại đám cộng sản nằm vùng trong Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, đám cộng sản và việt gian phối hợp với Phật giáo quốc doanh dưới sự chứng kiến của tên Cộng sản gộc Lê Mạnh Thát tổ chức thật rùm beng Lễ Tưởng Niệm Đồng Chí Liệt Sĩ Thích Quảng Đức, vì Bác vì Đảng, tự nướng trong đó có sự ca ngợi của Đại Lão Hòa Thượng Thích Tâm Châu.

Câu cuối cùng tôi xin được hỏi Hòa thượng là: Ngày xưa 1963 Hòa thượng đã từng hăng say phối hợp với Ác Tăng Việt Cộng Thích Trí Quang đập đổ Đệ I VNCH sát hại Tổng Thống Ngô Đình Diệm, sau đó có phải vì địa vị, tiền bạc thế lực danh vọng giữa Hòa thượng và tên ác tăng Việt Cộng Thích Trí Quang thanh toán nhau. Trí Quang đã dọa thanh toán Hòa thượng ít nhất hai lần bằng "một đĩa máu, một con dao, và một huyết thư" đặt ngay trong Việt Nam Quốc Tự và trong chùa Từ Quang (trích Bạch Thư, Thích Tâm Châu, tr. 28). Hòa thượng phải chạy trốn cuộc truy sát của Ác tăng Việt Cộng Thích Trí Quang mà chạy bám theo Tướng Nguyễn Ngọc Loan và Nguyễn Cao Kỳ để được che chở và để được thành lập khối Việt Nam Quốc Tự đối kháng lại khối Án Quang của Ác tăng Việt Cộng Thích Trí Quang, chứ thật ra ngài về với Đệ II VNCH chỉ vì cầu xin Đệ II VNCH sự che chở, đùm bọc mạng sống thôi, chứ chẳng phải vì quốc gia đạo pháp gì phải không Hòa thượng?

Đức Phật đã nói: "Ba điều không thể che giấu đó là: Mặt trăng, mặt trời và sự thật". Hòa thượng là kẻ tu hành sao không nghe lời dạy của Đức Phật?

Đối với Liên Thành này, Hòa thượng không còn là Đại lão Hòa Thượng Thích Tâm Châu của Bạch Thư năm 1993 nữa, cá nhân tôi, và những người Việt tỵ nạn cộng sản, những Phật tử chân chính, chúng tôi đã quá thất vọng về Hòa thượng.

Tôi Liên Thành hoàn toàn chịu trách nhiệm về bài viết này và rất mong được công khai nói chuyện cùng Hòa thượng trước sự chứng kiến của mọi giới về vấn đề ông Thích Quảng Đức bị thiêu hay tự thiêu cũng

như vấn đề Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Đệ I VNCH có đàn áp Phật Giáo hay không?

Trân trọng chào Hòa Thượng.

Liên Thành"

(Trích "Thư thiếu tá Liên Thành gửi Hòa Thượng Thích Tâm Châu)

Nguyễn Công Hoan tưới xăng đốt Thích Quảng Đức

Đại Đức Thích Huệ Nhật

LTS- Đây là tang chứng VG Nguyễn Công Hoan và các Ác tăng PG Án Quang dàn dựng giết Thích Quảng Đức. Theo lời tố cáo của ông Trần Trung Đạo, Bà Hàn Giang Trần Lệ Tuyên và Video ghi lại HT Thích Quảng Đức "không tự tắm xăng tự thiêu" hình ảnh, tài liệu cho thấy Thích Quảng Đức bị việt gian Nguyễn Công Hoan chích thuốc mê man, tê liệt, xong bị tưới xăng đốt sống ngày 11 tháng 6, 1963 tại Sài Gòn. Hiện nay Nguyễn Công Hoan và những tên ác tăng của PG Án Quang hiện đang có mặt tại Hoa Kỳ và khắp chùa trên thế giới. Chúng tôi yêu cầu Hội Đồng Nội An Hoa Kỳ và Sở Di Trú mở lại hồ sơ điều tra những kẻ đồng lõa, kẻ dàn dựng phạm tội giết người đang lẫn trốn trong hàng giáo phẩm Phật giáo GHPGVNTN như Thích Giác Đức, Thích Minh Chiếu, Thích Giác Lượng, Thích Hộ Giác, Nguyễn Công Hoan, v. v.

Và, chính Nguyễn Công Hoan (**Huỳnh Văn Thạnh**) là tên giả sư đã tự tay cầm một can xăng để tưới từ trên vai xuống người của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Rồi cũng chính Nguyễn Công Hoan đã dùng chiếc Zipo loại lớn để bật lửa rồi đốt cháy Hòa thượng Thích Quảng Đức trong lúc ông đã bị hôn mê hoàn toàn, theo: **Lệnh Bức Tử của Phật Giáo Án Quang.**

Trước đây, tôi đã viết về cái chết của Hòa thượng Thích Quảng Đức và tên dân biểu lưỡng triều Nguyễn Công Hoan, là lúc Nguyễn Công Hoan đang có mặt tại nước Mỹ.

Tương cũng nên nhắc lại: Vào năm 1977, trong lúc đương là Dân biểu của bọn việt-gian-cộng-sản của tỉnh Phú Khánh, Nguyễn Công Hoan (**Huỳnh Văn Thạnh**) đã cùng Trần Bình Nam, tức Trần Văn Sơn, cựu Trung tá Hải Quân – cựu dân biểu VNCH; nhưng Trần Bình Nam vì là người thân của Dương Văn Minh, và là bạn chí thiết của Nguyễn Công Hoan, nên không bị vào tù «cái tạo» mà vẫn sát cánh kê vai bên Nguyễn Công Hoan (**Huỳnh Văn Thạnh**) là Dân biểu của việt-gian-cộng-sản. Cả Nguyễn Công Hoan và Trần Bình Nam đã dùng một chiếc thuyền chỉ có hai người là bạn thân

thiết với nhau cùng với người tài công, để lên đường «vượt biển» tại bãi biển Nha Trang.

Sau đó, cả Nguyễn Công Hoan và Trần Bình Nam đã đến nước Mỹ. Tôi nhớ lúc đó, đã có nhiều tờ báo; trong đó, có Văn Nghệ Tiền Phong của Ông Nguyễn Thanh Hoàng đã lên tiếng và đặt nghi vấn về chuyện «vượt biển» của hai người này. Song rồi theo thời gian, mọi chuyện cũng đã đi vào quên lãng.

Nguyễn Công Hoan hiện đang sống trên đất Mỹ, nhưng y không hề ra mặt hay lên tiếng. Riêng Trần Bình Nam, tức Trần Văn Sơn là thường xuyên viết bài đưa lên nhiều trang điện báo. Xin mọi người đừng quên: Trần Bình Nam là bạn thân thiết của Nguyễn Công Hoan (**Huỳnh Văn Thạnh**), từng hoạt động với nhau, và cũng cùng nhau lên thuyền «vượt biển» vào tháng 5 năm 1977, là thời điểm bọn việt-gian-cộng-sản đang kềm kẹp người dân trong trong bàn tay sắt thép một cách kinh hoàng nhất; nhưng Nguyễn Công Hoan và Trần Bình Nam đã thuận buồm xuôi gió trên một chiếc thuyền du lịch để sang nước Mỹ.

Trở lại với đoạn phim trên: **You tube video: [Bo Tat Quang Duc \(Monge Budista suicidio\)](#)**. Tôi thật hết sức kinh hoàng khi nhìn thấy những tên sư sãi của Ấn Quang, tất cả đã đều vô cảm trước ngọn «Lửa Từ Bi» đang đốt cháy đồng môn!!!

Nhưng, tôi lại càng khiếp đảm hơn nữa, khi nhìn thấy thái độ của những nhân viên cảnh sát Việt Nam Cộng Hòa. Bởi tất cả họ cũng đều đứng dưng trước hành vi phạm pháp của Phật giáo Ấn Quang, khi họ ngang nhiên tưới xăng đốt người giữa thanh thiên bạch nhật. Họ đã đồng lõa với tội ác, vì thấy chết mà không ngăn cản, không cứu người. Chẳng những thế, mà họ còn đưa cả hai cánh tay ra ngăn cản những người khác để không cho ai được cứu người. Họ là ai? Xin thưa, họ là những nhân viên cảnh sát đã theo lệnh của Phật giáo Ấn Quang, vì phải giết chết Hòa thượng Thích Quảng Đức, mới mong làm sụp đổ Nền Đệ Nhất Việt Nam Cộng Hòa.

Đến đây, tôi xin được trích đoạn lại về cuộc đốt người này, qua cuốn sách Trong Lòng Địch của Tác giả Trần Trung Quân, từ trang số 99 đến trang 114, đã xuất bản vào năm 1984, như sau. Kính mời quý vị cùng theo dõi:

«Vào khoảng 4 giờ rưỡi sáng, Vũ Mạnh Trường mới đi vào công tác cụ thể. Trung úy Dương Quang Lâm, phụ tá của Vũ Mạnh Trường chăm chú ghi từng tên một, và tên người được trao phó cho công tác. Chính Vũ Mạnh Trường cũng đã thấm mệt. Nhấp một ngụm trà cho thấm giọng, Trường đưa đôi mắt đỏ lừ gườm gườm nhìn Thích Trí Quang:

Làm cách mạng không thể không có máu đổ. Nếu là máu nhà sư thì càng tốt nữa. Sự thù hận của dân chúng đối với Diệm-Nhu càng ngùn ngụt bốc cao hơn không còn sức mạnh nào ngăn chặn nổi nữa. Bộ chính trị trung Ương đang đã nhận rõ tình hình và quyết định rằng, chỉ vài nhà sư chết thảm là bọn Diệm-Nhu sẽ sụp đổ vô phương cứu vãn. Cho nên Đảng đã quyết định là phải giết sư để xúc tiến công cuộc thống nhất đất nước. Đồng chí Kiều Tuấn Cương (bí danh của Thích Trí Quang) nghĩ thế nào?

Thích Trí Quang áp úng:

- Dạ... dạ...

Vũ Mạnh Trường quắc mắt đập mạnh tay xuống bàn giận dữ:

- Tôi yêu cầu đồng chí phát biểu ý kiến về sự thực hiện kế hoạch của đảng, có yêu cầu đồng chí tán thành hay phản đối đâu mà đồng chí dạ...

Thích Trí Quang ngồi im, gục mặt xuống. Cả hội trường không ai phát biểu ý kiến nào. Trường đắc chí, hất mặt lên, lớn tiếng đồng dục:

- Đảng ta đã trù liệu cả rồi. Bộ Chính Trị ủy ban Trung ương Đảng đã là những «đỉnh cao trí tuệ của loài người». Chúng ta bì sao kịp! Mà địch cũng không thể nào chống đỡ nổi. Đảng có lệnh chúng ta phải khích động hoặc tạo điều kiện khích động các sư tự thiêu để củng cố đường tam bảo! Có thể mới hấp dẫn được dư luận thế giới, mới gây cảm thù sâu sắc trong dân chúng đối với chính quyền miền Nam được. Này! đồng chí Cương, thằng Giác Đức nó dám tự thiêu không?

- Chắc là không đâu, đồng chí. Nó nói hăng lắm, nhưng chỉ ba hoa thôi. Nó là học trò tôi, tôi biết rõ nó lắm. Háo danh, nhưng rất hèn.

- Thế còn Thích Hộ Giác?

- Hộ Giác cũng vậy, háo danh. Cái mộng của nó là mò lên lên chiếm ghế Viện Trưởng Viện Hóa Đạo đang nở mặt với đời. Cái thứ như thế mà đòi hỏi nó hy sinh thì thật là khó. Chỉ có ai hy sinh cho nó leo lên thì chắc nó ký cả hai tay mà thôi.

- Thích Thanh Từ thế nào?

- Thích Thanh Từ là đệ tử của Thích Thiện Hoa. Thầy Thích Thiện Hoa còn ở Bến Tre chưa lên. Không có lệnh của thầy hẳn chắc không chịu làm việc gì.

Đến đây, Cao Đăng Chiếm mới lên tiếng:

- Việc này, đồng chí Hằng có thể làm được.

Hằng, tức Thích Thiện Minh giật mình đánh thót, vội nhóm dậy:

- Thưa đồng chí...

Nhưng Chiếm đã khoát tay ra dấu cho Hằng ngồi xuống, cười nhạt:

- Tôi không bảo đồng chí tự thiêu đâu mà lo. Đồng chí còn dốc dụng vào nhiều việc khác. Tôi chỉ nói rằng, với tài mệnh lười của đồng chí và lòng tin cẩn của Thích Quảng Đức nơi đồng chí, chắc đồng chí thừa sức cải tạo tư tưởng của Thích Quảng Đức, để hẳn tình nguyện tự thiêu.

Thích Thiện Minh cười tít mắt. Cao Đăng Chiêm đã gãi đúng chỗ ngứa của tên đội lột thầy chùa để làm chính trị và có nhiều anh hùng tính cá nhân này. Thích Thiện Minh vận mình mấy lượt cho khắp hội trường phải ngó lại nhìn hẳn, rồi mới lên tiếng:

- Cái đó, mấy anh khỏi lo. Quảng Đức đã bị tôi thuốc nước rồi. Ngày hôm kia trả lời cuộc phỏng vấn của tụi báo chí ngoại quốc, tôi đã gài cho Quảng Đức kẹt cứng rồi. Tôi đã nhân danh Thích Quảng Đức mà tuyên bố như vậy: “Nếu Diệm không phóng thích tất cả tù nhân chính trị, không ban hành một chế độ đặc biệt cho các tôn giáo, trong đó có Phật Giáo được treo cờ Phật Giáo ngang hàng với quốc kỳ, thì thầy Thích Quảng Đức nguyện sẽ tự thiêu để gióng lên tiếng chuông báo động với thế giới về những hành động kỳ thị tôn giáo, nhằm tiêu diệt Phật giáo của chính phủ Diệm-Nhu. Và Hội đồng Án quang sẽ đưa vấn đề ra trước Liên Hiệp Quốc”.

Trường gật gù có vẻ tán thưởng:

- Thái độ của Quảng Đức lúc ấy như thế nào?

- Quảng Đức không nói gì, chỉ cúi đầu nhìn xuống. Nhưng tôi biết hẳn có vẻ hơi thất vọng. Tuy nhiên, tính Quảng Đức rất ôn hòa và vị tha, lại dễ xiêu lòng, nên sau đó, tôi đã theo dết cả một tòa sen rực rỡ trên niết bàn đang chờ đợi ông ta, nhờ ông ta hy sinh vì Phật Pháp. Ông ta sẽ đắc đạo, sẽ thành Phật, và bức chân dung của ông sẽ được thờ phượng ở khắp các chùa sau này...

Kết quả có đến 80 phần trăm là Quảng Đức nghe tôi và sẵn sàng hy sinh. Điều tôi lo ngại là chúng ta không ra tay gấp, rủi gặp Hộ Giác, gặp những tên ba hoa như Hộ Giác lỡ miệng xúi bậy ông ta bỏ ý định sẽ hỏng hết.

Ngày tự thiêu của thầy Quảng Đức gần kề bao nhiêu, thì sức khỏe của thầy sa sút bấy nhiêu. Tim thầy mệt cầm canh. Gần như cả ngày thầy không hề nói một câu, ngoài việc tụng kinh niệm Phật. Ý thầy đã quyết chết và sẵn sàng “vị pháp vong thân” rồi, nên tùy thân xác còn lưu lại nơi trần thế, hồn thầy đã bay vào thế giới khác. Lúc này, Thích Thiện Minh ra lệnh cho Huỳnh Văn Thạnh phải suốt ngày cận kề bên thầy Quảng Đức, không được rời thầy nửa phút. Không phải hẳn lo cho sức khỏe của thầy, nhưng là đề phòng mật vụ VNCH bắt mất thầy thì thực là xôi hỏng bỏng

không. Cộng sản đã mất bao nhiêu thì giờ để thuyết phục vừa áp lực thầy tự thiêu cúng đường, thì không thể sơ hở trong phút chót được. Thích Trí Quang đã thức trắng mấy đêm liền để dọn tinh thần cho thầy, trong khi Huỳnh Văn Thạnh nâng giấc thầy còn hơn cha mẹ, lo giặt giữ quần áo, lo từng miếng ăn tới ngụm nước uống cho thầy. Để về sau, chính hẳn đã tưới xăng lên người thầy và châm lửa đốt thầy.

Huỳnh Văn Thạnh theo cộng sản từ năm 1959, nhưng hẳn không tập kết ra Bắc. Cộng sản để hẳn ở miền Nam làm công tác tình báo cho Việt cộng ở khu 5. Tới năm 1962, hẳn được biệt phái qua khu Dương Minh Châu, cho xâm nhập vào Sài Gòn hoạt động trong chiến dịch giáo vận. Năm 1964, cho phù hợp với đường lối và chính sách mới của Việt cộng là “gây ung thối trong hàng ngũ quốc gia” Thạnh được triệu ra khu, ẩn bóng một thời gian và sau đó Việt cộng làm hộ tịch giả cho hẳn mang tên mới là Nguyễn Công Hoan, và cho hẳn về Sài Gòn hoạt động chính trị công khai, đứng phe đối lập với chính quyền Nguyễn Văn Thiệu. Năm 1966 tới năm 1972, nhiều lần cán bộ nắm vùng vận động tới đa rồi mới đưa hẳn ra ứng cử dân biểu quốc hội VNCH, và hẳn đắc cử tại đơn vị Phú Yên.

Sau ngày cộng sản chiếm Sài Gòn tên Huỳnh Văn Thạnh, tức Nguyễn Công Hoan, xuất đầu lộ diện nguyên hình, tích cực tuyên truyền cho cộng sản và chỉ điểm cho công an việt cộng bắt không biết bao nhiêu chiến sĩ quốc gia chân chính. Để trả công cho hẳn, việt cộng cho hẳn vào quốc hội của cộng sản, để lừa bịp dư luận rằng cái quốc hội của cộng sản không hoàn toàn chỉ gồm những đảng viên hay tay sai của cộng sản, mà còn gồm cả một số dân biểu, nghị sĩ “Ngụy” đã biết ăn năn hối cải trở về với “cách mạng”.

Tuy nhiên, Nguyễn Công Hoan vào mùa may ở quốc hội của cộng sản một thời gian, thì những tên chủ nhân việt cộng của hẳn thấy cũng không lừa bịp nổi ai, nên bèn cho hẳn “vượt biên tỵ nạn” để ra nước ngoài làm công tác kiều vận. Nguyễn Công Hoan đã vượt biển sang Nhật, sau đó, nhờ thủ đoạn và móc nối chính trị hẳn đã tới được nước Mỹ một cách ngon lành. Nhưng cái mác dân biểu lưỡng trào của hẳn và cuộc tỵ nạn mờ ám của hẳn đã bị đồng bào nghi kỵ, cho nên hẳn chẳng làm được trò trống gì. Hiện nay, hẳn trùm mền núp bóng một tên sư hổ mang để chờ một cơ hội khác.

Đó là những chuyện xảy ra về sau, mà đa số chúng ta, nhất là bạn đọc của Văn Nghệ Tiền Phong đều biết rõ. Nay xin trở lại với chuyện “tự thiêu của thầy Thích Quảng Đức”. Vấn đề mà việt cộng lo ngại nhất là làm sao mang một thùng xăng khá lớn để có thể đốt cháy

thầy Quảng Đức ngay tức khắc để các cơ quan công quyền không kịp cứu. Mang một thùng xăng lớn tới nơi mà chúng định thiêu thầy Quảng Đức cho trót lọt không phải dễ, vì an ninh VNCH đã rõ mưu đồ của việt cộng. Huỳnh Văn Thạnh, tức Nguyễn Công Hoan, chính là tên đã được việt cộng trao cho trọng trách cung cấp xăng đốt thầy Thích Quảng Đức, và Thích Thiện Minh là người được đề cử để giám sát vụ này, nên hẳn rất lo lắng. Đêm hôm trước khi xảy ra vụ “tự thiêu”, chính Thích Thiện Minh biểu tài xế lái xe chở đi gặp Huỳnh Văn Thạnh để cho biết rằng xăng đã được giấu trong hai thùng nhỏ đựng dầu hôi trong gác hàng của một nữ cán bộ việt cộng đóng vai người đi bán hàng rong buổi sớm.

Thích Thiện Minh hỏi:

- Bao nhiêu lít?

Thạnh trả lời:

- 15 lít, thưa thầy.

- 15 lít đủ đốt không con?

- Dư sức mà thầy, 5 lít cũng đủ chết bà Quảng Đức rồi.

- Phân kế hoạch F2 con cần thận nhé.

- Thầy yên tâm, trước khi “xuất hành”, con sẽ gửi thêm một mũi Trenxinne nữa. Sau đó, con sẽ bồi thêm hai mũi trợ tim Haldol là đủ.

- Vậy à. Tốt lắm, công con to lắm...

Bảy giờ sáng, ngày 20 tháng 4 năm 1963 (ngày âm lịch) dương lịch là ngày 11-6-1963, không khí bên trong chùa buồn như đám ma. Tăng ni ai nấy đều mặt mày ủ rũ thương cho thầy Quảng Đức chỉ chốc lát nữa đây sẽ bị đưa lên giàn hỏa để “bảo vệ đạo pháp”. Ngoại trừ một số ít cán bộ việt cộng và tay sai núp áo cà sa giết người cho cộng sản, là hăm hở chờ đợi giờ phút xảy ra biến cố.

Ngay từ lúc 4 giờ sáng, Huỳnh Văn Thạnh đã vô giường thầy Quảng Đức, lật mông thầy lên để chích cho thầy một mũi Trenxinne, mà hẳn thò thẻ thưa là “thuốc trợ tim” để thầy mau bình phục sức khỏe. Thầy Quảng Đức ngủ mê man, ngủ say sưa như một đứa trẻ thơ trong nôi, sau khi đã no sữa, ông thuốc Trenxinne thấm, cơ thể thầy Thích Quảng Đức bỗng mềm nhũn, ngắt vẹo, thầy cũng không biết đau.

Lúc ấy, Huỳnh Văn Thạnh, tức Nguyễn Công Hoan, mới ra đầu cho đàn em chạy vào lau mình mẩy cho thầy, và thay cho thầy bộ áo cà sa mới toanh. Thế là việt cộng đã chuẩn bị xong để đưa thầy Thích Quảng Đức ra cúng tổ... Các... Mác!!!

Trên đây, là những trích đoạn về lệnh bức tử Hòa thượng Thích Quảng Đức của Phật giáo Ấn Quang,

tiền thân của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất và bọn việt-gian-cộng-sản, trong cuốn sách Trong Lòng Địch của tác giả Trần Trung Quân.

Đây là một bài viết có liên quan đến đoạn phim vừa đưa lên: **You Tube video: Bo Tat Quang Duc (Monge budista suicidio)**. Nên một lần nữa, tôi lại phải mời quý độc giả hãy cùng đọc lại những lời của cụ Đại đức Thích Huệ Nhật, tức Mục sư Tin Lành Nguyễn Huệ Nhật, trong cuốn sách “Từ Áo Cà Sa Đến Thập Tự Giá”. Ông đang có mặt tại Đức quốc, để cùng nhau suy gẫm:

“Cái chết tự nguyện là gì? Những người tự thiêu cho đạo pháp:

“Tôi xin giới hạn trong phạm vi hiểu biết của cá nhân mình, và những gì tôi viết sau đây cũng là một số kinh nghiệm và nhận xét của riêng tôi, sau ba lần tưởng đã chết nhưng nay tôi còn sống trong Ôn Cứu Rồi của Thiên Chúa, nên xác tín hơn, rộng mở hơn.

Người tự thiêu đầu tiên trong thời kỳ Phật giáo đấu tranh chống lại kỳ thị tôn giáo dưới thời chính phủ Ngô Đình Diệm là Hòa thượng Thích Quảng Đức. Ngài là một vị tu sĩ bán thế xuất gia, nghĩa là có vợ con trước khi đi tu. Con ruột ngài cũng là đệ tử nổi tiếng của ngài sau khi ngài hy sinh. Ngài chỉ nổi tiếng sau khi hy sinh.

Cũng như tất cả các vị thánh tăng đã nối tiếp tự thiêu cho Đạo Pháp, bản thân Hòa Thượng Thích Quảng Đức không hề biết rằng kết quả tốt do sự hy sinh của ngài chỉ là nhất thời từ 1-11-1963, còn hậu quả xấu do sự hy sinh của ngài là lâu dài từ mùa hè 1966 đến nay. Vì sau khi chính phủ Ngô Đình Diệm bị lật đổ, Phật giáo Việt Nam chỉ thắng thế nhất thời, để rồi càng bị CSVN lợi dụng sâu sắc hơn, và đưa những cuộc đấu tranh kế tiếp đến ngày 30-4-1975, cho cộng sản Việt Nam lên cướp chính quyền.

Nhìn lại quá trình, chỉ hai năm đầu sau khi chính phủ Ngô Đình Diệm sụp đổ, Hội Phật Học VN đã trở thành GHPGVNTN nổi như cồn, nhưng đó là thời gian mạnh nha đưa GHPGVNTN đến tình trạng suy đồi và phân rẽ ngay trên đỉnh cao thế lực của họ. Năm 1966, GHPGVNTN chia rẽ thảm khốc giữa hai phe Việt Nam Quốc Tự và Ấn Quang. Chưa bao giờ lịch sử Phật giáo Việt Nam có sự căm thù nhau, phân rẽ nhau tệ hại như thế. Vụ đem bàn thờ Phật ra đường để đấu tranh trong mùa hè 1966, là một bằng chứng suy tàn nhất của tinh thần và tổ chức Phật giáo Việt Nam. Nếu tôi kể ra những bất đồng của các vị lãnh đạo PG trong vụ Đem Phật Ra Đường, thì rất phiền. Những cuộc tranh giành đẫm máu trong khuôn viên Việt Nam Quốc Tự cho đến nay vẫn còn giữ kín, trừ vụ kéo sập dẫy

nhà do Đại đức Thích Đức Nghiệp xây lên sát lề đường Trần Quốc Toản là không thể dấu diếm được. Tôi ngắm nghĩ Thượng tọa Thích Trí Quang chỉ là một mẹ mìn rất đặc lực của cộng sản Bắc Việt. Ông bắt cóc niềm tin của đa số Phật tử, để biến họ thành phương tiện hữu hiệu nhất cho cộng sản Bắc Việt vào xâm chiếm miền Nam, và ông đã cho cộng sản Bắc Việt vất chanh bỏ vỏ tất cả nhân, tài, vật lực do niềm tin ấy mà có. Khi công việc bắt cóc ấy hoàn thành, mẹ mìn Thích Trí Quang ngồi im lặng rung đùi và được cộng sản Việt Nam bảo vệ kỹ, không ai dám động một sợi lông chân của ông.

Tôi tin chắc rằng Hòa thượng Thích Quảng Đức đã không hình dung nổi hậu quả tang thương về sau này, đối với Phật giáo nói riêng, và dân tộc nói chung, qua sự hy sinh của ngài. Chính người con trai ruột của ngài, người đã trở thành một vị Thượng tọa nổi tiếng tại ngôi chùa của ngài để lại trên đường Trương Minh Giảng, đã sống ba chìm bảy nổi mang nhiều tăm tiếng và cũng bị tù đày trong chế độ cộng sản.

Lần tự thiêu thứ nhất tại Sài Gòn là lần tôi hoàn toàn chờ đợi theo sự sắp xếp và tổ chức của Ủy Ban Liên Phái, nhưng không thực hiện được, vì tình hình sao đó.

Một người khác là thầy Lưu Bồn đệ tử của Hòa Thượng T.M.H chùa TL, Huế, cũng đã nhảy xuống giếng sâu tự tử tại chùa Phật giáo Đà Nẵng, vào mùa hè 1972, sau khi bị nghi ngờ một chuyện xấu. Mười lăm phút trước khi nhảy xuống giếng, thầy Lưu Bồn ngồi ăn trưa với tôi một cách lặng lẽ.

Một người bạn khác của tôi tên T. An, cũng đi tu ở chùa Phổ Đà tại Đà Nẵng, ông mở một trường Bồ Đề ở gần ga xe lửa Đà Nẵng, cũng đã tự thiêu vì một chuyện riêng, nhưng sau đó được dư luận báo chí cho là tự thiêu vì ý nghĩa lớn lao khác. Trong thế giới tôn giáo đã lâm lụy vào những cơ mưu chính trị thời Việt Nam Cộng Hòa, một vài trường hợp các tu sĩ tự tử bằng cách tự thiêu đã được gán cho những ý nghĩa cao cả “Ý nghĩa cao cả” ấy được áp đặt cho mục đích khác, mà người tự thiêu không đặt ra, nhưng sau cùng những người bà con của họ cũng được hưởng tiếng thơm “Thánh Tử Đạo”. Cũng có nhiều vụ tự thiêu do ý định tự tử để giải quyết chuyện riêng, nhưng khi thực hiện, họ lại nêu lý do thiêng liêng để che đậy chuyện bậy bạ. Hoặc là người tự tử bằng cách tự thiêu xong rồi, sau đó mới được gán cho một ý nghĩa thiêng liêng. Thời đó, nhiều vụ tự thiêu đã bị lạm dụng. Người tình nguyện tự thiêu thì đông, nhưng người đáng được chấp nhận thì ít. Vì một người có đời sống không sáng sủa, nếu được chấp nhận cho tự thiêu, sẽ có nguy cơ làm mất niềm tin

của nhiều người khác. Tất cả những người tình nguyện tự thiêu đều là những người không sáng giá khi còn sống. Những người sáng giá nghĩ rằng mình cần sống để làm việc có kết quả hơn.

Những người nêu trên đều quen thân với tôi, nên tôi biết một số lý do tại sao họ đã tự thiêu. Giống như những người thất tình, những thí sinh thi rớt, những đứa con giận cha mẹ, những người bị thất bại làm ăn... Họ không còn thiết sống nữa. Họ tìm đến cái chết để trốn chạy một thực tại bất đắc chí bằng cái chết tự sát.”

Quý độc giả vừa đọc qua những trang sách của tác giả Trần Trung Quân và cựu Đại đức Thích Huệ Nhật.

Nên biết, sau khi chiếm được miền Nam tự do cho đến hôm nay, bọn việt-gian-cộng-sản đã trả công cho Phật giáo Ấn Quang bằng rất nhiều hình thức; trong đó, có nhiều con đường mang tên Thích Quảng Đức.

Riêng tôi, vì đã vô cùng căm phẫn trước những hình ảnh của Hòa thượng Thích Quảng Đức đã bị cả lũ người bất lương, vô nhân tính và tàn ác, khi đem sinh mạng của Hòa thượng Thích Quảng Đức ra để làm phương tiện cho cứu cánh. Bởi vậy, nên tôi phải viết lên bài này, với tất cả tâm thành, tôi ước mong cho mọi người đừng bao giờ đem sinh mạng của bất kể người đó là ai để làm vật hy sinh. Bởi mỗi sinh mạng của một con người trên thế gian này, đều do Trời sinh, thì xin mọi người hãy để cho Trời diệt.

Nhưng, những việc làm của Phật giáo Ấn Quang; trong đó có: **Lệnh Bức Tử: Hòa thượng Thích Quảng Đức**, đã được xác tín hơn nữa, qua những lời của chính Hòa thượng Thích Quảng Đức qua cuốn sách:

«**Nhận định những sai lầm tai hại của đảng cộng sản Việt Nam đối với dân tộc và Phật giáo Việt Nam Thống nhất**». Cuốn sách này đã do Võ Văn Ái viết lời giới thiệu và phát hành vào năm 1995; và Thích Quảng Đức đã có những lời viết như sau:

«**Chính quyền ông Ngô Đình Diệm càng ngày càng trở nên độc tài, gia đình trị và có tính kỳ thị tôn giáo, nên ít được lòng dân. Sau khi đã tiêu diệt các tôn giáo khác, như Cao Đài, Hòa Hảo, năm 1963, ông Ngô Đình Diệm ra tay đàn áp Phật giáo, toàn thể tăng ni Phật tử miền Nam đã phải đứng lên chống lại để bảo vệ đạo pháp. Đến tháng 11-1963, chế độ ông Ngô Đình Diệm bị lật đổ**».

Và đến cuốn ngụy thư thứ hai lại cũng do Võ Văn Ái viết lời giới thiệu và đã đăng trên báo «**Quê Mẹ**» số 113, trang 06, tháng 06 năm 1995, với cái tựa đề:

«**Bằng đôi chân của mình mời người hãy đi lên**», của Thích Đức Nhuận «**nguyên Tổng thư ký Viện Tăng Thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất**» tức Ấn Quang.

Mở đầu Thích Đức Nhuận đã viết:

Đến trang số 09, Thích Đức Nhuận viết tiếp:

«Năm 1963, Phật giáo Việt Nam phát khởi cuộc vận động chống chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm, đòi tự do và bình đẳng tôn giáo và được toàn dân từ Bắc chí Nam ủng hộ. Bao quyền mang đặc tính kỳ thị tôn giáo sụp đổ. Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất được thành lập».

Nên ghi nhớ, vào đại hội thống nhất Phật giáo năm 1981, Thích Đức Nhuận đã được bầu lên ngôi «Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam cộng sản».

Qua những lời của chính Thích Đức Nhuận đã viết, rõ ràng là Thích Đức Nhuận đã công khai nhận trách nhiệm của Phật giáo Ấn Quang với câu nói:

«Phật giáo Việt Nam phát khởi cuộc vận động chống chế độ...» là để đánh đổ Nền Đệ Nhất Việt Nam Cộng Hòa. Điều quan trọng hơn cả là:

«đã được toàn dân từ Bắc chí Nam ủng hộ».

Như thế, đã quá rõ ràng, đã quá sáng tỏ, để cho mọi người hiểu được rằng: Phật giáo Ấn Quang «phát khởi cuộc vận động chống chế độ và đã được toàn dân từ Bắc chí Nam ủng hộ». Nghĩa là gồm cả cộng sản Bắc Việt.

Như vậy, căn cứ theo những lời của chính hai người đã và đang đứng đầu của GHPGVNTN, tức Ấn Quang, thì cả hai đã công khai nhận trách nhiệm về cái chết của Hòa thượng Thích Quảng Đức, và kéo theo là sự sụp đổ của Nền Đệ Nhất Việt Nam Cộng Hòa và hệ lụy là ngày mất nước: 30-4-1975, với các sư sãi của Phật giáo Ấn Quang đã công khai đưa từng đoàn xe ra tận núi rừng, để đón rước cộng quân vào các thành phố tại miền Nam tự do, cùng với những màn bắn giết các vị là Quân-Cán-Chính Việt Nam Cộng Hòa, vào trước ngày 30-4-1975, để trả thù và để lập công với bọn việt-gian-cộng-sản.

Chính vì thế, Phật giáo Ấn Quang cho dù có nguy hiểm bằng cách nào chăng nữa, thì vẫn không bao giờ xóa được những tội ác của một thời «tranh đấu» có bàn thờ Phật xuống đường, có máu đổ đầu rơi. Chẳng những vậy, mà qua cái «Thông bạch của hàng giáo phẩm đang đứng đầu Phật giáo Việt Nam đang hành đạo tại Hoa Kỳ», những người này đã bênh vực cho Thích Trí Dũng, người đã công khai trên sách báo là:

«Vào Tết Mậu Thân, 1968, chùa Phổ Quang là nơi khai hỏa đánh sân bay Tân Sơn Nhất».

Vậy, để biết thêm một cách tường tận hơn, xin kính mời quý vị hãy đọc lại bài: Tường Niệm Bốn mươi

Năm Cuộc thăm Sát Mậu thân: 1968-2008; hiện vẫn còn lưu giữ trên trang điện báo: [Hồn Việt: hon-viet.co.uk](http://Hon-Viet.co.uk)

Ngày 28-02-2010

Đại Đức Thích Huệ Nhật 

Còn linh mục Cao Văn Luận lúc gần cuối đời đã phê phán như sau: “Sự thanh toán ông Diệm và chế độ ông ta phải chăng là một sai lầm tai hại cho đất nước Việt Nam. Những hỗn loạn chính-trị, những thất bại quân sự sau ngày 1-11-1963 đã trả lời cho câu hỏi đó”.

(Xin được nhắc lại: Linh mục Cao Văn Luận được Tổng Thống Ngô Đình Diệm bổ nhiệm giữ chức viện Trưởng viện Đại Học Huế. Nhưng khi biến cố Phật giáo xảy ra, linh mục Cao Văn Luận đứng về phe ông Trí Quang, chống Chính Quyền, nên ông ta đã bị Tổng Thống Ngô Đình Diệm cách chức Viện Trưởng Viện Đại Học Huế, rồi lại còn bị giam lỏng tại Sài Gòn).

Tóm lại, tất cả người Việt chúng ta đều là nạn nhân của bọn tài phiệt buôn bán chiến tranh của Hoa Kỳ điển hình là tên Thứ Trưởng Ngoại Giao Averell William Hariman, của truyền thông và báo chí Hoa Kỳ, của các cường quốc nói chung... nhưng chúng ta cũng là nạn nhân của chính chúng ta, trong đó những kẻ nhiều tội nhất là những kẻ làm tay sai cho Mỹ, cho Pháp, cho Cộng sản quốc tế, ...!

Để kết thúc những dòng thơ thiền trên, chúng tôi xin trở lại lời nói cuối cùng trên đây của Tổng Thống Ngô Đình Diệm khi Tổng Thống và ông Ngô Đình Nhu rời khỏi dinh Gia Long:

“ĐI NHƯ RI LÀ MẮT NƯỚC”

Nhưng chúng tôi băn khoăn: “Mắt nước” là mắt miền Nam Việt Nam vào tay Cộng Sản miền Bắc hay mắt cả nước Việt Nam vào tay Trung Cộng, như lời Tổng Thống và ông cố vấn Ngô Đình Nhu đã tiên đoán trước đây:

“Nếu Cộng Sản miền Bắc thắng được miền Nam, thì toàn thể nước Việt Nam sẽ trở thành quận hay tỉnh của Trung Cộng. Yếu tố còn lại chỉ là thời gian”.

lê thanh hùng

Ghi nhớ ngày “Quốc Tang” thứ 51 (2014) của toàn thể dân tộc Việt Nam.